



NẮM CƠ HỘI LUÔN ĐI MỚI



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

2018

180 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

180 Nguyen Thi Minh Khai Street, District 3
Ho Chi Minh City, Vietnam

www.casumina.com

MỤC LỤC



0.1

TỔNG QUAN CASUMINA **CASUMINA GENERAL INFORMATION**

Chỉ số nổi bật <i>Key indicators</i>	006
Tầm nhìn, Sứ mệnh & Giá trị cốt lõi <i>Vision, Mission & Core Values</i>	007
Thông điệp từ Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị <i>Messages from the chairman</i>	008

0.2

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN **HISTORY OF FORMATION AND DEVELOPMENT**

Thông tin khái quát <i>General Information</i>	012
Giải thưởng và thành tựu 2017 <i>Achievement and Awards</i>	013
Các sự kiện chính <i>Key milestones</i>	014
Ngành nghề kinh doanh <i>Business lines</i>	016
Địa bàn kinh doanh <i>Business locations</i>	017
Sơ đồ tổ chức <i>Organization structure</i>	018
Tổ chức nhân sự <i>Organization & Human resource</i>	020
Cơ cấu cổ đông <i>Shareholder structure</i>	032
Các đơn vị thành viên <i>Subsidiaries</i>	034

0.5

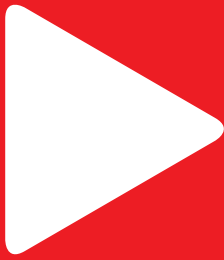
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ **BOARD OF DIRECTORS REPORT**

Tình hình chung <i>General situation</i>	064
Hoạt động của hội đồng quản trị 2017 <i>Operation of the Board of Directors in 2017</i>	066

0.6

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT **BOARD OF SUPERVISORS REPORT**

Hoạt động của Ban kiểm soát 2017 <i>Operations of the Supervisory Board in 2017</i>	072
Kết quả hoạt động kiểm tra và giám sát <i>Inspection and supervision results of the Supervisory Board</i>	073
Nhận xét và kiến nghị <i>Comments and recommendations</i>	075
Phương hướng hoạt động 2018 của BKS <i>The operation orientation of the Supervisory Board in 2018</i>	076



INDEX

0.3

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN **DEVELOPMENT DIRECTION**

Mục tiêu <i>Goals</i>	040
Chiến lược phát triển <i>Development strategy</i>	040
Các rủi ro <i>Risks and difficulties</i>	041

0.4

BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH **BOARD OF MANAGEMENT REPORT**

Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2017 <i>Business performance report in 2017</i>	046
Phương hướng sản xuất kinh doanh 2018 <i>Business orientation in 2018</i>	054
Tình hình thực hiện các dự án đầu tư <i>Implementation of investment projects</i>	060

0.7

BÁO CÁO VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI **ENVIRONMENTAL AND SOCIAL REPORT**

Quản lý nguồn nguyên vật liệu <i>Material source management Policy</i>	080
Tình hình tiêu thụ Năng lượng <i>Energy consumption situation</i>	081
Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường <i>Compliance with environmental regulations</i>	082
Hướng đến cộng đồng <i>Contribution to the community</i>	083

0.8

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN **FINANCIAL STATEMENTS**

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc <i>BOM report</i>	086
Báo cáo của kiểm toán <i>Independent auditor's report</i>	089
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán <i>Audited financial statements</i>	091

1.0

TỔNG QUAN CASUMINA

CASUMINA GENERAL INFORMATION

1.3 Chỉ số
nổi bật

*Key
indicators*

1.2 Tâm nhìn,
Sứ mệnh,
Giá trị cốt lõi

*Vision,
Mission &
Core values*

1.3 Thông điệp
từ Chủ tịch
HĐQT

*Messages
from the
Chairman*

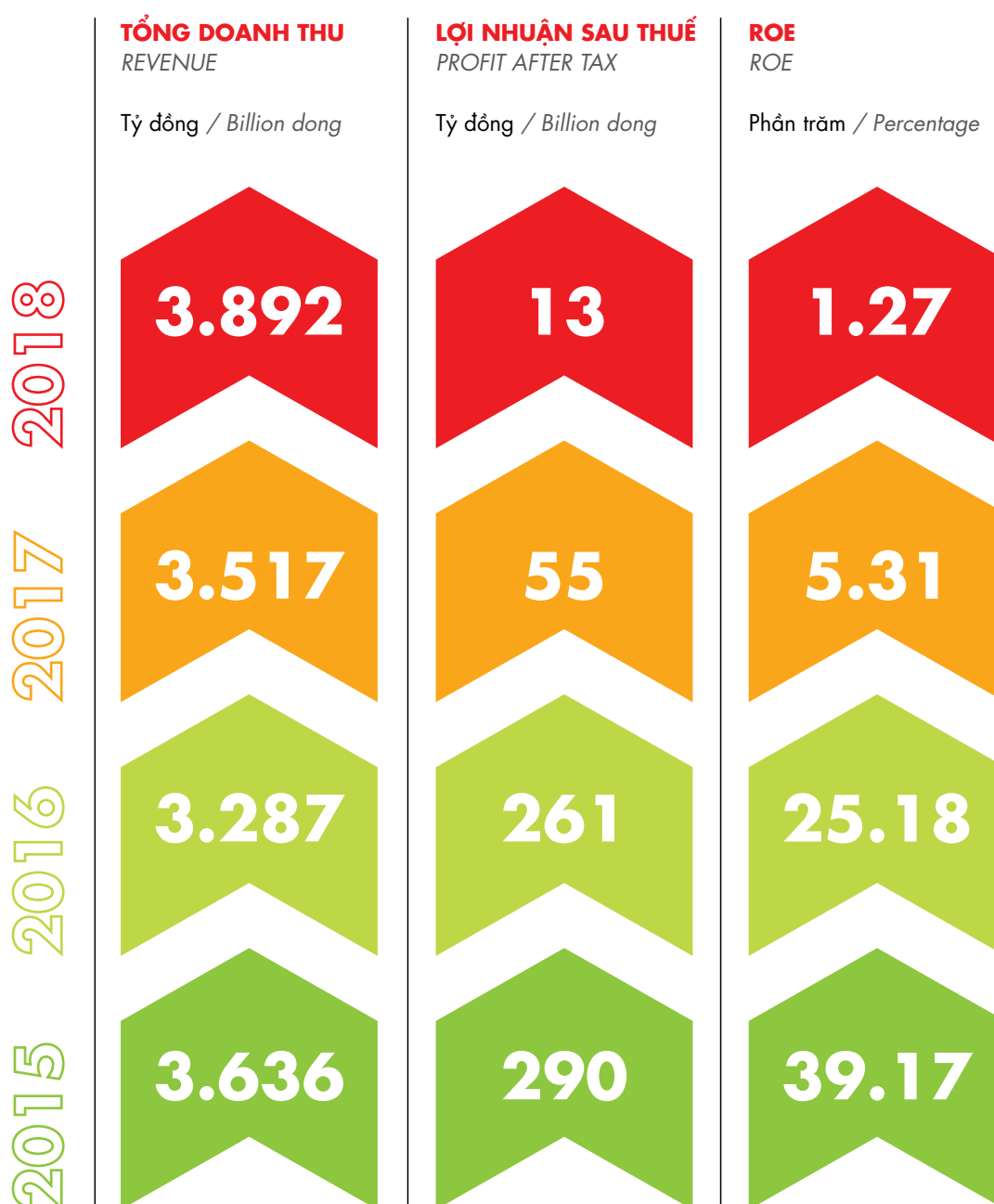




ADVENZA
TYRES

CHỈ SỐ NỔI BẬT

KEY INDICATORS



VISION

TÂM NHÌN

Nhà sản xuất lốp hàng đầu Đông Nam Á.

Becoming the best tire manufacturer in South East Asia.

Cống hiến cho xã hội sự an toàn, hạnh phúc và thân thiện.
Contribution to society of safety, happiness and friendliness.

MISSION

SỨ MỆNH

CORE VALUES

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tin cậy : Sản phẩm, dịch vụ, con người.

Hiệu quả: Mọi hoạt động luôn hướng đến hiệu quả.

Hợp tác: Sẵn sàng hợp tác cùng phát triển và có lợi.

Năng động: Luôn sáng tạo và đổi mới.

Nhân bản: Vì con người.

Reliability: products, services, people

Efficiency: All operations are geared towards maximum efficiency

Cooperation: Cooperation for mutual benefits and growth

Proactive: Always creative and innovative

Humane: Focus on people

THÔNG ĐIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MESSAGES FROM THE CHAIRMAN OF BOARD OF DIRECTORS

Kính thưa Quý cổ đông và Nhà đầu tư.

Trước tiên, Tôi thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam, Ban lãnh đạo Công ty và toàn thể CB-CNV Công ty xin gửi đến Quý cổ đông, Nhà đầu tư lời cảm ơn chân thành, cảm ơn Quý vị đã hỗ trợ, đồng hành cùng Casumina trong nỗ lực duy trì hoạt động SXKD trong năm 2018 và những năm qua.

Tôi không đề cập đến những hạn chế trong kết quả SXKD của Casumina trong năm 2018, bởi vì đã có nhiều thông tin đa chiều từ báo cáo phân tích của các Công ty chứng khoán, báo chí đã đưa tin và ngay trong báo cáo thường niên (mà quý vị đang có trong tay) cũng đã phân tích khá kỹ về vấn đề này. Tuy nhiên, chúng ta cần điều nghiên một cách nghiêm túc, đó là những tín hiệu tốt mang tính dài hạn trong tổng quan thị trường ngành săm lốp trong nước và thế giới.

Trong năm 2018, Casumina vẫn đảm bảo có lợi nhuận trong khi đang trong điều kiện gặp nhiều thách thức và rủi ro do tác động từ bên ngoài cũng như nội bộ doanh nghiệp: Áp lực cạnh tranh gia tăng giữa các doanh nghiệp sản xuất săm lốp; Sự biến động của giá nguyên vật liệu phục vụ ngành công nghiệp sản xuất săm lốp; Dòng vốn đầu tư vào nội ngành đã bão hòa khi mà hàng nhập ngoại chiếm ưu thế (tác động từ chính sách thương mại giữa các nước lớn); Lực lượng lao động có sự chuyển dịch sang công nghiệp nhẹ như dệt may, tiêu dùng... là một bất lợi trong khi Casumina cần ổn định sản xuất. Với những nỗ lực không ngừng của mỗi thành viên Ban Lãnh đạo cho đến từng CB-CNV Công ty trong việc nắm vững công nghệ, triển khai nhanh và tiếp cận với thị trường thế giới.

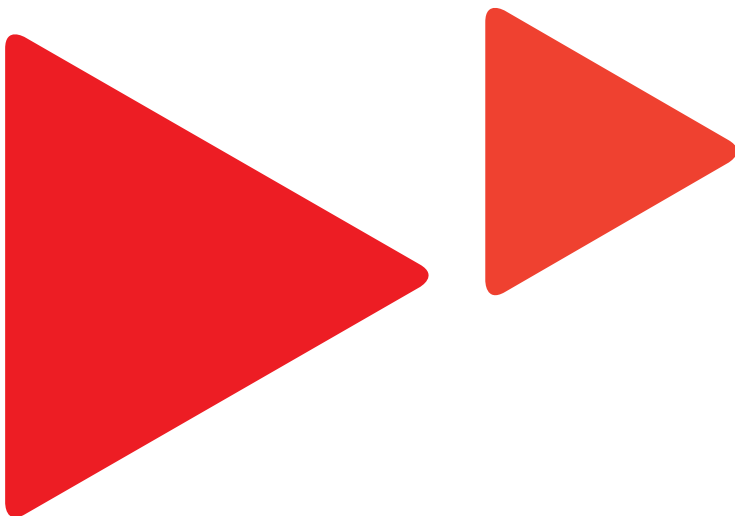
Dear valued shareholders and investors.

On behalf of Casumina's Board of Directors, Board of Management and staff, I would like to express our sincere thanks to valued shareholders and investors for your contribution in Casumina in 2018 and in the past years.

I would not mention much about the limitations in Casumina's business performance in 2018 as there has been a lot of multidimensional information presented in analysis reports of Securities Companies, reported in press, moreover the annual reports (which you have at hand), they have thoroughly analyzed this issue. However, what we need to study seriously are good long-term signals in the domestic and international tyre market overview.

In 2018, Casumina still ensure profits while facing challenges and risks coming from external and internal sources: the increasing competitive pressure between company in the same industry; the fluctuation of inputs' prices; Investment into the industry has become saturated while imported goods are still having advantages (from Agreements and Policies of major economies); Labor force is shifting from heavy industry to light industry such as textiles, consumer goods., etc... is a disadvantage of Casumina in the effort to stabilize production. With the continuous effort from each member of the Board of Leaders to each staff of the Company in technology master, fast deployment and access to the world market.

Year of 2019 will be an important milestone for Casumina,





Năm 2019 được đánh giá là một cột mốc quan trọng đối với Casumina khi mà các yếu tố bên ngoài và nội tại Công ty đạt đến độ tích lũy để có những bước tiến trong tương lai mà tôi có thể liệt kê như sau:

1. Công ty đang trong quá trình thực hiện chủ trương thoái vốn của Chính phủ Việt Nam (đến 36%) đối với phần vốn chủ sở hữu Nhà Nước sẽ tạo ra nhiều cơ hội cũng như thách thức. Tuy nhiên, đội ngũ CB-CNV Casumina sẽ phải tự lực cánh sinh, tự đứng trên đôi chân của chính mình và tự quyết định vận mệnh của thương hiệu săm lốp Casumina.
2. Với nhóm sản phẩm chiến lược là lốp Radial (bán thép và toàn thép) có thể cho thấy một triển vọng phát triển bền vững trong tương lai dài hạn đối với Casumina khi nhìn ở các hai góc độ: Mức tăng trưởng và hiệu quả.
3. Quá trình hợp tác với các đối tác có uy tín trong ngành công nghiệp săm lốp thế giới đang được triển khai một cách chặt chẽ, thận trọng và có hiệu quả đối với nhóm lốp TBR và PCR.
4. Dựa vào chủ trương phát triển ngành công nghiệp ô tô tại Việt Nam, với tỷ lệ nội địa hóa lên đến 60% đã tạo ra một cơ hội lớn cho ngành săm lốp xe trong đó có Casumina.

Casumina cam kết theo đuổi cải cách quản lý, ứng dụng các công cụ hiện đại trong quản lý để đem lại mục tiêu cuối cùng là trở thành một "Nhà sản xuất lốp toàn cầu".

Với việc đẩy mạnh cải tiến liên tục và cải cách quản lý. Đồng thời đặt ra các mục tiêu có trọng điểm, chúng tôi hy vọng rằng sẽ tiếp tục duy trì được mức tăng trưởng và có lợi nhuận của Công ty. Chúng tôi luôn trân trọng sự hỗ trợ của các Quý vị để theo đuổi mục tiêu của chúng tôi và đạt được kết quả tốt trong năm 2019 và các năm tiếp theo.

Trân trọng kính chào.

as the external and internal factors of the Company will have reached accumulation to make further progress that can be listed as follows:

1. 1. The Company is executing the Policy on divestment to 36% of the State's equity, which will create many opportunities as well as challenges. However, Casumina's staff will have to be self-reliant and stand on their own feet and determine the destiny of Casumina -Tyres and tubes brand name.
2. 2. With the strategic product range of (all steel and semi-steel) Radial tyres, it is possible to show a long-term future prospect for Casumina in terms of both growth and efficiency.
3. Cooperation with reputed clients in tyre and tube industry around the World is being executed with utmost care and efficiency for TBR and PCR group.
4. Based on the policy on automobile industry development in Vietnam, with a localization rate of up to 60%, there is a great opportunity for the tyre and tube industry including Casumina.

Casumina is committed to pursuing management reform, applying modern management tools to achieve the ultimate goal of becoming a "Global Tyre Manufacturer".

By continuous improvement and management reform, at the same time, setting the targets with keys, we hope that we will continue to maintain the Company's growth and profitability. We always highly appreciate your support to pursue our goals and achieve good results in 2019 and in the following years.

Faithfully yours,

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF BOARD OF DIRECTORS

Nguyễn Xuân Bắc



2.0



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

HISTORY OF FORMATION AND DEVELOPMENT

2.1 Thông tin
khái quát

*General
information*

2.2 Giải thưởng
và thành tựu
năm 2018

*Achievements
and titles
in 2018*

2.3 Các sự kiện chính

Key milestones

2.4 Ngành nghề
kinh doanh

Business lines

2.5 Địa bàn
kinh doanh

*Business
locations*

2.6 Sơ đồ
tổ chức

*Organization
structure*

2.7 Tổ chức
nhân sự

*Organization &
Human resource*

2.8 Cơ cấu
cổ đông

*Shareholder
structure*

2.9 Các đơn vị
thành viên

Subsidiaries

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

GENERAL INFORMATION

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam**
- Tên viết tắt: **CASUMINA**
- Giấy phép ĐKKD: **0300419930** (đăng ký lần đầu ngày 01/03/2006, thay đổi lần thứ 12, ngày 25/08/2016)
- Vốn điều lệ: **1.036.264.670** đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **1.036.264.670** đồng
- Tăng vốn điều lệ từ **740 tỷ** đồng lên **1.036 tỷ** đồng
- Sản xuất và bán thương mại lốp radial bán thép (PCR – Passenger Car Radial), chủ yếu cung cấp cho thị trường xuất khẩu.
- Đầu tư chiều sâu dự án lốp radial bán thép đạt 1.000.000 lốp/năm.
- Tham gia vào chuỗi cung ứng BTP cao su với sản lượng 2.500 tấn/tháng.
- Địa chỉ: **Số 180 Nguyễn Thị Minh Khai, P. 6, Q. 3, TP. HCM**
- Số điện thoại: **(028) 3836 2369**
- Fax: **(028) 3836 2376**
- Website: **www.casumina.com**
- Mã cổ phiếu: **CSM**
- Name in English: **The Southern Rubber Industry Joint Stock Company**
- Abbreviation: **CASUMINA**
- Business license: **0300419930** (first issued 01 March 2006; 12th amendment made on 25 August 2016)
- Charter capital: VND **1.036.264.670**
- Owner equity: VND **1.036.264.670**
- Charter capital increased from VND **740 billion** to VND **1.036 billion**.
- Production and sales of passenger car radial tires (PCR) mainly for export.
- Invest convergently in the PCR tire project to reach 1.000.000 tires/year
- Entering the semi-finished rubber products supply chain with capacity of 2.500 tons/month.
- Address: **180 Nguyen Thi Minh Khai, Ward 6, District 3, Ho Chi Minh City**
- Phone: **(028) 3836 2369**
- Fax: **(028) 3836 2376**
- Website: **www.casumina.com**
- Stock Ticker: **CSM**

GIẢI THƯỞNG VÀ THÀNH TỰU 2018

ACHIEVEMENTS AND AWARDS 2018



Thương hiệu quốc gia (lần thứ 6)
National brand (6th time)



Hàng Việt Nam chất lượng
cao liên tục lần thứ 22
Vietnamese high quality
product, voted by consumers
consistently for the 22th year



Cờ thi đua Công đoàn Công
nghiệp Hóa chất Việt Nam
Flag of professional
emulation from the
Vietnam General
Confederation of Labor



Top 5 Doanh nghiệp có
doanh thu cao nhất Tập
đoàn Công nghiệp hóa
chất Việt Nam
Top 5 business with highest
revenue in Vinachem Group

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

KEY MILESTONES

Thành lập Công ty Liên doanh lốp Yokohama Việt Nam với các đối tác Yokohama và Mitsubishi Nhật Bản để sản xuất sảm lốp ô tô và xe máy.

Yokohama Vietnam joint venture established with partners: Yokohama and Mitsubishi Japan to produce motorcycle and automobile tires.

Công ty nhận chứng nhận sản phẩm lốp ô tô đạt tiêu chuẩn Nhật Bản JIS K4230.

Japan Industrial Standard K4230 achieved for automobile tires.

Công ty nhận chứng nhận sản phẩm sảm lốp xe máy đạt tiêu chuẩn Nhật Bản JIS K6366/JISK6367.

Japan Industrial Standard JIS K6366/JIS K6367 achieved for motorcycle tires.

CASUMINA được xếp hạng thứ 59/75 các nhà sản xuất lốp xe lớn trên thế giới. Công ty tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng. Đạt chứng nhận Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2007.

Ranked 59/75 among the top tire manufacturers worldwide. Charter capital increased to VND 150 billion in July 2007. Awarded prestigious exporter certificate.

VND
150
billion

Sản xuất lốp Radial V15, V16. Ký kết hợp đồng hợp tác sản xuất lốp xe tải nhẹ với Công ty CONTINENTAL Đức (tập đoàn đứng thứ 4 thế giới về sản xuất sảm lốp xe các loại)

Radial v15, v16 automobile tires produced. Casumina signed a contract collaborating with Continental Germany AG (The 4th largest global corporation in producing tires).

1976

1997

1999

2000

2001

2002

2003

2005

2006

2007

Công ty Công nghiệp Cao su Miền Nam được thành lập theo quyết định số 427-HC/QĐ ngày 19/04/1976 của Nhà nước Việt Nam.

The Southern Rubber Industry Company was established according to Decision No. 427-HC/QD dated 19/04/1976 by the Vietnamese government.

Đầu tư một nhà máy chuyên sản xuất lốp ô tô tải với công nghệ hiện đại. Công ty nhận chứng chỉ ISO 9002 - 1994.

A hightech factory specializing in truck tires established. ISO 9002 - 1994 certified.

Công ty nhận chứng chỉ ISO 9001 - 2000. ISO 9001 - 2000 certified.

Sản xuất lốp Radial V13, V14. Nhận chứng chỉ ISO 14001 - 2000.

Rim 13 & rim 14 passenger car radial tire produced. ISO 14001 - 2000 certified

VND
120
billion

Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam chính thức đi vào hoạt động với vốn điều lệ ban đầu là 90 tỷ đồng. Tháng 11/2006 tăng vốn điều lệ lên 120 tỷ đồng.

The Southern Rubber Industry Joint Stock Company officially established with initial charter capital of VND 90 billion and increased to VND 120 billion in Nov 2006.



VND
250 billion,
25.000.000
stocks

Ký hợp đồng chuyển giao công nghệ với Công ty Qingdao aoce – Trung Quốc. Tăng vốn điều lệ lên 250 tỷ đồng. Công ty chính thức niêm yết 25.000.000 cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp. HCM với mã cổ phiếu CSM.

Technology transfer contract signed with Qingdao Gaoce (China). Charter capital increased to VND 250 billion. Officially listed 25.000.0000 stocks on HOSE under the ticker CSM.

Tăng vốn điều lệ lên 585 tỷ đồng Công ty được Tập đoàn Hóa chất Việt Nam khen tặng là 1 trong 5 đơn vị có doanh thu cao nhất và hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả nhất trong năm 2012.

Charter capital increased to VND 585 billion. Received acknowledgment from Vinachem for being 1 of the 5 highest earning member and most effective business in 2012.

VND
580
billion

Khánh thành và đưa vào hoạt động nhà máy lớp Radial.

Established the all steel radial tire factory.

VND
1.036
billion,
1 million

Tăng vốn điều lệ lên 1.036 tỷ đồng. Kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Công ty (19/04/1976 – 19/04/2016). Đón nhận huân chương lao động hạng nhất do Đảng và Nhà nước trao tặng. Đưa vào vận hành dây chuyền sản xuất lớp radial bán thép với công suất 500 nghìn chiếc/năm. Ký kết hợp tác toàn diện với Công ty Tireco (Mỹ) về chuyển giao công nghệ và gia công lớp radial bán thép với sản lượng đến 1 triệu chiếc/năm.

Charter capital increased to VND 1.036 billion. Celebrating the 40th anniversary (April, 19, 1976 – April, 19, 2016). Honored to receive the First-class Labor Order awarded by the Communist Party of Vietnam. Operations of the passenger car radial tire factory commenced, with capacity of 500.000 tires/year. Technology transfer and production of up to 1 million tires/year contract with Tireco (US) signed for passenger car radial tires.

Xuất khẩu lớp PCR cho đối tác Tire Co với sản lượng 900 nghìn chiếc

Ký kết hợp tác toàn diện với đối tác JinYu về lớp cung cấp lốp ô tô TBR. Sản lượng dự kiến 2019-2020: 300 nghìn chiếc/năm.

900 thousand pieces of PCR tyre exported to Tireco. Signing a contract to supply to Jinyu – expected capacity 2019-2020: 300 thousand pieces/year.

2008

2009

2010

2012

2013

2014

2015

2016

2017

2018

VND
422
billion

Ký kết hợp đồng liên doanh với Philips Carbon Black.LTD để sản xuất than đen.

Joint venture with Philips Carbon Black.Ltd to set up production of black carbon.

Tăng vốn điều lệ lên 422 tỷ đồng Ký hợp đồng chuyển giao công nghệ lớp toàn thép Radial và cải tiến chất lượng lớp Bias với Công ty Qingdao Gaoce – Trung Quốc. Ký hợp đồng hợp tác chiến lược với Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và xây dựng Ba Đình.

Charter capital increased to VND 422 billion. Technology transfer contract on all steel radial tire and quality improvement of bias tire signed with Qingdao Gaoce (China). Strategic collaboration contract signed with Ba Dinh Investment & Construction Consulting Joint Stock Company.

Tăng vốn điều lệ lên 673 tỷ đồng.
Charter capital increased to VND 673 billion.

VND
673
billion

Nghiên cứu phát triển dự án sản phẩm lốp xe máy hiện đại nhất Việt Nam. Tăng vốn điều lệ lên 740 tỷ đồng.

Research and developing the most modern motorcycle tire and tube project in Vietnam. Charter capital increased to VND 740 billion.

- Bước đầu cung cấp lớp PCR gia công cho đối tác Tire Co (Mỹ). Sản lượng cung cấp trong quý 4/2018 là 230 nghìn lốp.

- Đưa vào vận hành dây chuyền sản xuất lớp radial bán thép với công suất 700 nghìn chiếc/năm.

- Triển khai các cam kết Công ty Tire Co (Mỹ) về chuyển giao công nghệ và gia công lớp radial bán thép với sản lượng đến 1 triệu chiếc/năm

VND
740
billion

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

BUSINESS LINES

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng.
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, thiết bị ngành công nghiệp cao su.
- Kinh doanh thương mại dịch vụ.
- Kinh doanh bất động sản.
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với qui định của pháp luật.
- Producing and trading industrial and commercial rubber products.
- Trading, importing and exporting raw materials, chemical substances (excluding hazardous chemical substances) and equipment used in the rubber industry.
- Trade & services.
- Real estate.
- Other businesses in compliance with national laws and regulations.

SẢN PHẨM

PRODUCTS

Lốp ô tô Radial bán thép
Passenger Car Radial tires



Lốp ô tô Radial toàn thép
Truck Bus Radial tires



Lốp xe máy
Motorcycle tires



Lốp xe đạp
Bicycle tires



Lốp ô tô bias
Bias tires



Lốp xe nâng
Forklift tires



Lốp nông nghiệp
Agriculture tires



ĐỊA BÀN KINH DOANH

BUSINESS LOCATIONS

Thị trường nội địa: sản phẩm của CASUMINA đã có mặt trên 64 tỉnh thành khắp cả nước thông qua hệ thống các nhà phân phối và đại lý cấp 2, cấp 3. Thị trường nội địa vẫn chiếm tỷ trọng cao.

Thị trường xuất khẩu: Thị trường xuất khẩu chủ yếu bao gồm: Đông Nam Á, Châu Âu, Mỹ.

Domestic market: Casumina products has presence in 64 provinces via a strong network of agents, comprising of level 2 and level 3 agents. The domestic market still has a major share in total revenue.

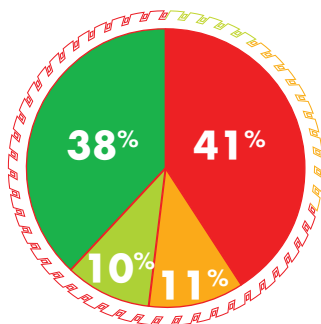
Export market: Main markets consists of South East Asia, Europe, US.

Định hướng đối với thị trường xuất khẩu của Casumina là:

- Duy trì thị trường hiện có.
- Đảm bảo cung ứng đúng tiến độ theo cam kết đối với hai đối tác Tire Co, JinYu (nhóm lớp TBR, PCR).
- Tận dụng chính sách thương mại của các nước lớn theo hướng có lợi cho Công ty (thuế suất).

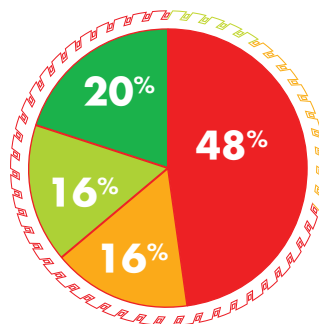
Direction for export market of Casumina

- Maintain current markets.
- Ensure supply capacity accordingly to schedule propose to Tireco, Jinyu (TBR, PCR group).
- Make use of trade agreement and policy, which give the Company advantages (in term of taxes).



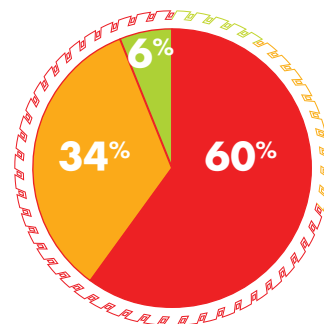
CƠ CẤU DOANH THU THUẦN
NET REVENUE STRUCTURE

- Lốp ô tô & máy kéo
Car and tractor tire
- Lốp xe máy
Motorcycle tire
- Săm xe máy
Motorcycle tube
- Khác
Others



CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP
GROSS PROFIT STRUCTURE

- Lốp ô tô & máy kéo
Car and tractor tire
- Lốp xe máy
Motorcycle tire
- Săm xe máy
Motorcycle tube
- Khác
Others



CƠ CẤU DOANH THU THEO ĐỊA LÝ
GEOGRAPHIC REVENUE STRUCTURE

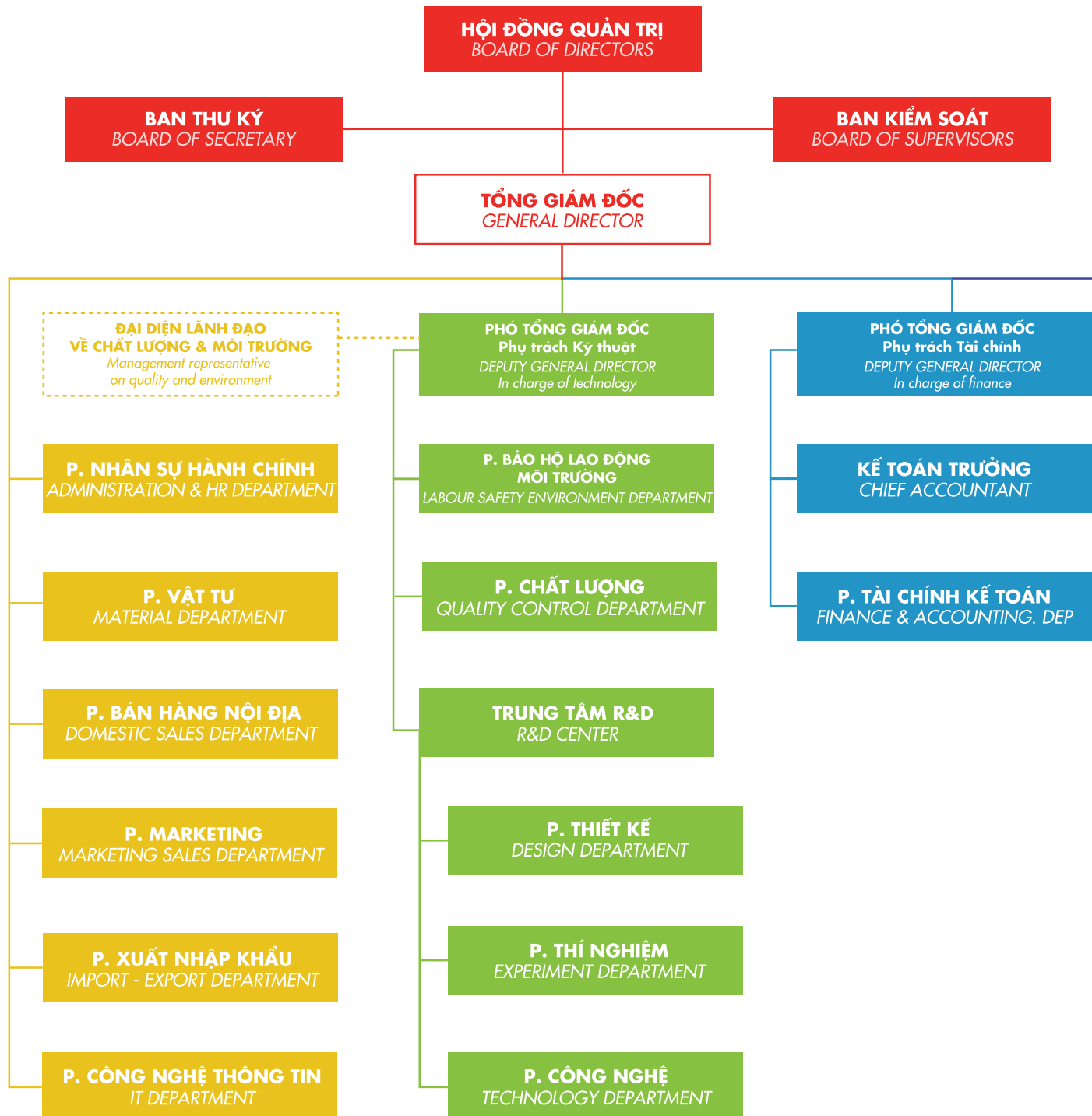
- Nội địa
Domestic
- Xuất khẩu
Export
- Kinh doanh khác
Others business

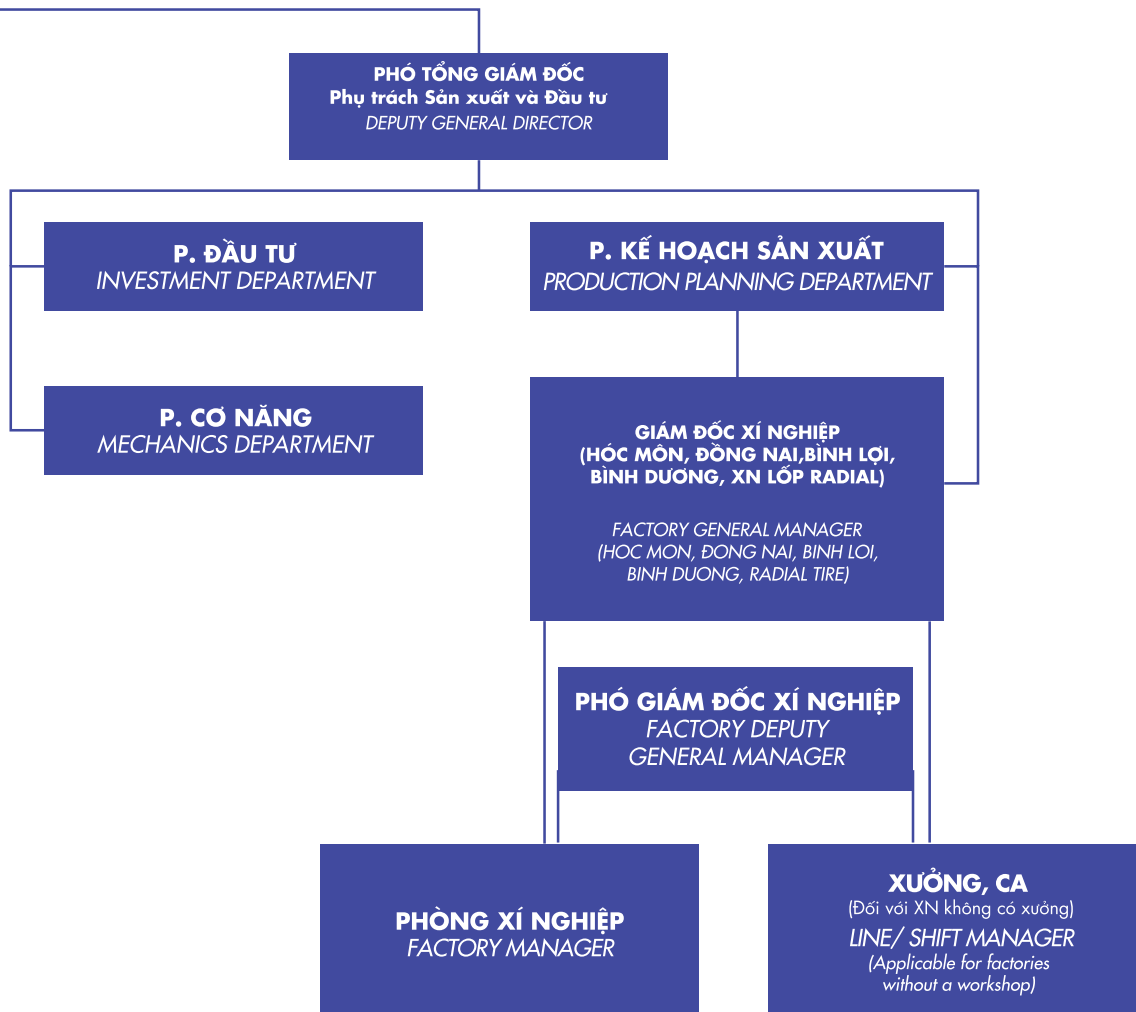
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

ORGANIZATION STRUCTURE

Ban hành kèm theo quyết định số: 08/ QĐ – HDQT ngày 15/05/2011 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

Issued in accordance with the Decision No. 08/QĐ-HDQT dated 15th May, 2011 promulgated by the CEO.





TỔ CHỨC NHÂN SỰ

ORGANIZATION & HUMAN RESOURCE



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS ÔNG – MR. NGUYỄN XUÂN BẮC

Năm sinh: 21-08-1972

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư tự động hóa, Thạc sỹ Quản trị kinh danh.

Quá trình công tác:

- 2002 – 2004: Kỹ sư điện tại Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
 - 2005 – 2007: Phó Giám đốc xưởng Điện, Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
 - 2007 – 2010: Giám đốc xưởng Điện, Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
 - 2010 – 2011: Giám đốc xưởng Nhiệt, Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
 - 2011 – 2012: Trưởng phòng Điện – Đo lường – Tự động hóa, Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
 - 2012 – 2013: Trưởng phòng Hành chính – Ban QLDA, Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
 - 2013 – 2016: Giám đốc Công ty cổ phần hóa chất Hưng Phát, Hà Bắc.
 - 15/03/2016: Là Phó trưởng ban Người đại diện phần vốn – Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
 - 05/2016: Là chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam
- CỔ PHIẾU NẪM GIỮ**
- Sở hữu cá nhân: 0
 - Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 21.764.173 cp – 21%.

Born in: 21-08-1972

Professional qualifications: Automation Engineer, Master of Business Administration

Employment history:

- 2002 – 2004: Electrical engineer at Ha Bac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Company.
- 2005 – 2007: Deputy Manager, Electrical Workshop, Ha Bac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Company.
- 2007 – 2010: Manager, Electrical Workshop, Ha Bac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Company.
- 2010 – 2011: Manager, Thermal Workshop, Ha Bac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Company.
- 2011 – 2012: Head of Electrical – Quant – Automation Department, Ha Bac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Company.
- 2012 – 2013: Head of Administration – Project Management Department, Ha Bac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Company.
- 2013 – 2016: Director, Hung Chat Chemicals Company.
- 15/03/2016: Representative Vinachem.
- 05/2016 – now: Chairman of the Board of Directors of Casumina

NUMBER OF SHARES

- Individual holdings: 0
- Holdings on behalf of Vinachem: 21,764,173 shares - 21%

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC
MEMBER OF BOARD OF DIRECTORS CUM. GENERAL DIRECTOR
ÔNG – MR.

PHẠM HỒNG PHÚ

Năm sinh: 16-10-1966

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

Quá trình công tác: gắn liền với Casumina

- 1990 – 1996: Nhân viên phòng Tài vụ
- 1996 – 2001: Nhân viên phòng Tài chính kế toán
- 2001 – 2008: Kế toán trưởng
- 2008 – 2010: Phó tổng giám đốc
- 2011 – 2015: Tổng giám đốc
- 02/2015: HĐQT thống nhất bầu ông Phạm Hồng Phú thay thế Ông Bùi Thế Chuyên giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT CTCP Công nghiệp Cao su Miền Nam.
- 2015 – đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.

CỔ PHIẾU NẤM GIỮ

- Sở hữu cá nhân: 218.185 cp
- Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 10.363.892 cp – 10%.

Born in: 16-10-1966

Professional qualifications: Master of Economics

Employment history (in relations to Casumina):

- 1990 – 1996: Staff, Accounting Department.
- 1996 – 2001: Staff, Finance & Accounting Department.
- 2001 – 2008: Chief Accountant
- 2008 – 2010: Deputy General Director, Casumina.
- 2011 – 2015: General Director, Casumina.
- 02/2015: The Board of Directors agreed to appoint Mr. Pham Hong Phu to replace Mr. Bui The Chuyen as Chairman of the Board of Directors of Casumina.
- 2015 – now: Member of the Board of Directors, General Director, Casumina.

NUMBER OF SHARES

- Individual holdings: 218,185 shares
- Holdings on behalf of Vinachem: 10,363,892 shares – 10%





THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIỂM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
MEMBER OF BOARD OF DIRECTORS
CUM. DEPUTY GENERAL DIRECTOR
ÔNG – MR.

NGUYỄN MINH THIỆN

Năm sinh: 05-01-1964

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác: gắn liền với Casumina

- Năm 2007: Phó phòng kế toán Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam.
- Từ năm 2008 – 30/04/2011: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam.
- Từ tháng 5/2011 - tháng 04/2013: Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần công nghiệp cao su Miền Nam.
- Từ 05/2013 – Đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc.

CỔ PHIẾU NẤM GIỮ

- Sở hữu cá nhân: 47.152 cp
- Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 10.363.892 cp – 10%.

Born in: 05-01-1964

Professional qualifications: Bachelor of Economics

Employment history (in relations to Casumina):

- 2007: Deputy Head of Finance & Accounting Department, Casumina.
- 2008 – 30/04/2011: Chief Accountant, Casumina.
- May 2011 – April 2013: Deputy General Director cum. Chief Accountant, Casumina.
- May 2013 - now: member of Board of Directors, Deputy General Director, Casumina.

NUMBER OF SHARES

- Individual holdings: 47,152 shares
- Holdings on behalf of Vinachem: 10,363,892 shares – 10%.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
MEMBER OF BOARD OF DIRECTORS
ÔNG – MR.
LÊ TÙNG QUÂN

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Công nghệ thông tin, kỹ sư kinh tế.

Quá trình công tác:

- 1999 – 2004: Chuyên viên phòng KCS - Công ty Cao su Sao Vàng.
- 2004 – 2005: Chuyên viên phòng TCHC - Công ty Cao su Sao Vàng.
- 2005 – 2006: Chuyên viên Văn phòng - Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng, Chuyên viên phòng Tổ chức Nhân sự - Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng.
- 2007 – 2009: Phó phòng Tổ chức Nhân sự - Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng.
- 2009 – 2017: Phó Chánh Văn phòng, Phó Ban Dân vận Đảng ủy Tập đoàn kiêm Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
- 2017 - đến nay: Chánh Văn phòng Đảng ủy Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

CỔ PHIẾU NẤM GIỮ: 10.363.892 cp - 10%

Born in: 1976

Professional qualifications: Bachelor of Information Technology, Economic Engineer.

Employment history:

- 1999 – 2004: Quality Assurance Specialist - Saovang Rubber Company.
- 2004 – 2005: Organization – Administration Department Specialist – Sao Vang Rubber Company.
- 2005 – 2006: Secretary , Human Resource Specialist – Sao Vang Rubber Company.
- 2007 – 2009: Deputy Head of Human Resource Department – Sao Vang Rubber Company.
- 2009 – 2017: Vice Chief of Secretary, Deputy Head of Mass Mobilization Commission, and the Secretary of Ho Chi Minh Communist Youth Union of VINACHEM Group.
- 2017 - Present: Party Committee Secretary – VINACHEM Group

NUMBER OF SHARES

- Holdings on behalf of Vinachem: 10,363,892 shares – 10%





THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
MEMBER OF BOARD OF DIRECTORS
ÔNG – MR.

NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG

Năm sinh: 11-01-1982

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Quá trình công tác:

- 2008 - 2011: Nhân viên Phòng Kế hoạch Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.
- 2011 – 2013: Phó phòng Nhân sự Hành chính Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.
- Tháng 05/2013 – đến nay: Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng Vật tư Công ty cổ phần CNCS Miền Nam

CỔ PHIẾU NẪM GIỮ

- Sở hữu cá nhân: 6.940 cp
- Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 0

Born in: 11-01-1982

Professional qualifications: Masters

Employment history:

- 2008 - 2011: Staff, Planning Department, Casumina.
- 2011 – 2013: Deputy Head of Administration & HR Department, Casumina.
- May 2013 – now: Member of the Board of Directors, Head of Material Department, Casumina.

NUMBER OF SHARES

- Individual holdings: 6,940 shares

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
HEAD OF THE BOARD OF SUPERVISORS
BÀ – MS.

ĐÀO THỊ CHUNG TIẾN

Năm sinh: 14/04/1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

Quá trình công tác:

- 1996 - 2007: Nhân viên Phòng Kế toán Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.
- 2007 – 2010: Trưởng phòng kế toán Xí nghiệp Găng tay Việt Hưng, trực thuộc Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.
- 2010 – 2016: Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.
- 2016 – đến nay: Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.

CỔ PHIẾU NẤM GIỮ

- Sở hữu cá nhân: 5.601 cp
- Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 0

Born in: 14/04/1975

Professional qualifications: Bachelor of Economics

Employment history:

- 1996 – 2007: Staff, Accounting Department, Casumina.
- 2007 – 2010: Head of Accounting Department, Viet Hung Gloves Factory, a subsidiary of Casumina.
- 2010 – 2016: Deputy Head of Finance & Accounting Department, Casumina.
- 2016 – now: Head of the Board of Supervisors, Casumina.

NUMBER OF SHARES

- Individual holdings: 5,601 shares





PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
DEPUTY GENERAL DIRECTOR
ÔNG – MR.
NGUYỄN SONG THAO

Năm sinh: 1962

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

- 1987 – 1996: Kỹ sư cơ khí Xi nghiệp cao su Đại Thắng, trực thuộc Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 1996 – 2000: Phó xưởng Cơ khí, Phòng kỹ thuật, Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2000 – 2004: Trưởng xưởng Cơ khí, Phòng kỹ thuật, Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2004 – 2007: Trưởng phòng Cơ năng, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2007 – 2009: Giám đốc Xi nghiệp cao su Bình Dương, kiêm Trưởng phòng Cơ năng Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2009 – 2014: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Xi nghiệp Bình Dương, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2014 – 2016: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Xi nghiệp Bình Dương, Giám đốc Xi nghiệp Lốp Radian, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2016 – đến nay: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Xi nghiệp Lốp Radian, Giám đốc Xi nghiệp cao su Học Môn, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.

CÓ PHIẾU NẤM GIỮ:

- Sở hữu cá nhân: 34.028 cp

Born in: 1962

Professional qualifications: Mechanical Engineer

Employment history:

- 1987 – 1996: Mechanical engineer at Dai Thang Rubber Company, a subsidiary of Casumina.
- 1996 – 2000: Deputy Manager, Mechanics Workshop, Technical Department, Casumina.
- 2000 – 2004: Manager, Mechanics Workshop, Technical Department, Casumina.
- 2004 – 2007: Head of Mechanics Department, Casumina.
- 2007 – 2009: Head of Mechanics Department, Casumina cum. Factory Manager, Binh Duong Rubber Company, a subsidiary of Casumina.
- 2009 – 2014: Deputy General Director, Casumina cum. Factory Manager, Binh Duong Rubber Company, a subsidiary of Casumina.
- 2014 – 2016: Deputy General Director, Casumina cum. Factory Manager of Binh Duong Rubber Company and Radial Tire Factory, both subsidiaries of Casumina.
- 2016 – now: Deputy General Director, Casumina cum. Factory Manager of Hoc Mon Rubber Company and Radial Tire Factory, both subsidiaries of Casumina.

NUMBER OF SHARES

- Individual holdings: 34,028 shares

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
DEPUTY GENERAL DIRECTOR
ÔNG – MR.
NGUYỄN ĐÌNH ĐÔNG

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa.

Quá trình công tác:

- 1988 – 1996: Kỹ sư Phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp cao su Hóc Môn, trực thuộc Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 1996 – 2000: Phó xưởng Luyện kín, Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2000 – 2002: Trưởng xưởng Luyện kín, Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2002 – 2005: Phó giám đốc Xí nghiệp cao su Bình Dương, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2005 – 2006: Giám đốc Xí nghiệp cao su Bình Dương, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2007 – 2009: Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2009 – đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.

CỔ PHIẾU NẤM GIỮ

- Sở hữu cá nhân: 27.609 cp

Born in: 1963

Professional qualifications: Chemical Engineer

Employment history:

- 1988 – 1996: Engineer, Technical Department, Hoc Mon Rubber Company, a subsidiary of Casumina.
- 1996 – 2000: Deputy Manager, Compound Workshop, Casumina.
- 2000 – 2002: Manager, Compound Workshop, Casumina.
- 2002 – 2005: Deputy Factory Manager, Binh Duong Rubber Company, a subsidiary of Casumina.
- 2005 – 2006: Factory Manager, Binh Duong Rubber Company, a subsidiary of Casumina.
- 2007 – 2009: Head of Technical Department, Casumina.
- 2009 – now: Deputy General Director, Casumina.

NUMBER OF SHARES

- Individual holdings: 27,609 shares





**1. ÔNG / MR.
NGUYỄN XUÂN BẮC**
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Chairman of the Board of Directors

**2. ÔNG / MR.
PHẠM HỒNG PHÚ**
Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Member of the Board of Directors

**3. ÔNG / MR.
NGUYỄN MINH THIÊN**
Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Member of the Board of Directors

**4. ÔNG / MR.
LÊ TÙNG QUÂN**
Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Member of the Board of Directors

**5. ÔNG / MR.
NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG**
Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Member of the Board of Directors

**6. BÀ / MS.
ĐÀO THỊ CHUNG TIẾN**
Trưởng Ban Kiểm Soát
Head of the the Board of Supervisors





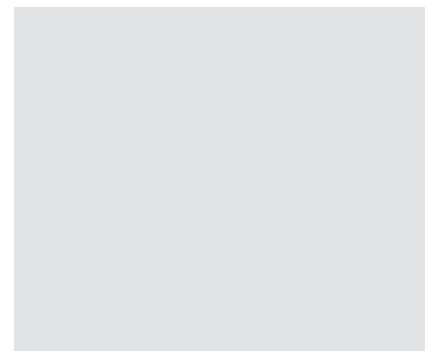
**7. ÔNG / MR.
NGUYỄN SONG THAO**
Phó Tổng Giám Đốc
Deputy General Director

**8. ÔNG / MR.
NGUYỄN ĐÌNH ĐÔNG**
Phó Tổng Giám Đốc
Deputy General Director

**9. BÀ / MS.
VŨ THỊ BÍCH NGỌC**
Thành viên Ban Kiểm Soát
Member of the Board of Supervisors

**10. BÀ / MS.
LÊ THỊ THU THỦY**
Thành viên Ban Kiểm Soát
Member of the Board of Supervisors

**11. BÀ / MS.
LÊ THU HƯƠNG**
Thư ký Hội Đồng Quản trị
Secretary of the Board of Directors



CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp. Công ty có chính sách thưởng định kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

Chế độ làm việc: Chế độ làm việc tại Casumina được áp dụng theo đúng luật lao động. Công nhân viên làm việc 8 giờ/ngày được hưởng thù lao và các chế độ phù hợp

TUYỂN DỤNG

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty. Đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng. Song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản. cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

Công ty luôn duy trì chính sách đào tạo hằng năm nhằm nâng cao trình độ đội ngũ lao động toàn công ty. Hình thức đào tạo chủ yếu được thực hiện dưới dạng đào tạo tại chỗ và đào tạo chuyên sâu với các nội dung :

Tập trung và có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng quản lý kinh tế và nghiệp vụ chuyên môn, đáp ứng tiêu chuẩn cán bộ, công nhân viên đối với từng chức danh quy định.

Đối với cán bộ, công nhân viên chưa qua thực tiễn được thực hiện luân chuyển công việc, đưa xuống cơ sở một thời gian để rèn luyện, thử thách thêm trong thực tiễn.

Đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt, được công ty chú trọng bồi dưỡng các kiến thức về quản lý kinh tế; về hợp tác, liên doanh, liên kết với nước ngoài; về quản lý và điều hành dự án; về pháp luật thuộc các lĩnh vực phụ trách; về tin học và ngoại ngữ. Đặc biệt ưu tiên đào tạo trình độ trên đại học để nâng cao về chuyên môn, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và định hướng chiến lược phát triển của công ty.

Hằng năm các phòng ban, đơn vị trực thuộc tiến hành rà soát kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trong năm, xây dựng kế hoạch về công tác đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ công nhân viên thuộc đơn vị mình cho năm sau và báo cáo cho Giám đốc để theo dõi, chỉ đạo.

LABOR POLICY

Salary: The Company builds a customized salary policy which is appropriate to the specific features of the business and guarantees that labor will receive the full benefits pursuant to the state-specific standard and based on individual's work, capacity and performance.

Bonus: To motivate employees to increase work productivity, the Company has periodic, spontaneous bonuses for individuals and teams.

Insurance and benefits: The Company will cover fees for social security, health insurance pursuant to the local law.

Working hours: Working hours at Casumina will be applied pursuant to labor laws. Employees work for 8 hours per day will receive appropriate wage and benefits.

HIRING PROCESS

The purpose of the Company's recruitment process is to attract labor who has the capacity to work for the Company and meet the demand of business expansion. Subject to specific job position, the Company sets out specific required criteria. However, every position needs to meet some basic requirements such as: basic specialized qualifications; managers need to have a Bachelor's degree, passion for the jobs, be proactive and creative. For those critical positions, hiring requirements are quite strict, with compulsory criteria about work experience, analyzing skills and language, information technology skills.

TRAINING

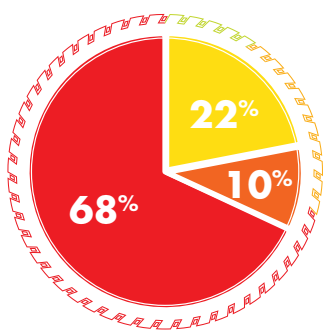
The Company always maintains an annual training program in order to advance all employees' skills. Training forms are mainly on-site and in depth with the following details:

Focus and having plans of training, retraining and fostering economic management and professional knowledge skills, to meet the criteria for each job position.

Staff with no experience will participate in job rotation and go to the office for on-the-job training. For critical managing staff, the Company will focus on fostering economic management knowledge; cooperation, joint venture with foreigners; project execution and management; specific law on each professional knowledge; language and information technology. Special priority is to acquire post-graduate degrees in order to enhance professional knowledge, which is appropriate to the requirements, objectives, and development strategy of the Company.

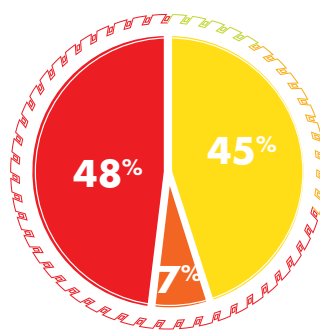
Annually each department reviews current training performance, builds next-year plans for training, retraining and fostering staff and reports to Directors for guidance.

STT No.	Tiêu chí Indicator	Số lượng người Amount of people	Tỷ trọng Percent
I	Theo trình độ lao động <i>Based on education level</i>	2.284	100%
1	Trình độ trên đại học, đại học và cao đẳng <i>College, university and above labor</i>	502	22%
2	Trình độ trung cấp <i>Intermediate labor</i>	228	10%
3	Trình độ lao động phổ thông <i>Common labor</i>	1.553	68%
II	Theo loại hợp đồng lao động <i>Based on type of contract</i>	2.284	100%
1	Hợp đồng không thời hạn <i>Labor contract without fixed term</i>	1.028	45%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm) <i>Temporary labor contract (less than 1 year)</i>	160	7%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm <i>Fixed term contract (1-3 year)</i>	1.096	48%
III	Theo tính chất lao động <i>Based on the working feature</i>	2.284	100%
1	Trực tiếp sản xuất <i>Direct labor</i>	1.251	55%
2	Không trực tiếp sản xuất <i>Indirect labor</i>	1.022	45%



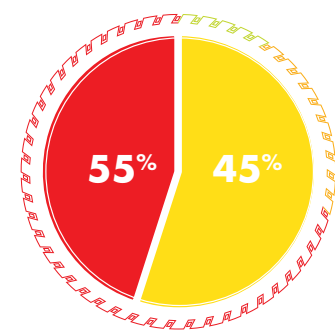
THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG
BASED ON EDUCATION LEVEL

- **Trình độ lao động phổ thông**
Common labor
- **Trình độ trên đại học, đại học và cao đẳng**
College, university and above labor
- **Trình độ trung cấp**
Intermediate labor



THEO LOẠI HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
BASED ON TYPE OF CONTRACT

- **Hợp đồng xác định từ 1-3 năm**
Labor contract with fixed term: 1 – 3 years
- **Hợp đồng không thời hạn**
Labor contract without fixed term
- **Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)**
Temporary labor contract (less than 1 year)



THEO TÍNH CHẤT LAO ĐỘNG
BASED ON WORKING FEATURE

- **Trực tiếp sản xuất**
Direct labor
- **Không trực tiếp sản xuất**
Indirect labor

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

SHAREHOLDER STRUCTURE

Cơ cấu cổ đông Shareholder structure	Số lượng cổ đông Number of shareholders	Số cổ phần Number of shares	Tổng giá trị theo mệnh giá Total par value	Tỷ lệ Percentage
Cổ đông trong nước Domestic shareholders	6,028	99,497,299	994,972,990,000	96.0%
Tổ chức Institution	67	53,159,432	531,594,320,000	51.3%
Cá nhân Individual	5,961	46,337,867	463,378,670,000	44.7%
Cổ đông nước ngoài Foreign shareholders	132	4,129,168	41,291,680,000	4.0%
Tổ chức Institutional	26	3,777,563	37,775,630,000	3.6%
Cá nhân Individual	106	351,605	3,516,050,000	0.3%
Cổ phiếu quỹ Treasury shares		1,205	12,050,000	0.001%
Tổng cộng Total	6,160	103,626,467	1,036,264,670,000	100%

	2016	2017	2018
ROE	25.18%	5.31%	1.27%
ROA	7.73%	1.37%	0.34%
Hệ số thanh toán ngắn hạn Current ratio	1.29	1.04	0.97
Hệ số Nợ/Tổng tài sản Debt/Total assets ratio	60.48%	69.26%	69.07%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu Debt/Owners' Equity ratio	153.06	225.27%	223.32%





CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

SUBSIDIARIES



XÍ NGHIỆP CAO SU HÓC MÔN

HOC MON RUBBER FACTORY

- Địa chỉ: Phường Tân Thới Hiệp, Q. 12, TP. HCM
- ĐT: (028) 3717 1452
- Fax: (028) 3717 0835
- Sản phẩm: lốp xe đạp, săm xe đạp, lốp xe máy, săm xe máy, lốp xe công nghiệp, săm và yếm ô tô
- Address: Tan Thoi Hiep Ward, District 12, HCMC
- Phone: (028) 3717 1452
- Fax: (028) 3717 0835
- Products: bicycle tire, bicycle tube, motorcycle tire, motorcycle tube, industrial tire, automobile tube and flap



XÍ NGHIỆP CAO SU ĐỒNG NAI

DONG NAI RUBBER FACTORY

- Địa chỉ: KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai
- ĐT: (0251) 383 2076
- Fax: (0251) 383 1352
- Sản phẩm: Lốp xe đạp, lốp xe máy, săm xe máy, lốp ô tô, lốp nông nghiệp
- Address: Bien Hoa Industrial Zone 1, Dong Nai Province
- Phone: (0251) 383 2076
- Fax: (0251) 383 1352
- Products: Bicycle tire, motorcycle tire and tube, automobile tire, agricultural tire



XÍ NGHIỆP BÌNH DƯƠNG

BINH DUONG FACTORY

- Địa chỉ: TT Uyên Hưng, Tân Uyên, Bình Dương
- ĐT: (0274) 3640874
- Fax: (0274) 3640875
- Sản phẩm: Bán thành phẩm cao su, lốp xe nâng, lốp đặc, lốp đắp.
- Address: Uyen Hung Town, Tan Uyen District, Binh Duong Province
- Phone: (0274) 3640874
- Fax: (0274) 3640875
- Products: Semi-finished rubber products, forklift tire, solid tire, retread tire.

XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI BINH LOI RUBBER FACTORY

- Địa chỉ: 2/3, Kha Vạn Cân, P.Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, TPHCM
- ĐT: (028) 37266270
- Fax: (028) 37266320
- Sản phẩm: lốp ô tô, lốp nông nghiệp, cao su kỹ thuật.
- Address: 2/3 Kha Van Can Street, Hiep Binh Chanh Ward, Thu Duc District, HCMC
- Phone: (028) 3726 6270
- Fax: (028) 3726 6320
- Products: automobile tire, agricultural tire, technical rubber.



XÍ NGHIỆP LỐP RADIAL RADIAL TIRE FACTORY

- Địa chỉ: Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- Sản phẩm: Lốp Radial bán thép (PCR), Lốp Radial toàn thép (TBR).
- Đây là nhà máy lốp toàn thép Radial thứ 2 tại Việt Nam
- Address: Uyen Hung Town, Tan Uyen District, Binh Duong Province
- Products: Passenger Car Radial (PCR), Truck Bus Radial (TBR)
- This is the 2nd all steel radial tire factory in Vietnam



Nhà máy Factory	Sản phẩm Products	Công suất thiết kế (Nghìn chiếc/năm)	Designed capacity (Thousand tires/year)	Công suất hoạt động hiện tại (nghìn chiếc/năm)	Current capacity (Thousand tires/year)
CASUMINA RADIAL	Lốp Radial toàn thép (TBR) Radial tire	350		300	
	Lốp Radial bán thép (PCR) Radial	1.200		1.100	
XÍ NGHIỆP CAO SU HỐC MÔN HOC MON RUBBER FACTORY	Săm xe đạp Bicycle tube	6,900		6,000	
	Lốp xe đạp Bicycle tire	1,900		1,600	
	Lốp ô tô cổ Antique car tire	25		25	
	Săm xe máy Motorcycle tube	16,000		16,000	
	Lốp xe máy Motorcycle tire	3,000		2,700	
	Lốp công nghiệp Industrial tire	750		650	
	Săm ô tô Automobile tube	1,200		950	
XÍ NGHIỆP CAO SU ĐỒNG NAI DONG NAI RUBBER FACTORY	Yếm ô tô Automobile flap	500		450	
	Lốp xe đạp Bicycle tire	3,000		2,200	
	Săm xe máy Motorcycle tube	16,000		13,000	
	Lốp xe máy Motorcycle tire	3,000		2,200	
	Lốp ô tô Car tire	850		750	
XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI BINH LOI RUBBER FACTORY	Lốp nông nghiệp Agricultural tire	35		20	
	Lốp ô tô Car tire	350		250	
XÍ NGHIỆP BÌNH DUONG BINH DUONG FACTORY	Ống cao su (tấn/năm) Rubber tube (ton/year)	300		120	
	Bán thành phẩm (tấn/năm) Master compound (ton/year)	42,000		40,000	
	Lốp xe nâng Forklift tire	60		50	
	Lốp đặc Solid tire	360		300	
	Lốp đắp Retread tire	60			

TRỤ SỞ CHÍNH CASUMINA

180 Nguyễn Thị Minh Khai,
phường 6, quận 3, TP.HCM



Văn phòng giao dịch

146 Nguyễn Biểu,
phường 2, quận 5, TP.HCM







3.0

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

DEVELOPMENT DIRECTION

3.1 Mục tiêu

Goal

3.2 Chiến lược
phát triển

*Development
Strategy*

3.3 Rủi ro

*Risks and
Difficulties*



MỤC TIÊU

GOAL

Mục tiêu đến Goal for

2023

Doanh thu đạt mốc 6.800 tỷ đồng, trong đó: doanh thu lớp TBR 2.500 tỷ đồng (tương đương 600 nghìn chiếc), doanh thu lớp PCR 1.300 tỷ đồng (1,5 triệu chiếc).

Revenue of VND 6.800 billion, of which: revenue from TBR tires VND 2.500 billion (approximately 600.000 tires), revenue from PCR tires VND 1.300 billion (approximately 1.5 million tires).

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

DEVELOPMENT STRATEGY

- Giữ vững thị trường sản phẩm truyền thống. Tập trung ba dòng sản phẩm chiến lược: Lớp xe máy không săm (Tubeless), Lớp TBR, Lớp PCR.
- Duy trì vị thế dẫn đầu trong nước đối với dòng lốp ô tô tải bias
- Triển khai phân phối lớp PCR đối với thị trường trong nước. Hợp tác chặt chẽ với các Doanh nghiệp lắp ráp.
- Mở rộng hợp tác toàn diện với các đối tác xuất khẩu lớn, uy tín. Dựa vào lợi thế các chính sách thương mại thế giới đối với công nghiệp sản xuất săm lốp.
- Chú trọng vào công tác nghiên cứu phát triển: Sản xuất thành công những dòng lốp ô tô đặc chủng, đặc thù; Nắm chắc toàn bộ công nghệ sản xuất lốp theo hướng hiện đại
- Phát triển hệ thống bán hàng và hậu mãi dựa vào thương mại thông minh và mạng máy tính
- Maintain the traditional product market. Focus on three strategic product lines: Tubeless Tires, TBR Tires, PCR Tires.
- Maintain the leading position of Bias truck tyre.
- Distribute PCR in domestic market. Work closely with assembling company.
- Work in reputed clients in export market by making use of trade agreement and policy, which give the Company advantages.
- Focus on product development : produce special tyres; manage the whole production line with technology.
- Develop a smart trading platform.

CÁC RỦI RO

RISKS AND DIFFICULTIES

RỦI RO VỀ KINH TẾ

- Xét trong dài hạn, nền kinh tế Việt Nam đang thiếu động lực tăng trưởng chính trong khi áp lực lạm phát tăng lên, hạn chế dự địa nới lỏng chính sách tiền tệ để thúc đẩy tăng trưởng. Trong khi đó, bối cảnh thế giới có những diễn biến ngày càng phức tạp và khó lường, chiến tranh thương mại cùng xu hướng bảo hộ thương mại và hàng rào phi thuế quan gia tăng.
- Nhiều quốc gia đang có xu hướng bảo hộ thương mại và áp đặt nhiều hàng rào phi thuế quan đối với hàng hóa Việt Nam, gây ảnh hưởng tiêu cực tới tình hình xuất khẩu hàng hóa và sản xuất.
- Mức tăng trưởng của nền công nghiệp ô tô và các doanh nghiệp sản xuất xe máy trong năm 2018 là một yếu tố quan trọng trong việc duy trì, phát triển chuỗi cung ứng, cung cấp linh kiện và thay thế. Mức tăng trưởng 5.8% so với 2017 đối với nhóm xe ô tô các loại và 3.5% đối nhóm xe máy các loại cho thấy thị trường Việt Nam đầy tiềm năng.
- Chính sách ưu đãi của Chính phủ Việt Nam trong việc phát triển công nghiệp lắp ráp xe trong nước với tỷ lệ nội địa hóa tăng dần qua các năm. Điều này, được đánh giá vừa là cơ hội, vừa là thách thức nếu các doanh nghiệp ngành săm lốp không đáp ứng được các tiêu chuẩn kỹ thuật kèm theo và chuyển đổi dòng lốp vành chéo (bias) sang bố thép (Radial).
- Sức ép từ cạnh tranh nội ngành săm lốp ngày càng diễn ra gay gắt, từ các doanh nghiệp sản xuất trong nước, các doanh nghiệp nước ngoài đặt nhà máy tại Việt Nam và đặc biệt là hoạt động nhập khẩu săm lốp chưa minh bạch đã tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Casumina.

RỦI RO VỀ LÃI SUẤT VÀ TỶ GIÁ

- Nợ vay chiếm hơn 50% trong cơ cấu tổng nguồn vốn của CASUMINA, tăng cao so với năm 2017 và dự kiến tiếp tục chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu vốn năm 2019 đã làm tăng chi phí lãi vay, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhận biết được vấn đề này, CASUMINA luôn quan tâm đến việc kiểm soát và duy trì tỷ lệ nợ ở mức hợp lý. Casumina đặt mục tiêu duy trì mức lợi nhuận 2.5%/doanh thu.
- Hoạt động nhập khẩu nguyên liệu và xuất khẩu thành phẩm của CASUMINA chịu ảnh hưởng bởi biến động tỷ giá. Công ty phải nhập khẩu cao su tổng hợp, than đen, hóa chất... Công ty xuất khẩu các sản phẩm săm lốp đến nhiều nước như Hoa Kỳ, khu vực Châu Âu, Châu Phi, Châu Á. Tỷ trọng doanh thu từ xuất khẩu luôn chiếm tỷ trọng cao (35% trong năm 2018 và dự kiến tăng lên 40%-45% trong năm 2019). Do đó, biến động mạnh về tỷ giá sẽ ảnh hưởng đến hoạt động nhập khẩu nguyên

ECONOMIC RISKS

- For long term, Vietnam Economy is lacking of motivation to grow while inflation keeps on increasing; it limits the space to loosen monetary policy to enhance growth. At the same time, many uncertainties exist in the World Economy in combination with protectionism also slow down the development of the economy.
- Many countries with the trending protectionism applying many nontariff barriers against Vietnamese goods, causing negative effects to the export and production activities.
- The growth rate of the automobile industry and motorcycle manufacturers in 2018 is one of the most important factors in maintaining and developing the supply chain, supplying to the component market and alternative market. An average increase of 5.8% in comparison with 2017, showing that the market size is very large and potential for the development of Vietnamese market.
- The State's incentive policies for domestic automobile assemblers enabled the increasing domestication rate. This event is evaluated as an opportunity and a threat if the company cannot meet technical requirement and the shifting demand from Bias tyre to Radial tyre.
- The internal competitive pressure in tyre and tube industry has become fierce, from domestic manufacturers, foreign companies whose factories are located in Vietnam and especially non-transparent tyre and tube import activities have negatively affected Casumina's production and business operations

RISKS OF INTEREST RATE AND EXCHANGE RATE

- Loans accounted for more than 50% of CASUMINA's total capital structure, which was higher than that of 2017 and expected to take a large proportion in Casumina's capital structure, resulting in increase in interest expense, thereby directly affecting the Company's business performance. Recognizing this issue, CASUMINA is always interested in controlling and maintaining debt ratio at a reasonable level. Casumina aims to maintain the loan interest at 2.5% of revenue.
- CASUMINA's raw material import and export activities are significantly affected by exchange rate fluctuations. The Company has to import synthetic rubber, black coal, chemicals, etc. Meanwhile, the Company also exports tyres and tubes to many countries such as USA, Europe, Africa, Asia. Export turnover always accounts for a high proportion (35% in 2018, expected to reach 40% - 45% in 2019). Therefore, the exchange rate fluctuations will affect

liệu và xuất khẩu các sản phẩm săm lốp của công ty.

RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

- Hoạt động của CASUMINA chịu sự ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản luật liên quan. Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi đó sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã có hiệu lực từ năm 2015, các bộ luật liên quan khác cũng sẽ được điều chỉnh tương ứng, đòi hỏi công ty phải có bước chuẩn bị nhằm điều chỉnh hoạt động của công ty sao cho không vi phạm các quy định được điều chỉnh.
- Chủ trương thoái vốn đối với phần vốn nắm giữ của nhà nước dưới 51% đòi hỏi Công ty phải huy động đủ nguồn lực để tiếp tục duy trì và phát triển thương hiệu Casumina chuyên sản xuất săm lốp xe các loại.
- Hoạt động hợp tác và tiêu thụ sản phẩm đối với các đối tác nước ngoài đòi hỏi Casumina có một đội ngũ Cán bộ chuyên sâu về lĩnh vực pháp lý quốc tế nhằm thiết lập một quy trình xem xét, chỉnh sửa và ban hành các hợp đồng ngoại phù hợp với luật pháp quốc tế.

RỦI RO VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU

- Sự biến động hầu hết các nguyên vật liệu chủ yếu theo hướng tăng mạnh: Cao su tổng hợp, cao su thiên nhiên, bố thép, vải màn, than đen... trong giai đoạn 2016-2018 và vẫn có xu hướng tăng như hiện nay, là một thách thức là một thách thức lớn đối với ngành săm lốp xe. Chính sách tăng giá cân đối đầu ra – đầu vào có thể làm giảm sút sản lượng tiêu thụ săm lốp xe các loại nếu như Casumina không tính toán kỹ lưỡng mức dự trữ hàng tồn kho và chiến lược về giá bán hợp lý trong từng thời đoạn nhất định.
- Các nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài chủ yếu sẽ bị tác động mạnh mẽ bởi sự biến động của giá dầu và chính sách thanh lọc các doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường tại các nước sở tại gây ra tình trạng khan hiếm đối với một số hóa chất đặc thù ngành săm lốp. Casumina đã phân tán rủi ro bằng việc thiết lập danh sách các nhà cung cấp có uy tín và mối quan hệ hợp tác lâu dài nhằm đảm bảo được mức giá hợp lý nhất, tránh biến động và có nguồn cung cấp nguyên vật liệu ổn định.
- Chính sách thu hẹp và những quy định nghiêm ngặt đối với ngành sản xuất hóa chất (trong đó có hóa chất phục vụ cho công nghiệp sản xuất săm lốp) của các nước là một rủi ro khá nghiêm trọng về sản lượng cung ứng và giá cả.

RỦI RO CẠNH TRANH ĐỐI VỚI NHÓM SẢN PHẨM TRUYỀN THỐNG, NHÓM LỐP TBR VÀ PCR

- Cạnh tranh chủ yếu về giá bán đối nhóm sản phẩm săm lốp xe đạp, xe máy sẽ là một rủi ro cho toàn ngành khi

the import of raw materials and export of tyres and tubes of the Company.

LEGAL RISK

- CASUMINA's activities are governed by Enterprise Law, Securities Law and relevant legal documents. The legal system and by-law documents of Vietnam are still in the process of completion, change in policies may occur and then it will affect the business situation of the Company. Enterprise Law No. 68/2014/QH13 has been in effect since 2015, and other relevant laws will be adjusted accordingly, requiring companies to take steps to adjust its operations so as not to violate the revised regulations.
- The divestment policy for the State-owned capital of less than 51% requires the company to mobilize sufficient resources to continue maintaining and developing Casumina brand name specialized in manufacturing tyres and tubes of all kinds.
- The cooperation and consumption activities with respect to foreign partners require Casumina to have a dedicated team of international legal experts to establish a process for review, adjustment and issuance of foreign contracts in accordance with international law.

RISK OF RAW MATERIALS

- The fluctuation of almost all major raw materials in the direction of strong increase such as synthetic rubber, natural rubber, steel belts, blind fabrics, black coal, etc. starting from the 4th quarter of 2016 has been a big challenge for tyre and tube industry. The symmetrical output – input price balance policy may diminish the consumption volume of tyres of all kinds if Casumina does not carefully calculate the reserve levels of inventories and strategies for reasonable price in each certain period.
- Imported raw material will be strongly influenced by fluctuations in oil prices and the policy on purifying polluting enterprises in the host countries which results in shortage of some specific chemicals of the tyre and tube industry. Casumina has dispersed the risk by establishing a list of reputable suppliers and long-term partnerships to negotiate the most reasonable prices, avoid fluctuations and have a stable supply of raw materials.
- Limitation and strict policy applied on chemical industry (including chemical using for production of tyre and tube) of exported countries are risks to the stability of supply and price.

RISK OF COMPETITION IN TRADITION, TBR AND PCR GROUP

- Price competition in bicycle, motorcycle group is a risk for the whole industry when it made total revenue dropped and internal links within the industry weakened; it created an opportunity for imported products to take a large proportion of the market share.

biên lợi nhuận giảm mạnh. Tính liên kết ngành đối với doanh nghiệp sản xuất săm lốp trong nước khá lỏng lẻo, đã tạo điều kiện sản phẩm nhập ngoại gia tăng tỷ trọng chiếm giữ.

- Sự cạnh tranh của các thương hiệu nhập khẩu nổi tiếng như: Bridgestone, Goodyear, Michelin, Maxxis, Chengshin, Hankook... đặc biệt từ Trung Quốc đối với nhóm sản phẩm lốp TBR với giá rẻ đã tạo áp lực mạnh mẽ đối với Casumina.
- Áp lực về giá nguyên vật liệu tăng, sẽ làm Casumina giảm hiệu quả đối với dòng lốp PCR cung ứng cho thị trường xuất khẩu.

- *The competition of well-known importers such as Bridgestone, Goodyear, Michelin, Maxxis, Chengshin, Hankook, etc. especially from China for TBR tyre product range at low price has created strong pressure on Casumina.*
- *Increasing pressure of raw material is decreasing the efficiency of Casumina in production of PCR for exporting.*





4.0

BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH

BOARD OF MANAGEMENT REPORT

4.1 Báo cáo kết quả
sản xuất kinh
doanh 2018

*Business
performance
report in 2018*

4.2 Phương hướng sản
xuất kinh doanh
2019

*Business orientation
in 2019*

4.3 Tình hình thực
hiện các dự án
đầu tư

*Implementation
of investment
projects*



BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD 2018

BUSINESS PERFORMANCE REPORT IN 2018

TÌNH HÌNH CHUNG

GENERAL SITUATION

NĂM 2018 CÔNG TY ĐÃ GẶP PHẢI MỘT SỐ KHÓ KHĂN CHÍNH NHƯ SAU:

- Mức độ cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành trong và ngoài nước ngày càng diễn ra gay gắt, đặc biệt là sản phẩm săm lốp nhập khẩu từ Trung Quốc. Trong khi đó, tốc độ điều chỉnh giá bán của Công ty chưa bù đắp được so với biến động chi phí nguyên vật liệu đầu vào đã làm lợi nhuận Công ty giảm mạnh.
- Nhóm sản phẩm chiến lược lốp Radial toàn thép(TBR), Radial bán thép(PCR) chưa đạt điểm hòa vốn, trong khi đó sản lượng tiêu thụ của nhóm lốp Bias vành nhỏ bị thu hẹp do sự chuyển đổi nhu cầu thị trường sang lốp Radial. Mặt khác, sản lượng bán lắp ráp cho các dòng xe tải giảm sút mạnh do ảnh hưởng hạn ngạch EURO 2, đã ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của Công ty.
- Sự chuyển dịch nhu cầu sang các phân khúc sản phẩm hiện đại, cùng với sự cạnh tranh gay gắt dẫn đến nhóm các sản phẩm truyền thống săm lốp xe đạp, xe máy có sự sụt giảm về sản lượng và hiệu quả.
- Sự biến động về tỷ giá USD/VND đã làm ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của Công ty do vay đầu tư và nguyên liệu phải nhập ngoại.
- Tình trạng thiếu lao động trực tiếp sản xuất đã làm Công ty mất đi cơ hội tăng sản lượng sản xuất tại những thời điểm nhu cầu thị trường tăng cao. Công tác tuyển dụng lao động mới gặp nhiều khó khăn khi mức lương của Công ty thấp hơn mặt bằng chung trong khu vực.

BÊN CẠNH NHỮNG KHÓ KHĂN TRÊN, CÔNG TY CÓ NHỮNG THUẬN LỢI SAU:

- Thị trường săm lốp được đánh giá là thị trường có nhiều tiềm năng, sản phẩm săm lốp Casumina ngày càng đa dạng về chủng loại, mẫu mã.
- Sản phẩm lốp PCR đã bắt đầu sản xuất ổn định, xuất khẩu cho đối tác Tire Co đạt sản lượng lớn góp phần tăng doanh thu năm 2018.
- Cơ hội xuất khẩu lốp TBR với số lượng lớn vào các thị trường đang áp thuế cao đối với lốp Trung Quốc như: Mỹ, Châu Âu, Brasil và Ấn Độ.
- Công ty đã tìm kiếm những đối tác có uy tín, đảm bảo nguồn cung cấp nguyên vật liệu đầu ổn định chất lượng, giá cả, đáp ứng kịp thời phục vụ cho sản xuất.

IN 2018 THE COMPANY ENCOUNTERED SOME MAJOR DIFFICULTIES AS FOLLOWS:

- Competition between companies in the same industry has been harsh in and out of the country, especially with imported tyres and tubes from China. At the same time, price adjustment could not keep up with the fluctuated costs of input materials has heavily impacted the Company's profit.
- The core product group – TBR and PCR – has not reached the break-even point while consumption of small rim Bias tyres has been reduced when demand has been shifting to Radial tyres. At the same time, consumption of truck assembling sector also dropped being affected by EURO 2 limit; it, in general, has affected performance of the Company.
- The shift in demand to modern product segments, and fierce competition (mainly in terms of price), has led to the decline in productivity and efficiency of Casumina's traditional product group such as bicycle, motorcycle tyre and tube.
- The fluctuation of USD/VND exchange rate has affected business performance of the Company via investment loans and imported raw materials.
- The TBR tyre product group has not reached the break-even volume, which has impact on the Company's overall performance.
- The shortage of direct production labor resulted in the loss of the Company's opportunities to increase consumption at the times of high demand, especially in the assembly and export sectors. The company has struggled to maintain and recruit new direct labor force when the offered salary is lower than average income level of companies in the area.

IN ADDITION TO ABOVE-MENTIONED DIFFICULTIES, THE COMPANY HAS THE FOLLOWING ADVANTAGES:

- Tyre and tube market has potentials and rooms to grow even more and Casumina has been improving its' products with all kind of varieties to meet the growing demand.
- PCR tyre production has been stabilized and exported to Tireco, contributing a major in revenue of 2018.
- Signing the agreement with Jinyu to supply TBR products at large quantity. This is also an opportunity to improve the quality of this tyre group in order to satisfy domestic

- Công tác quản lý chi phí được kiểm soát tốt, công tác thực hiện tiết kiệm được duy trì xuyên suốt từ các bộ phận phòng ban, nhằm giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

and other markets as well.

- Opportunity to export TBR at large quantity to markets such as: USA, Europe, Brazil and India where Chinese tyres are under heavy anti-dumping taxes.
- Cost management practices at the Company has been complied with, new saving policy has been maintained throughout the year, across departments to cut costs and lower products' prices.

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2018

BUSINESS PERFORMANCE IN 2018

STT No.	Chỉ tiêu Item	Đvt Unit	Năm 2017 Year 2017	Năm 2018 Year 2018			
				KH Plan	TH Results	%/2017	%/KH %/plan
1	Giá trị SXCN Industrial production value	Tr đồng Million dong	3,598,150	3,755,790	3,685,459	102	98
2	Doanh thu Revenue	Tr đồng Million dong	3,517,417	3,799,312	3,891,984	111	102
2.1	Doanh thu SXCN Industrial production revenue	Tr đồng Million dong	3,505,857	3,799,312	3,646,597	104	96
2.1.1	Nội địa Domestic	Tr đồng Million dong	2,556,653	2,376,396	2,287,763	89	96
2.1.2	Xuất khẩu Export	Tr đồng Million dong	949,204	1,402,916	1,358,34	143	97
2.2	Doanh thu KD khác Other business revenue	Tr đồng Million dong	11,560		245,387	2,123	
3	Lao động & thu nhập Labor & Income						
3.1	Lao động Average labor rate	Người Person	2,426	2,436	2,290	94	94
3.2	Thu nhập bình quân Average income	1000 đồng Thousand dong	7,568	8,467	8,224	109	97
4	Nộp ngân sách Budget	Tr đồng Million dong	195,963	139,333	163,926	84	118
5	Kim ngạch XNK Import-export turnover	1000 USD	98,973	83,539	120,537	122	114
6	Đầu tư XD CB Basic construction investment	Tr đồng Million dong	165,661	6,087	85,012	51	1,397
7	Lợi nhuận trước thuế Pre-tax profit	Tr đồng Million dong	68,751	105,262	16,510	24	16
8	Lợi nhuận sau thuế Post-tax profit	Tr đồng Million dong	55,001	84,210	13,161	24	16
9	Lãi cơ bản trên CP Basic earnings per share	Đồng Dong	531	813	91	17	11

Nhận xét:

- Tổng doanh thu tăng trưởng 11% so với cùng kỳ năm 2017 và tăng 2% so với kế hoạch 2018. Trong đó, Doanh thu xuất khẩu tăng 43% so với cùng kỳ 2017. Mức tăng trưởng cao của doanh thu xuất khẩu là do tăng sản lượng xuất khẩu nhóm lốp PCR.
- Doanh thu nội địa giảm 11% so với cùng kỳ. Sự sụt giảm doanh thu nội địa do sản lượng tiêu thụ nhóm lốp xe đạp xe máy gặp nhiều khó khăn, áp lực cạnh tranh gay gắt từ sản phẩm nhập khẩu. Nhóm lốp ô tô Bias vành nhỏ giảm do việc thay đổi chính sách của Nhà nước Việt Nam về các tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc biệt là các doanh nghiệp lắp ráp xe nội địa.
- Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng 22% so với cùng kỳ năm 2017. Chỉ tiêu này tăng chủ yếu do tăng xuất khẩu lốp PCR.
- Lợi nhuận trước thuế bằng 24% so với cùng kỳ năm 2017 và bằng 16% so với kế hoạch năm 2018. Mức lợi nhuận giảm sâu chủ yếu do các nguyên nhân sau: 1) Biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào theo hướng tăng. 2) Sự sụt giảm sản lượng đối nhóm sản phẩm xe đạp, xe máy. 3) Nhóm lốp TBR và PCR chưa đạt đến điểm hòa vốn. 4) Ảnh hưởng chi phí lãi vay và biến động tỷ giá.

Comments:

- Revenue increased by 11% over the same period in 2017 and increased by 2% in comparison with the plan in 2018. In which, export revenue increased by 43%. The export revenue reached high growth rate as the capacity for PCR tyre increased. (reaching 225,000 units). Domestic revenue decreased by 11% over the same period. The decrease caused by the fierce competition with imported products in motorcycle and bicycle sector. Small rim Bias tyre group also dropped because of new policy of the Government on technological requirement, especially for domestic automotive assembling factory
- Export turnover increased by 22% over the same period. The development mainly resulted from the increase in export of PCR tyres
- Pre-tax profit equals 24% over the same period and 16% in comparison with the plan for 2018. The sharp drop in profit was mainly due to the following reasons: 1) Fluctuated prices of input materials. 2) The decline in volume of bicycle and motorcycle product group has significantly reduced the business performance. 3) Radial Tyre group (PCR, TBR) has not reached the break-even point. 4) Influence from interest paid and fluctuation of exchange rate.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 OPERATION IN 2018

CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT

Trong năm 2018, mặc dù Công ty gặp rất nhiều khó khăn nhưng Ban lãnh đạo đã kịp thời thích ứng, điều chỉnh các chính sách trong điều hành sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình biến động của thị trường.

- Công tác vật tư, nguyên liệu: Có chính sách dự trữ vật tư hợp lý, kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên vật liệu đầu vào. Hợp tác với các Nhà cung cấp giá cả hợp lý, chất lượng ổn định, đáp ứng kịp thời phục vụ sản xuất.
- Tồn kho sản phẩm: Theo dõi, cân đối, điều chỉnh hợp lý giữa sản xuất và tiêu thụ, xây dựng hạn mức tồn kho dự trữ hợp lý, đảm bảo kịp thời sản phẩm cung cấp cho thị trường.
- Công tác thực hiện tiết kiệm: Xây dựng kế hoạch tiết giảm chi phí, phân tích, kiểm soát, thực hiện tiết giảm chi phí theo kế hoạch đối các Xí nghiệp và Phòng ban Công ty. Các chương trình tiết kiệm về năng lượng, tiết kiệm định mức nguyên vật liệu, tiết kiệm năng lượng ... được triển khai thực hiện thông qua các phong trào thi đua đã mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty và người lao động.
- Công tác phát triển sản phẩm mới: Công ty đã nghiên cứu, sản xuất và đưa ra thị trường nhiều qui cách sản phẩm mới, mẫu mã gai đa dạng. Bên cạnh đó, công ty cũng đã chú trọng cải tiến thiết kế, mẫu mã gai mới cho dòng sản phẩm lốp TBR, PCR, lốp xe máy nhằm đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng trong và ngoài nước.
- Tiếp tục duy trì chương trình TPM ở các xí nghiệp, quản lý và điều hành theo hướng nâng cao năng suất, giảm chi phí vận hành, tận dụng tối đa năng suất máy móc thiết bị.
- Chú trọng công tác cải tiến chất lượng sản phẩm. Công tác kiểm tra chất lượng được thực hiện thường xuyên, liên tục dưới sự giám sát của bộ phận QA Công ty.

HOÀN THIÊN HỆ THỐNG QUẢN LÝ

- Công ty vẫn đang duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001 và 14001, tiếp tục làm việc với các tổ chức cung cấp các chứng nhận có giá trị khu vực và quốc tế đối với ngành săm lốp như: DOT, SNI, GSO, E-mark, Inmetro, BIS...
- Tiếp tục triển khai hệ thống KPI trong các phòng ban và từng cán bộ quản lý, nhân viên gián tiếp nhằm hỗ trợ đánh giá và đo lường hiệu suất làm việc của từng cá nhân, từ đó có chính sách đãi ngộ một cách hợp lý.
- Thực hiện các công tác quản lý, điều hành SXKD dựa vào các chương trình ERP.

PRODUCTION MANAGEMENT

Despite many difficulties in 2018, the Company's Board of Directors has analyzed and promptly modified many policies in line with the changes in market conditions

- Inventory of supplies and raw materials: The Company has set up a reasonable material reserve policy for strict control of input materials and has been seeking for suppliers who offer reasonable price, good quality, stable supply source, timely response to production, bringing efficiency in production and business activities.
- Inventory of products: Making the reasonable balance between production and consumption, reasonable inventory, ensuring timely supply to the market.
- Savings: Developing a cost reduction plan from early 2017, analyzing, controlling and implementing cost reduction as planned for the Company's Factories and Departments. Energy saving programs, raw materials saving programs, etc. which have been implemented through the emulation movements has brought practical effects for the Company and its employees.
- New product development: During the year, the Company has researched, produced and launched many new products with various tread patterns into the market. In addition, the Company has also focused on improving designs, new tread patterns for full-steel radial car tyres and motorcycle tyres to satisfy the needs of consumers at home and abroad.
- Maintaining TPM program at the factories to manage and operate with higher efficiency to make use of 100% of machinery capacity.
- Focusing on quality improvement. Quality analysis and quality control have been carried out regularly and continuously under the supervision of the Company's QA department.

COMPLETION OF THE MANAGEMENT SYSTEM

- The company continues to maintain the quality management system in compliance with ISO 9001 and 14001, continues to work with organizations providing regionally and internationally recognized certificates for the tyre industry such as DOT, SNI, GSO, E-mark, Inmetro, BIS, etc.
- Continuing to implement the KPI system in the assessment of departments and each manager and indirect staff, this serves as an important basis for assessing the capacity of each employee to make the reasonable treatment and training policies.
- Managing business operation using ERP program

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

- Dự án đầu tư lớp TBR nâng công suất lên 600 nghìn chiếc/năm: Hiện nay vẫn đang tiếp tục làm việc với Tập đoàn Công nghiệp hóa chất Việt Nam (cổ đông 51%) về việc chấp thuận nội dung trên. Tuy nhiên, trong năm 2019 sẽ cố gắng tăng dần công suất dựa vào quá trình hợp lý hóa sản xuất, nhằm tận dụng cơ hội và đáp ứng theo tiến độ đã cam kết với đối tác.
- Triển khai dự án mở rộng tổng kho thành phẩm tại Bình Dương đáp ứng nhu cầu tiêu thụ: Đã hoàn tất và thực hiện quyết toán.
- Thực hiện dự án mua đất phát triển Công ty tại Tân Uyên – Bình Dương: Tạm thời không thực hiện do chủ trương quy hoạch của Tỉnh Bình Dương có thay đổi trong quy hoạch khu dân cư và cụm Nhà máy (không ủng hộ cho việc xây dựng thêm nhà máy).
- Đầu tư, tăng năng suất lao động đối với các nhóm sản phẩm hiện có. Tiếp tục đầu tư các thiết bị nhỏ, lẻ để hoàn thiện một số công đoạn trong dây chuyền sản xuất lớp xe máy, săm xe máy, lốp tô tô Bias, săm ô tô.
- Khai thác Cao ốc văn phòng 180 Nguyễn Thị Minh Khai: Hiện nay đã cho thuê được một phần. Đang tìm kiếm khách hàng để cho thuê phần còn lại, thông qua các Công ty môi giới: CBRE, Savells, Cushman Wakefield.

CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI, ÁP DỤNG KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀO SẢN XUẤT:

Công ty luôn chú trọng công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường xuất khẩu và nội địa.

- **Đối với lốp xe máy:** Tiếp tục nghiên cứu cải tiến đơn pha chế, ứng dụng các nguyên vật liệu mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng mẫu mã gai, đáp ứng cho từng phân khúc khách hàng đồng thời đa dạng dây sản phẩm truyền thống nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu người tiêu dùng. Cải tiến và khắc phục triệt để lỗi khó bơm hơi khi lắp vào vành đối với dòng lốp xe máy Tubeless.
- **Đối với lốp ô tô:** Duy trì chất lượng đối với nhóm lốp ô tô Bias, nâng cao chất lượng, đa dạng qui cách dòng sản phẩm lớp TBR đáp ứng nhu cầu thị trường xuất khẩu và nội địa. Bước đầu sản xuất thương mại và cung cấp sản phẩm đối với nhóm lốp PCR, chủ yếu tập trung vào khu vực lắp ráp xe. Đối mới hệ thống bán hàng, mở rộng thị trường nội địa cho dòng sản phẩm lớp PCR, đồng thời đảm bảo cung cấp đúng tiến độ và sản lượng cho đối tác xuất khẩu Tire Co.
- Liên kết, hợp tác với đối tác JinYu để nâng công suất sản xuất, tăng sản lượng xuất khẩu và tranh thủ công nghệ để nâng cao chất lượng lốp TBR.

INVESTMENT

- TBR project with capacity of 600 thousand Pieces/Year: continue to work with VINACHEM (51% shareholder) on the above content. However, Casumina will try to gradually increase the capacity in 2019 by optimizing the production at the factory to catch the chance and fulfill delivery schedule proposed to clients..
- The project to expand warehouse at Binh Duong factory to meet the demand of markets: finalized.
- Land acquisition project for Company development in Tan Uyen - Binh Duong: Pending due to new changes in policy of Binh Duong Province (Binh Duong does not allow new factory).
- Investing to enhance efficiency of all existing products. Continue to invest into small equipment to complete some processes in the production line for motorcycle tyre, motorcycle tube, Bias tyre and car tube.
- Putting Office Building 180 Nguyen Thi Minh Khai into operation: leasing out a part of the building. Searching for new tenant for the remaining space via agencies such as: CBRE, Savells, Cushman Wakefield.

RESEARCH AND DEVELOPMENT OF NEW PRODUCTS, APPLICATION OF SCIENCE AND TECHNOLOGY IN PRODUCTION:

The company always focuses on research and development of new products to meet the needs of export and domestic markets.

- For motorbike tyres: Continuing researching and improving the mixture formulas, applying new materials, improving product quality, diversifying tread designs to meet different customer segments, diversifying traditional range of products to better serve the needs of consumers of each segments.
- For automobile tyres: Maintaining quality for Bias group, improving quality and Diversifying specifications, tread designs of TBR tyres to meet the needs of export and domestic markets. Carrying out in accordance with schedule as committed with partners in deploying PCR tyre specifications. Preparing for commercial production of PCR tyres for domestic, focusing on assembling industry. To sales network, expanding domestic market for PCR, at the same time ensure the supply and delivery for Tireco on schedule.
- Cooperate with JinYu to improve productivity, capacity and quality of TBR by making used of JinYu technology.

CÔNG TÁC TIÊU THỤ

Công tác thị trường

- Tinh gọn hệ thống bán hàng chuyên nghiệp, củng cố thị trường sẫm lốp ô tô khu vực phía Bắc. Phân tích, đánh giá và đề ra chính sách bán hàng hàng quý và tháng phù hợp với diễn biến của thị trường.
- Dựa trên tình hình thực tế thị trường, Công ty đã áp dụng các chính sách bán hàng linh hoạt, để củng cố thị phần và tìm kiếm khách hàng, đối tác mới nhằm thâm nhập và mở rộng thị phần cho nhóm lốp TBR, PCR.
- Đẩy mạnh công tác bán hàng xuất khẩu, chú trọng công tác tìm kiếm khách hàng mới và mở rộng thị trường xuất khẩu lốp TBR sang thị trường Thái Lan, Bangladesh, ổn định thị trường tiêu thụ lốp Bias. Cung cấp lốp xe máy Tubeless cho Boon Siew Honda.
- Dựa vào lợi thế thương hiệu và kinh nghiệm sản xuất, tiếp cận được với nhiều đối tác uy tín về cung ứng sẫm lốp trên thế giới, trong điều kiện thương mại quốc tế có nhiều chuyển biến có lợi để các doanh nghiệp sẫm lốp Việt Nam tăng trưởng.

Phương thức bán hàng

- Áp dụng phương thức giao kế hoạch sản lượng năm, quý và tháng cho đại lý, Nhà phân phối và bán hàng trực tiếp cho các Nhà lắp ráp. Căn cứ vào mức độ hoàn thành kế hoạch tháng, đánh giá và xây dựng các giải pháp để khắc phục những hạn chế đối với đại lý, Nhà phân phối.
- Phân tích, tuyển dụng có chọn lọc và tổ chức đào tạo đội ngũ giám sát và nhân viên bán hàng năng động, bán và chào hàng trực tiếp tại các nhà phân phối, qua đó nắm bắt nhanh thông tin về sản phẩm và khách hàng kịp thời hỗ trợ cho Công ty để ra những chính sách bán hàng phù hợp với tình hình thị trường.
- Đã xây dựng và điều chỉnh các chính sách bán hàng phù hợp với từng giai đoạn của thị trường, áp dụng các chính sách khuyến mãi để kích cầu và tăng sản lượng tiêu thụ trong từng thời điểm thông qua những phản ánh từ các đội ngũ giám sát, các nhà phân phối tại các vùng miền.
- Áp dụng chính sách công nợ linh hoạt, tạo sự gắn bó và đồng thuận của các đại lý, Nhà phân phối.

Công tác quảng bá và xúc tiến

- Công tác thực hiện các chương trình quảng bá tại điểm bán tiếp tục được duy trì, đồng thời hỗ trợ cung cấp biển biểu quảng cáo, vật phẩm trưng bày tại các điểm bán và nhà phân phối trên toàn quốc.
- Tiếp tục quảng bá thương hiệu bằng các phương tiện

CONSUMPTION

Marketing

- *Trimming the professional sales system, enhancing automobile tyre market in the North. Analyzing, assessing and proposing quarterly and monthly sales policies in line with market movements.*
- *Based on actual market data, Company has applied various flexible sales policies in order to maintain and strengthen market share and seek new customers and partners to penetrate the market and expand market share for TBR and PCR tyre group.*
- *Promoting sales of exported goods. Continuing to renovate the brand promotion and developing the flexible sales policy, focusing on seeking new customers and expanding export markets, especially TBR to Thailand, Bangladesh, and stabilizing market for Bias tyre. Supplying motorcycle tubeless tyre to Boon Siew Honda.*
- *Using the advantage of a long-time brand and more than 40 years of experience to work with many reputed clients around the World in combination with Global market situation has created a chance for Vietnamese enterprise to growth.*

Sales methods

- *The company continues to maintain the annual, quarterly and monthly output plan assigned for dealers and Distributors, simultaneously sell directly to the Assemblers. Based on the implementation of the monthly plan, the company will analyze, find out the causes and propose solutions to overcome the limitations for dealers, Distributors.*
- *Evaluate and employ selectively supervisors and salesperson team directly undertook the sale and offer at distributors' places so that they can quickly grasp information on products and customers and timely support the Company in setting out sales policies in line with the market situation.*
- *Sales policies are developed and adapted to each stage of the market to deficit spending and increase consumption through feedback from supervisors and distributors in each region and any reaction from the market is timely resolved.*
- *The flexible liability policies which were developed depending on the financial capacity of each agent.*

Promotion

- *- Point-of-sales promotion programs are continued to be implemented, at the same time advertisement signboards, display items are provided at retail outlets and distributors nationwide.*

truyền thông truyền thống: Tivi, quảng cáo ngoài trời, xe bus, tạp chí, báo, website, Fanpage ...

- Tham gia các hội chợ và chương trình triển lãm uy tín: Hội chợ HVNCLC, triển lãm Motorshow 2018 (xe ô tô). Tài trợ chương trình Đồng hành cùng World Cup, tài trợ sự kiện Konnit Super fun day... Qua các chương trình này Công ty đã tiếp cận được thị hiếu của khách hàng, cải tiến chất lượng, mẫu mã sản phẩm phù hợp với nhu cầu của khách hàng.
 - Đối với thị trường xuất khẩu: Công ty đã xúc tiến chương trình nhận diện thương hiệu, hỗ trợ hoạt động Marketing của các nhà phân phối tại khu vực Đông Nam Á. Hỗ trợ cho đại lý tham gia hội chợ: Nam Mỹ, Malaysia, Campuchia.
 - Công ty luôn giữ vững các danh hiệu do các tổ chức uy tín bình chọn: Hàng Việt Nam chất lượng cao 23 năm liền, giải thưởng thương hiệu quốc gia 6 năm liền, là một trong 36 doanh nghiệp đã được bình chọn là sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu của TP Hồ Chí Minh năm 2018. Công ty giữ vững vị trí là một trong năm đơn vị có doanh thu cao nhất Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
- *Continuing to promote the brand through traditional media: TVs, outdoor advertisements, buses, magazines, newspapers, websites, fanpages, etc.*
 - *Organizing new product launch events at the distributors' place while simultaneously promoting in local community care events, building a community-friendly Casumina image.*
 - *The company has participated in the well-known fairs and exhibition programs in the rubber and tyre industry such as Vietnamese high-quality goods fair and exhibitions for supporting industry, vehicles and spare parts, Motorshow 2018 (Automobile), rubber and tyres. The company also sponsored the TV program "Accompanying World Cup", Konnit Supper Fun Day, etc... Through these programs, Casumina has affirmed its position in Vietnam's automobile and motorcycle supply chain, reached the tastes of customers, assessed the level of brand identity thereby improving the quality of products in accordance with the needs of customers.*
 - *For export market: The company has launched a brand identity program, and supported the marketing activities of distributors in South East Asia, supported dealers in participating in fairs: South America, Malaysia, Cambodia.*
 - *The company always maintains the titles voted by the prestigious organizations: Vietnamese high-quality goods for 23 consecutive years, the award of national brand name (6 consecutive years), the Company holds its position as one of 36 units to be chosen as the most iconic in supporting products sector. The Company also holds its position as one of five units with the highest revenue of Vietnam National Chemical Group.*



PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2019

BUSINESS ORIENTATION IN 2019

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG NĂM 2019

OVERALL SITUATION IN 2019

KHÓ KHĂN

- Sự chuyển dịch đầu tư lớn từ Trung Quốc sang Thái lan những năm gần đây và hiện nay là Việt nam đối với ngành sản xuất săm lốp xe, cũng như xu hướng mở rộng quy mô sản xuất đối với các doanh nghiệp nước ngoài đặt nhà máy tại Việt Nam cho thấy là một trong những yếu tố thách thức lớn đối với các Doanh nghiệp sản xuất săm lốp trong nước, trong đó có Casumina.
- Tính bất ổn của thị trường cao su nguyên liệu, khó dự báo (bao gồm cả cao su tổng hợp và thiên nhiên) là một yếu tố tiềm ẩn nhiều rủi ro trong quá trình hoạch định chính sách bán hàng và tồn kho đối với các doanh nghiệp sản xuất săm lốp xe.
- Sự khan hiếm của thị trường hóa chất phục vụ cho ngành công nghiệp sản xuất săm lốp xe các loại do tác động từ chính sách cắt giảm sản xuất gây ô nhiễm bảo vệ môi trường của Trung Quốc đã ảnh hưởng đến nguồn cung trên thế giới làm cho thiếu hàng và giá cả tăng cao.
- Sự dịch chuyển nhu cầu sử dụng từ lốp Bias sang lốp Radial một mặt tạo điều kiện thuận lợi để mở rộng sản xuất, mặt khác có thể sẽ làm Công ty mất đi lợi thế ban đầu do sản lượng tiêu thụ lốp Radial chưa bù đắp được so với sản lượng sụt giảm lốp Bias. Vấn đề này chịu sự ảnh hưởng từ nhiều yếu tố: Công nghệ sản xuất, thị trường tiêu thụ, năng lực cạnh tranh...
- Sự cạnh tranh nhóm sản phẩm truyền thống (săm lốp xe đạp xe máy) trở nên khốc liệt với hàng loạt các thương hiệu ngoại nhập từ Thái lan, Malaysia cùng với các cơ sở nhỏ lẻ đang có xu hướng lớn dần.
- Việc mở rộng quy mô, tăng công suất đối với nhóm lốp TBR gặp khó khăn do: 1) Việc hoàn tất cả thủ tục đầu tư chiều rộng gặp khó khăn do Công ty vẫn chưa đạt hiệu quả; 2) Việc cân đối sản lượng đối với khu vực nội địa và xuất khẩu khi sản lượng cung cấp cho đối tác xuất khẩu khá lớn trong khi năng lực bị hạn chế.
- Lãi vay sẽ tiếp tục là yếu tố làm suy giảm hiệu quả của Công ty khi mà dòng tiền tích lũy từ lợi nhuận giữ lại để đầu tư phát triển không còn và lợi nhuận suy giảm trong năm 2018. Mặt khác, mức lãi suất vay từ các ngân hàng thương mại cũng tăng khi kết quả SXKD Công ty 2018 không khả quan.

DISADVANTAGES

- The big investment shift from China to Thailand in recent years and now to Vietnam for the tyre and tube industry, as well as the trend of expanding the production scale for foreign firms setting up their factories in Vietnam have shown the major challenges for domestic tyre and tube manufacturers including Casumina.
- The volatility of the raw rubber market, which is difficult to forecast (including synthetic and natural rubber), is a potential risk factor in making sales and inventory policy for tyre and tube manufacturers.
- The shortage of black coal and chemicals used in the tyre and tube industry due to the impact of China's policy on cutting down production causing pollution to the environment has affected supply worldwide resulting in shortage of goods and price increase.
- Demand shifting from Bias tyre to Radial tyre is an advantage to expand production. At the same time, it might also create some disadvantage when the consumption of Radial tyres cannot make up for lost consumption of Bias tyre. This issue is under influence of many factors such as: Technology, market, and competitive capability
- The competition of traditional product group (tyres and tubes for bicycles and motorbikes) has become fierce with a number of imported brands from Thailand, Malaysia and small facilities which are growing up.
- The expansion to increase capacity of TBR tyre group will face difficulties: 1) Finalization of the proposal and documents is pending since the Company has yet reached the efficiency; 2) The difference between capacities dedicated to domestic and export markets are still large; it is hard to be balanced while capacity is still limited
- Loan interest will continue to be a factor that reduces the efficiency of the Company when the cash flow accumulated from retained earnings for development investment no longer exists and profits declined in 2018. In addition, interest rate from commercial banks also increases when Business Performance of 2018 is not optimistic

- Công tác tuyển lao động trực tiếp sản xuất sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn do Công ty không thể cải thiện được mức lương phù hợp với mặt bằng chung trong khu vực.

THUẬN LỢI

- Tác động của chính sách thương mại giữa các nước thuộc nhóm dẫn đầu (Mỹ, Trung Quốc), các hiệp định thương mại thế hệ mới, việc thực thi các quy định thương mại của tổ chức thương mại đối với ngành sản lốp xe các loại tạo nhiều cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu.
- Kinh tế Việt Nam năm 2019 dự báo ổn định, mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp nội địa biết tận dụng và nắm bắt cơ hội kịp thời.
- Cùng với sự phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, sự tăng trưởng cao của ngành liên quan là xe hơi, xe máy các loại là cơ hội tốt để các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm xe tăng trưởng, đặc biệt khi chính sách tăng tỷ lệ nội địa hóa của phương tiện vận tải của Chính phủ Việt Nam.
- Thị trường xuất khẩu có nhiều triển vọng tốt: Công tác đàm phán, tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường xuất khẩu đang được thực hiện tốt, việc ký kết hợp đồng với các đối tác Tire Co, JinYu sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc hoạch định sản xuất. Dự án sản xuất lốp PCR cung ứng cho thị trường xuất khẩu đã bắt đầu sinh lời, góp phần gia tăng hiệu quả SXKD của Công ty.
- Thị trường tiêu thụ nội địa có chiều hướng tích cực, khu vực cung cấp sản phẩm cho các đối tác lắp ráp trong nước khá thuận lợi, các kênh phân phối được mở rộng. Mặt khác, việc tiếp tục tham gia chuỗi cung ứng, cung cấp BTP cho đối tác Camso cũng sẽ góp phần tăng trưởng doanh thu của Công ty.

- *The recruitment of production line workers encounters many difficulties when the the Company cannot improve the salary level to be more suitable to the average of the area.*

ADVANTAGES

- *With newly adjusted trade policies between leading economies (The United States, China), new Free Trade Agreements (FTAs), and executions of other Trade Regulation from Trade Organizations, export markets now see many opportunities to expand their operation*
- *Vietnam Economy in 2019 expectedly to be stable; it will open up many opportunities for enterprises who can catch the chance*
- *With the development of infrastructure, related industry will also develop as a result; automotive industry including car and motorbike has been witnessing strong growth in the sector. It creates an opportunity for tyre and tube industry when the Government is focusing on domestication of transportation vehicles*
- *Export market has potentials: the negotiation and finding customers, expanding markets has been executed well. Contract with Tireco, JinYu has allowed the Company to stabilize production. PCR project for export market has begun to generate profit, contribute to the Company's performance.*
- *Domestic market has positive developments, assembling sector of the market is performing smoothly, distribution channels are expanded, compound provided for Camso also contributes to revenue growth of the Company.*

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2019

MAIN TARGETS IN 2019

Từ những khó khăn - thuận lợi trên, Công ty đề ra phương hướng SXKD năm 2019 như sau:

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

From the above disadvantages and advantages, the Company has set out the business orientation in:

BUSINESS PLAN IN 2019

STT No.	Chi tiêu Item	Đvt Unit	2018 Results in 2018	KH 2019 Plan	
				Giá trị Value	%2018
1	Giá trị SXCN – Industrial production value	Tr đồng / Million dong	3,685,459	4,438,692	120
2	Doanh thu – Revenue	"	3,891,984	4,566,983	117
2.1	Doanh thu SXCN – Industrial production revenue	"	3,646,597	4,531,983	124
2.1.1	Nội địa – Domestic	"	2,287,763	2,770,832	121
2.1.2	Xuất khẩu – Export	"	1,358,834	1,761,151	130
2.2	Doanh thu KD – Business revenue	"	245,387	35,000	14
3	Sản lượng hiện vật – Product output				
3.1	Lốp xe máy – Motorcycle tyres	1000 chiếc / 1000 pieces	3,592	4,080	114
3.2	Săm xe máy – Motorcycle tubes	"	18,034	20,400	113
3.3	Lốp xe đạp – Bicycle tyres	"	2,376	2,520	106
3.4	Săm xe đạp – Bicycle tubes	"	4,323	4,450	103
3.5	Lốp công nghiệp – Industrial tyres	"	473	500	106
3.6	Lốp ô tô, máy kéo – Automobile, tractor tyres	"	1,691	2,280	135
3.6.1	Lốp TBR – TBR tyres	"	115	270	235
3.6.2	Lốp PCR – PCR tyres	"	828	1,200	145
3.7	Săm ô tô – Automobile tubes	"	547	635	116
3.8	Yếm ô tô – Automobile flaps	"	304	360	118
3.9	Găng tay – Gloves	1000 đôi / 1,000 pairs	5,218	6,000	115
3.10	Ống cao su dân dụng – Civil rubber hose	Tấn / Ton	76	80	105
3.11	Cao su BTP – Master compound rubber	Tấn / Ton	16,479	15,600	95
4	Lao động & thu nhập – Labor & income				
4.1	Lao động bình quân – Average labor rate	Người / Person	2,290	2,350	103
4.2	Thu nhập bình quân – Average income	1000 đ / VND 1,000	8,224	9,000	109
5	Nộp ngân sách – Budget	Tr đồng / Million dong	163,926	196,473	120
6	Kim ngạch XNK – Import-export turnover	1000 USD	120,537	155,300	129
7	Đầu tư XDCB – Basic construction investment	Tr đồng / Million dong	85,012	5,827	7
8	Lợi nhuận trước thuế – Pre-tax profit	Tr đồng / Million dong	16,510	80,000	485
9	Cổ tức – Dividend	%	(*)	>%	

Ghi chú:

(*), (**) Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2018 và tỷ lệ tạm ứng cổ tức 2019 sẽ được trình bày và lấy biểu quyết tại Đại hội theo tờ trình "Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018; Phân phối lợi nhuận năm 2018".

Số liệu kế hoạch 2019 được xây dựng vào tháng 10/2018 và được Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Cổ đông giữ 51% cổ phiếu) phê duyệt ban hành (quyết định số 349/QĐ-HCVN, ngày 05 tháng 12 năm 2018).

Note:

(*), (**) The dividend payment ratio in 2017 and dividend advance payment ratio in 2019 will be presented and voted at the General Meeting according to the Statement on "Business performance in 2018; Profit distribution in 2018".

Data for plan in 2019 was prepared in October, 2018 and approved by the Vietnam National Chemical Group (the shareholder holding 51% of shares) for approval of issuance (Decision No. 349/QĐ-HCVN dated December 05, 2018).

MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN SOLUTIONS

QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT

- Tập trung nguồn lực, tăng năng suất, đáp ứng sản lượng nhóm lốp TBR đã cam kết với đối tác JinYu (300 nghìn lốp). Đây là một mục tiêu quan trọng nhằm làm giảm giá thành, lấp đầy công suất của dây chuyền và đạt mức hiệu quả tốt nhất.
- Chuyển đổi nguồn nguyên liệu với giá thành thấp hơn dựa vào sự hỗ trợ của các đối tác lớn, uy tín trong việc đàm phán giá.
- Tận dụng tối đa các điều kiện khách quan thuận lợi đối với Công ty trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu thông qua các lợi thế từ các hiệp định thương mại, các quy định của các tổ chức tài chính, thương mại quốc tế.
- Xây dựng các giải pháp tiết giảm chi phí toàn Công ty. Rà soát lại định mức nguyên vật liệu, định mức nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất.
- Kiểm soát chặt tồn kho thành phẩm nhằm làm giảm áp lực về chi phí tồn kho và tăng vòng quay tồn kho.
- Quản lý và sử dụng lao động hiệu quả, rà soát và có các giải pháp hợp lý về chế độ về lương, thưởng phù hợp sao cho giữ được người lao động, nhất là lao động có tay nghề.
- Sử dụng hiệu quả nguồn vốn, cân đối hợp lý nguồn vốn vay, đàm phán lãi vay tốt nhất, cân đối dòng ngoại tệ nhằm tránh tổn thất do chênh lệch tỷ giá.
- Tiếp tục duy trì hệ thống quản lý ISO 9001 (2008) và ISO 14001, và các chứng nhận có giá trị khu vực và quốc tế đối với ngành săm lốp.

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XDCB

- Tiếp tục hoàn tất triển khai thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án lốp TBR nâng công suất lên 600 nghìn chiếc/năm.
- Đầu tư nâng cấp thiết bị sản xuất dòng lốp PCR cỡ lớn, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.
- Tiếp tục thực hiện đầu tư, tăng năng suất lao động đối với các nhóm sản phẩm hiện có. Tiếp tục đầu tư các thiết bị nhỏ, lẻ để hoàn thiện một số công đoạn trong dây chuyền sản xuất lốp xe máy, săm xe máy, lốp tô tô Bias, săm ô tô.

COMPANY GOVERNANCE AND PRODUCTION MANAGEMENT

- *Focusing resources to meet the promised capacity for TBR tyre supplying to JinYu (300 thousand tyres). This is one important target to lower cost and make use of the production line's full capacity – to achieve the best efficiency*
- *Shifting to lower cost inputs with the assistance from reputed suppliers.*
- *Making use of every opportunity to expand export market such as advantages from new FTA, or new regulations from financial, commercial organizations.*
- *Finding solutions to cut cost for the whole Company. Reviewing the limit for inputs and energy in production.*
- *Managing stocks to minimize expenses occurs from warehouse and high inventory turnover.*
- *Planning for the production sites, warehouses and logistics system operating methods to meet the expansion of the Company in the coming years.*
- *Managing and using labor effectively. Reviewing and making reasonable labor planning and arrangement in production stages and production lines. Considering and proposing appropriate solutions to the average income in order to retain skilled workers.*
- *Making use of capital efficiently, balling between loans, negotiating for better interest rate, balancing foreign cash flows to avoid losses by exchange rate.*
- *Continuing to maintain and promote the effectiveness of management system under ISO 9001 (2008) and ISO 14001.*

BASIC CONSTRUCTION INVESTMENT

- *Completing procedures for investment in TBR tyre projects to increase capacity to 600 thousand units per year.*
- *Investing in upgrading machinery, equipments to produce big PCR sizes for exporting demand*
- *Investing and increasing labor productivity for existing products. Continuing to invest in miscellaneous equipment to complete a number of stages in the production line of motorcycle tyres and tubes, automobile Bias tyres and tubes*

CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM

- Tập trung cải tiến thiết kế phù hợp đáp ứng yêu cầu của các đối tác lắp ráp xe với hai nhóm lốp TBR và PCR.
- Triển khai sản xuất đại trà lốp xe máy Tubeless hai thành phần với tiêu chí mềm mại, bám đường, dễ lắp vào vành khi bơm hơi.
- Nghiên cứu đơn săm xe máy cao su thiên nhiên kháng nhiệt khi lão hóa – tăng cường lực mối nối.
- Nghiên cứu đơn săm ô tô Radial kháng nhiệt phù hợp cho khu vực miền Trung – miền Bắc.
- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động quảng bá, phát triển thị phần đối với dòng sản phẩm lốp xe không săm, đồng thời mở rộng thị trường tiêu thụ đối với các dòng lốp xe máy phục vụ riêng cho thị trường xuất khẩu.
- Tiếp tục nghiên cứu, cải tiến chất lượng lốp TBR cung cấp cho thị trường xuất khẩu và nội địa.

CÔNG TÁC TIẾP THỊ VÀ BÁN HÀNG

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống bán hàng chuyên nghiệp lốp ô tô, tăng cường các chế độ chăm sóc khách hàng. Thực hiện các chính sách khuyến mãi cho từng dòng sản phẩm, điều chỉnh giá bán cho phù hợp với thị trường cạnh tranh.
- Tăng cường công tác phối hợp với các Nhà phân phối để mở rộng thị phần, tăng sản lượng tiêu thụ đối với các nhóm sản phẩm, đồng thời xây dựng chính sách riêng để kích cầu nhóm sản phẩm lốp Tubeless, tăng độ bao phủ thị trường.
- Mở rộng và bổ sung Nhà phân phối ở hai đầu Miền nam và Miền bắc, rút ngắn kênh phân phối, giảm chi phí trung gian.
- Tăng cường công tác bán hàng trực tiếp cho các Nhà vận tải lớn, các Nhà lắp ráp ô tô.
- Xây dựng cửa hàng điển hình tại TP HCM để quảng bá, giới thiệu sản phẩm lốp PCR thương hiệu Advenza. Tăng cường hợp tác, bán cho các nhà lắp ráp ô tô tải nhẹ sử dụng nhóm lốp này.
- Tập trung mở rộng thị trường xuất khẩu, tìm kiếm khách hàng mới đối với khu vực Châu Âu, Châu Mỹ la tinh và Canada.
- Tiếp tục duy trì hệ thống nhận diện thương hiệu theo hướng hiện đại, đồng bộ. Tập trung vào công tác quảng bá sản phẩm mới theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại. Thực hiện chương trình Digital Marketing thông qua các hoạt động sử dụng các phương tiện truyền thông kỹ thuật

PRODUCT STRATEGIES

- Focusing on improving product designs of TBR and PCR to be more suitable for assembling sector.
- Starting the mass production of two-formulas Tubeless tyre – smooth, good road friction, easy to install
- Studying new formula for natural rubber tube to withstand more heat when aging –enhance tensile strength.
- Studying new formula for Radial tube to withstand more heat for Central and Northern part of Vietnam.
- Continuing to enhance the promotional activities and mobilize human resources to increase the market share of tubeless tyre products while expanding the consumption of motorcycle tyres for export markets.
- Continuing to research and improve quality of TBR for domestic and export market

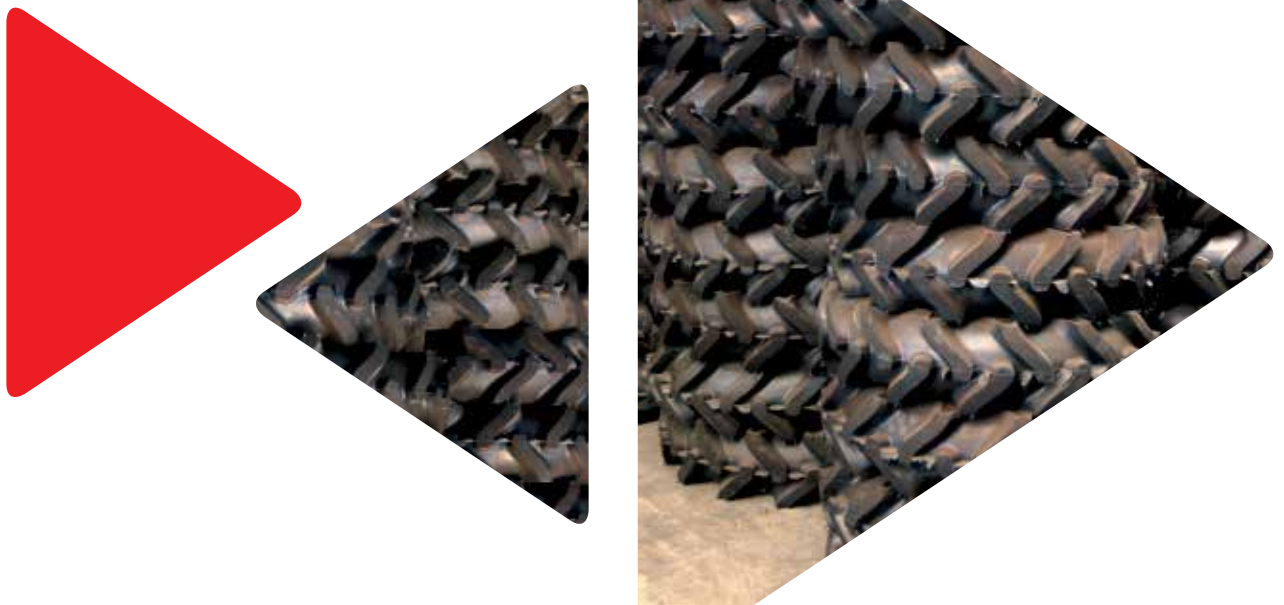
MARKETING AND SALES

- Optimizing sales system for automobile tyre, enhance customer care service. Carrying out marketing campaign, adjusting price to be become more competitive.
- Improving cooperation and communication with Distributors to increase market share, consumption of all product groups, at the same time building customized policy to deficit spending of Tubeless tyre group.
- Adding and expanding new Distributors in the South and the North to shorten distribution network, reduce lead-time and agency expenses.
- Increasing sales to large Transportation companies and automobile assembling companies
- Building a showroom in Hochiminh City to display and advertise Advenze brand PCR tyre. Increase sales to automobile assembling companies for this product group.
- Focusing on expanding export markets, finding new customer in Europe, Latin America and Canadian area
- Continuing to maintain the brand identity system in a modern and synchronous manner. Focusing on the promotion of new products in a professional and modern manner. Implementing Digital Marketing program through the use of digital media such as social network, internet, mobile, etc. Continuing to strengthen and build the image of the tyre industry.
- Approaching, directing and exploiting the modern tools

số như: Mạng xã hội, internet, mobile... Tiếp tục củng cố và xây dựng hình ảnh chuyên gia ngành lốp.

- Tiếp cận, định hướng và khai thác tốt các công cụ bán hàng hiện đại thông qua các tiện ích do cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đem lại.

of sales through the utilities provided by the Industrial Revolution 4.0.



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

IMPLEMENTATION OF INVESTMENT PROJECTS

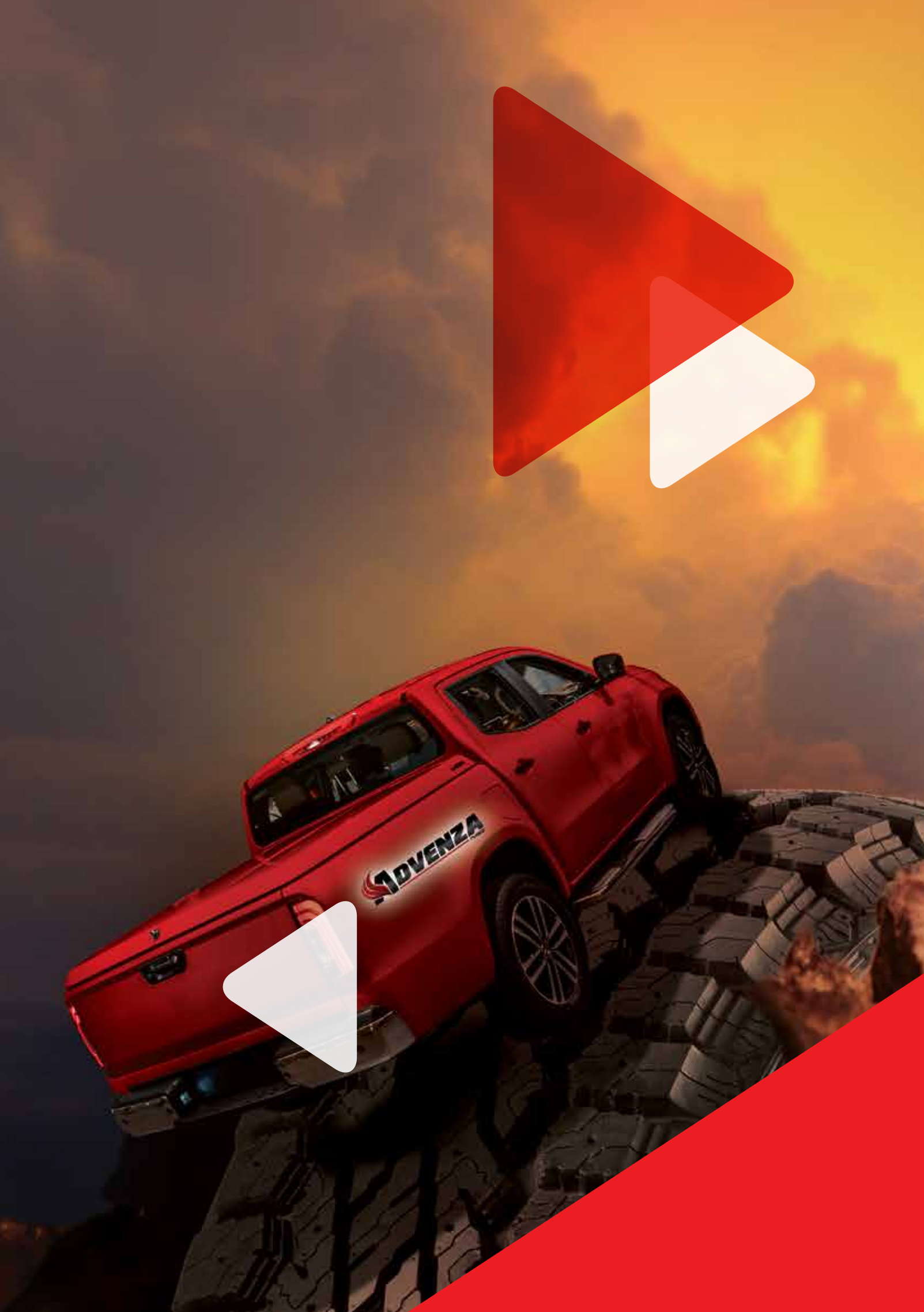
- Dự án cao ốc 180 Nguyễn Thị Minh Khai:** Hiện nay đã cho thuê được một phần. Đang tìm kiếm khách hàng cho thuê phần còn lại, thông qua các Công ty môi giới: CBRE, Savells, Cushman Wakefield.
- Dự án hợp tác 03 mặt bằng Xí nghiệp găng tay Việt Hưng, Xí nghiệp Bình Lợi và mặt bằng 146 Nguyễn Biểu Q5:** Đã hợp với đối tác (Công ty cổ phần TV-ĐT-XD Ba Đình) và ký biên bản thanh lý dự án này. Theo đó, đối tác không tiếp tục thực hiện dự án. Casumina đã lập văn bản báo cáo với Tập đoàn Vinachem (cổ đông 51%) và kiểm toán Nhà Nước. Đồng thời, Công ty cũng đã lập hồ sơ sử dụng đất 2018 gửi Bộ Tài chính, đăng ký tiếp tục thuê đất sử dụng các mặt bằng trên cho hoạt động SXKD của Công ty.
- Dự án đầu tư nhà máy sản xuất 1 triệu lốp ô tô Radial toàn thép (3 giai đoạn: 1/ 350 nghìn lốp; 2/ 600 nghìn lốp; 3/ 1 triệu lốp):** Hiện nay vẫn đang tiếp tục làm việc với Tập đoàn Công nghiệp hóa chất Việt Nam (cổ đông 51%) về việc chấp thuận đầu tư giai đoạn 2 – tăng công suất lên 600 nghìn lốp. Trong năm 2019 sẽ cố gắng tăng dần công suất dựa vào quá trình hợp lý hóa sản xuất, nhằm tận dụng cơ hội và đáp ứng theo tiến độ đã cam kết với đối tác.
- Dự án đầu tư nhà máy sản xuất 500.000 lốp ô tô Radial bán thép:** Đã hoàn thành dự án với công suất 1 triệu lốp/năm.
- Dự án mua đất Bình Dương:** Tạm thời không thực hiện do chủ trương quy hoạch của Tỉnh Bình Dương có thay đổi trong quy hoạch khu dân cư và cụm Nhà máy (không ủng hộ cho việc xây dựng thêm nhà máy).
- Company Office Building project:** Leasing out a part of the building. Searching for new tenant for the remaining space via agencies such as: CBRE, Savells, Cushman Wakefield.
- Cooperation 03 spaces Viet Hung gloves factory, Binh Loi Factory and 146 Nguyen Bieu District 5:** Having meeting with (Ba Dinh Consulting-Investment-Construction JSC) and signed memo to end this contract. In accordance with the memo, Ba Dinh will not continue with the project. Casumina has reported to Vinachem (51% shareholder) and State Audit of Vietnam. Casumina also prepare a land-use profile 2018 and submitted to Ministry of Finance, registering to continue using the mentioned lands for business operation of the Company.
- The project of investment in a factory manufacturing 1 million TBR tyres (3 phases: 1/ 350 thousand tyres; 2/ 600 thousand tyres; 3/ 1 million tyres):** still working with VINACHEM (52% shareholder) to approve for phase 2 investment – increase capacity to 600 thousand. Casumina will manage to increase the capacity gradually to optimize production and fulfill the delivery schedule promised to clients.
- The project of investment in a factory manufacturing 500.000 PCR tyres:** Completed the project with capacity of 1 million tyre/year.
- Land acquisition project for Company development in Tan Uyen - Binh Duong:** Pending due to new changes in policy of Binh Duong Province (Binh Duong does not allow new factory).

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL MANAGER



PHẠM HỒNG PHÚ







5.0

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BOARD OF DIRECTORS REPORT

5.1 Tình hình
chung

*General
situation*

5.2 Hoạt động
của hội đồng
quản trị 2018

*Operation of the
Board of Directors
in 2018*

TÌNH HÌNH CHUNG

GENERAL SITUATION

Bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp. Lạm phát toàn cầu những tháng đầu năm có xu hướng tăng cao hơn năm 2017 do giá năng lượng, đặc biệt là giá dầu bình quân tăng mạnh. Căng thẳng thương mại giữa các nước lớn cùng với xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch có tác động đến sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam và các nước trong khu vực.

Nền kinh tế nước ta cũng đối mặt tình hình diễn biến phức tạp, tác động đến giá lương thực, thực phẩm, ảnh hưởng tới mục tiêu kiểm soát lạm phát; giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp. Tuy nhiên, thực tế cho thấy: Kinh tế Việt Nam năm 2018 khởi sắc trên cả ba khu vực sản xuất, cung - cầu của nền kinh tế cùng song hành phát triển. Tăng trưởng kinh tế năm 2018 đạt 7,08% so với năm 2017 - mức tăng cao nhất 11 năm qua. Chất lượng tăng trưởng và môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, doanh nghiệp thành lập mới tăng mạnh. Nền tảng kinh tế vĩ mô được củng cố và từng bước được tăng cường. Tỷ lệ thất nghiệp

Ngành công nghiệp ô tô trong nước cũng có những bước phát triển quan trọng và dần trở thành ngành then chốt đối với phát triển kinh tế Việt Nam. Qua số liệu tăng trưởng về số lượng xe lắp ráp tại Việt Nam (bao gồm cả xe máy và xe ô tô các loại nói chung) cho thấy nhu cầu sử dụng sản phẩm lốp xe tăng.

Tuy nhiên, năm 2018 là một năm không thuận lợi, nhiều thách thức đối ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm lốp xe trong nước: Sự biến động khó dự báo của nguyên vật liệu đầu vào, sự khan hiếm các loại hóa chất phục vụ ngành sản xuất sản phẩm lốp do chính sách bảo vệ môi trường một cách nghiêm ngặt của các nước xuất khẩu và tràn ngập các thương hiệu sản phẩm lốp nhập khẩu từ các nước: Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia... đã làm cho các doanh nghiệp nội địa chật vật trong chính sách tồn trữ và bán hàng.

Về cơ bản, chính sách giá bán linh hoạt trong năm 2018 đã giúp Casumina giữ vững thị phần, đạt mục tiêu tăng trưởng cao đối với nhóm lốp Radial, bao gồm cả Radial toàn thép (TBR) và Radial bán thép (PCR). Công ty đã hiện đúng tiến độ cam kết về cung cấp lốp Radial bán thép (PCR) cho đối tác, đồng thời tạo lợi thế cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng ngành trong việc cân đối giữa giá đầu vào - đầu ra.

Sự đa dạng của dây sản phẩm cùng loại giữa các doanh nghiệp sản phẩm (đặc biệt là phân khúc giá rẻ) đã đẩy các doanh nghiệp (cả nội địa lẫn nước ngoài) vào cuộc chiến về giá bán. Điều này, dẫn đến hệ lụy là hiệu quả của toàn

Global economic in 2018 slowed down with growing number of uncertainties, the slowing down was the result of changes in economic policy of The America and the heated-up US-China trade war. Global inflation in early of 2018 grew more than it did the same period in 2017 was because of the newly increased energy price, especially for oil price as it witnessed a sharp rise. Conflicts between major economies and the raise of protectionism affected production as well as export activities of Vietnam and countries in SEA areas.

Vietnam economy had to face difficulties and complex development, which impacted normal daily products price, the effort to control inflation of the Government and also banks' disbursement for investment. Despite all odds, data shows positive signs for Vietnam Economy in all three areas: production/manufacturing, demand - supply. Economic growth in 2018 is 7.08% higher than 2017 - the highest growth recorded in 11 years. Quality of growth and investment environment were also improved, newly found business grew in number. Macroeconomic was reinforced and improved. Unemployment rate decreased gradually. Social security gained more attention and improvement.

The domestic automobile industry has also experienced important development steps and has gradually become a key industry for the economic development of Vietnam. The data on growth in the number of vehicles assembled in Vietnam (including motorcycles and automobiles in general) shows the increasing demand for tubes and tyres.

However, 2017 was an unfavorable year with many challenges for the domestic tyre industry: the unpredictable volatility of input materials, the shortage of chemicals for the tyre production industry, causing by strict environmental protection policy of exporting countries and the abundance of tube and tyre brands from China, Thailand, Indonesia, etc. have made the domestic enterprises with inventory planning and sales policy.

Basically, the flexible price policy in 2017 helped Casumina maintain its market share and achieve its growth targets for all-steel radial tyre group (TBR), meet PCR supply schedule proposed to clients, also create competitive advantage over other enterprises in balancing input and output prices. Strategically, by using dynamic and flexible pricing scheme, Casumina managed to maintain market share and achieved a significant growth in Radial tyre group, including both Truck and Bus Radial (TBR) and Passenger Car Radial (PCR). The Company managed to meet PCR supply schedule proposed to clients, which gave Casumina more competitive advantages in comparison to other companies in the same industry when it came to input - output pricing balance.

ngành sản lốp xe nội địa giảm đi rõ rệt. Thêm vào đó, sự bất đồng trong chính sách thương mại của các nước lớn đã đẩy sản lượng sản lốp tồn đọng xuất khẩu sang Việt Nam (đặc biệt là nhóm lốp ô tô tải toàn thép – TBR), đã làm cho doanh nghiệp sản xuất sản lốp trong nước (trong đó có Casumina) bị ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả SXKD 2018.

Mức tiêu thụ bị thu hẹp của nhóm lốp ô tô Bias cỡ nhỏ do quy định của chính sách chung về tiêu chuẩn kỹ thuật đối với xe lắp ráp trong nước đã làm Casumina giảm hiệu quả SXKD 2018.

Casumina đã tham gia sâu vào chuỗi cung ứng Bán thành phẩm cho đối tác Camso đã giúp giải quyết bài toán tăng trưởng doanh thu và cân đối khẩu hao, lãi vay trong khi sản lượng tiêu thụ lốp Radial toàn thép chưa đạt công suất thiết kế.

Mức tăng trưởng nhanh của nhóm lốp PCR theo hợp đồng cung ứng cho đối tác xuất khẩu là một thế mạnh của Casumina, với sản lượng thực tế đã tiêu thụ gần 900 nghìn lốp trong năm 2018, đã giúp Công ty tạo được lãi gộp, cân đối mức khấu hao và lãi vay cho Nhà máy lốp Radial.

Với lợi thế là doanh nghiệp đang dẫn đầu trong ngành sản lốp xe tại Việt Nam, cùng với kinh nghiệm trong phân tích và dự báo đúng diễn biến của thị trường, HĐQT Công ty Casumina đã đề ra các chiến lược căn cơ, đặt ra mục tiêu cho từng quý cùng với sự quyết tâm của Ban Tổng giám đốc trong quá trình điều hành hoạt động SXKD, tìm ra các giải pháp nhằm phát huy được nội lực của Công ty như: Thiết kế đổi mới các kiểu gai phù hợp với thị hiếu và địa hình Việt Nam, triển khai thực hiện các đơn hàng theo yêu cầu riêng biệt của từng khách hàng xuất khẩu, hoàn thiện hệ thống bán hàng chuyên nghiệp, sử dụng chính sách bán hàng và hậu mãi linh hoạt, bám sát khách hàng... Đồng thời chỉ đạo thực hiện các biện pháp quản trị như: Hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất từng dây chuyền sản xuất, quản trị tồn kho, thực hiện công tác tiết kiệm, giảm thiểu tỷ lệ phế và hao hụt, áp dụng mô hình quản lý theo mục tiêu chiến lược của công ty thông qua hệ thống BSC... chiến lược của công ty thông qua hệ thống BSC...

Từ những hoạt động trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt kết quả như sau: Doanh thu 3.892 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2017 và tăng 3% so với kế hoạch 2018 HĐQT đã đặt ra. Lợi nhuận trước thuế 16,6 tỷ đồng. Thu nhập bình quân là 8,2 triệu đồng/người/tháng, tăng 9% so với cùng kỳ 2017.

The diversity of products in the same segment (especially the segment aiming at blue collar class) had pushed manufacturers (both domestic and foreign companies) into a price war. This war ultimately resulted in a significantly lower efficient rate in all domestic market for tyre and tube. In addition, the disagreement in trading policy between major economies had pushed a large clearance wave of tyre and tube to Vietnam (Especially TBR products), which affected all tyre, tube manufacturers in Vietnam (including Casumina); thus, Business Performance 2018 was heavily impacted.

Consumption of light truck Bias tyre was reduced because of the new policy of technical requirement for automotive assembled in Vietnam. The decreased consumption had affected Casumina Business Performance in 2018.

Casumina has been deeply involved in the compound supply chain for Camso, helping to solve the problem of revenue growth and balance of depreciation and loan interest while the total consumption of full-steel radial tyres has not reached the designed capacity.

The fast growth rate of PCR products for export is a strength of Casumina, with the export volume of up to 900 thousand in 2018, the growth contribute greatly in Casumina gross profit and help Casumina balance between depreciation and interest paid for Radial Tire Factory.

Using the advantage of being the leading tyre and tube enterprise in Vietnam, in combination with its experiences in market analysis and forecast, Casumina's Board of Directors has set out the basic strategy, set out targets for each quarter, and together with the determination of the Board of General Directors in the process of operating business activities, worked out solutions to promote the Company's internal force such as: innovative designs of tread which are suitable with the tastes and topography of Vietnam, implementation of orders according to customized requirements of each export customer, completion of the professional sales system, use of the flexible sales and after-sales policy. At the same time, the management measures have been directed such as rationalizing production, increasing productivity of each production line, inventory management, implementation of savings, reduction of scraps and loss, application of management model in accordance with the strategic objectives of the company through BSC system, etc.

From the foregoing activities, the business and production activities of the Company have achieved the following results: revenue reached VND 3.892 billion, increasing by 11% over the same period in 2017 and 3% in comparison with the plan in 2017 set out by the Board of Directors. Pre-tax profit reached VND 16.6 billion. Average income was VND 8.2 million/person/month, an increase of 9% over the same period in 2017

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2018

OPERATION OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2018

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ MEETINGS OF THE BOARD OF DIRECTORS

Hội đồng quản trị bao gồm 05 thành viên và đã tổ chức 13 cuộc họp. Cụ thể như sau:

The Board of Directors consisting of 05 members has held 13 meetings. In particular:

STT No	Biên bản họp Meeting Note No	Thời gian Date	Nội dung Contents of meeting
1	26/2018/ CSM BBH/HĐQT	24/01/2018	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo kết quả SXKD 2017, Kế hoạch Q1/2018 & 2018. Đánh giá việc thực hiện công tác đầu tư xây dựng năm 2017, KH Đầu tư xây dựng năm 2018. Báo cáo thực hiện công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại năm 2017, Kế hoạch năm 2018. Chuẩn bị các công việc để tổ chức ĐHCĐ năm 2018.
2	27/2018/ CSM BBH/HĐQT	22/03/2018	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện theo văn bản chỉ đạo số 324/HCVN-HĐTV ngày 09/03/2018 v/v kiểm điểm tập thể, cá nhân liên quan theo kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước. Xem xét quyết toán Dự án lớp bán thép (500.000 lớp /năm) theo tờ trình của Ban điều hành. Xem xét quyết toán giai đoạn 1 (350.000 lớp) Dự án lớp toàn thép (1.000.000 lớp /năm) theo tờ trình của Ban điều hành. Xem xét thông qua Quy chế mua bán vật tư, nguyên vật liệu. Xem xét thông qua công tác quy hoạch cán bộ năm 2018. Rà soát các nội dung để tổ chức ĐHCĐ năm 2018.
3	28/2018/ CSM BBH/HĐQT	12/04/2018	<ul style="list-style-type: none"> Vay vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, tại Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Nghé.
4	29/2018/ CSM BBH/HĐQT	12/04/2018	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá kết quả SXKD Quý I năm 2018, giao KH SXKD Quý II năm 2018 và các giải pháp thực hiện. Các giải pháp tăng cường Công tác quản trị Công ty Chuẩn bị các công việc để tổ chức ĐHCĐ năm 2018
5	30/2018/ CSM BBH/HĐQT	18/05/2018	<ul style="list-style-type: none"> Nhận xét bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng công ty.
6	31/2018/ CSM BBH/HĐQT	19/07/2018	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá kết quả SXKD Quý 2/2018, KH SXKD Q3/2018 và các giải pháp thực hiện. Báo cáo tình hình thực hiện ĐTXD từ đầu năm đến nay, KH ĐTXD quý 3/2018 và năm 2018. Báo cáo công tác An toàn vệ sinh lao động, Công tác phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường của Công ty.

STT No	Biên bản họp Meeting Note No	Thời gian Date	Nội dung Contents of meeting
			<ul style="list-style-type: none"> Rà soát việc thực hiện các nội dung về thực hiện kế hoạch sửa chữa lớn của Công ty năm 2018. Xem xét phê duyệt & thông qua các Nghị quyết theo yêu cầu SXKD năm 2018. Xem xét các nội dung khác về công tác Quản trị Công ty.
7	32/2018/ CSM BBH/HĐQT	29/08/2018	<ul style="list-style-type: none"> Thuê mua tài chính tại Cty TNHH MTV Cho thuê Tài chính NH TMCP Ngoại thương.
8	33A/2018/ CSM BBH/HĐQT	29/08/2018	<ul style="list-style-type: none"> Vay vốn tại Ngân hàng Ngoại thương VCB
9	33/2018/ CSM BBH/HĐQT	29/08/2018	<ul style="list-style-type: none"> Các giải pháp cắt giảm chi phí nguyên vật liệu. Nâng cao hiệu quả nhóm sản phẩm lốp Radial và sản phẩm truyền thống. Các giải pháp về công tác bán hàng, công tác tài chính. Sắp xếp, sử dụng lao động hiệu quả. Thông qua kế hoạch điều chỉnh đầu tư xây dựng 2018. Thông qua việc thuê mua tài chính máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh. Các biện pháp đẩy nhanh tiến độ thoái vốn tại liên doanh than đen Philip Carbon. Xây dựng hoàn thiện quy chế sửa chữa lớn, quy định vật tư thu hồi.
10	34/2018/ CSM BBH/HĐQT	25/09/2018	<ul style="list-style-type: none"> Vay vốn Indovina bank.
11	35/2018/ CSM BBH/HĐQT	05/10/2018	<ul style="list-style-type: none"> Vay vốn Vietin bank.
12	36/2018/ CSM BBH/HĐQT	24/10/2018	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá kết quả SXKD Quý 3/2018. Báo cáo tình hình thực hiện ĐTXD từ đầu năm đến nay, KH ĐTXD quý 4/2018 và năm 2018. Báo cáo V/v Thoái vốn khỏi Dự án tại Công ty CP Philips Carbon Black. Báo cáo công tác An toàn vệ sinh lao động, Công tác phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường của Công ty. Rà soát việc thực hiện các nội dung về thực hiện kết luận của Kiểm toán Nhà nước nêu tại văn bản số 442/KTNN-CN-VI ngày 10/9/2018. Xem xét & thông qua bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty; rà soát công tác quy hoạch cán bộ của Công ty năm 2018. Xem xét các nội dung khác về công tác Quản trị Công ty.
13	36/2018/ CSM BBH/HĐQT	21/03/2019	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá kết quả SXKD quý 1/2019 và các giải pháp hoàn thành kế hoạch năm 2019. Phê duyệt kế hoạch chi phí, định mức nguyên vật liệu chính, định mức hàng tồn kho công ty năm 2019. Kế hoạch tài chính quý 2/2019. Báo cáo thực hiện kế hoạch sửa chữa lớn của Công ty năm 2019. Báo cáo các nội dung chuẩn bị cho ĐHCĐ Công ty năm 2019. Xem xét tiến độ xây dựng các quy chế Quản trị của Công ty. Các nội dung về công tác cán bộ và các nội dung khác.

**CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****RESOLUTIONS AND DECISIONS OF
THE BOARD OF DIRECTORS**

Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành 12 Nghị quyết và 4 Quyết định liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh, trả cổ tức, quyết định phê duyệt, quyết định khác. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với Điều lệ Công ty.

During the year, the Board of Directors issued 12 Resolutions and 4 Decisions with respect to production and business management, dividend payment, approval decision and other decisions. The Resolutions and Decisions of the Board of Directors have been agreed by the members and in compliance with the the Company's Charter.

**VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC****SUPERVISION OF THE COMPANY'S BOARD OF DIRECTORS
TO THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS**

Với mục tiêu đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị tổ chức chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các giải pháp giảm chi phí sản xuất, nâng cao công tác quản trị, nâng cấp chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh công tác bán hàng, thu xếp vốn và triển khai hoặc thoái vốn đối với các dự án đầu tư.

With the aim of boosting and improving the efficiency of production and business activities, the Board of Directors directs, supervises and supports the Board of General Directors in implementing solutions to reduce production costs, enhance the management, improve product quality, sales promotion, capital arrangement and deploy or divest in investment projects.

Qua kiểm điểm công tác cho thấy Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện các nghị quyết và kết luận của Hội đồng quản trị với nỗ lực cao.

The review showed that the Board of General Directors has implemented the resolutions and conclusions of the Board of Directors with great effort.

**BÁO CÁO CHI PHÍ THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY****REPORT ON REMUNERATION OF THE BOARD
OF DIRECTORS AND AND SUPERVISORY BOARD**

Chủ tịch Hội đồng quản trị <i>Chairman of the Board of Directors</i>	72.000.000 đồng/năm VND 72,000,000 per year
Các thành viên Hội đồng quản trị <i>Members of the Board of Directors</i>	264.000.000 đồng/năm VND 264,000,000 per year
Các thành viên Ban kiểm soát <i>Members of the Supervisory Board</i>	72.000.000 đồng/năm VND 72,000,000 per year
Thư ký Hội đồng quản trị <i>Secretary of the Board of Directors</i>	54.000.000 đồng/năm VND 54,000,000 per year

Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2018: 462 triệu đồng, bằng 100 % mức duyệt chi tại Đại hội cổ đông năm 2018.

The total remuneration paid in 2017: VND 462 million, equivalent to 100% of the approved rate at the general meeting of shareholders in 2018.

Trưởng ban kiểm soát chuyên trách với mức lương tương đương với Kế toán trưởng (không có thù lao). Tổng lương là 406 triệu đồng, bằng 100% mức duyệt chi tại đại hội cổ đông năm 2018.

The full-time chief supervisor enjoys the equal salary to the chief accountant (no remuneration). Total salary was VND 439 million, equivalent to 100% of the approved rate for expenditures at the general meeting of shareholders in 2018.

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019 THE OPERATION ORIENTATION OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2019

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế Thế giới và Việt Nam, căn cứ kế hoạch phát triển Công ty đến năm 2020. Hội đồng quản trị đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và phương hướng quản trị, điều hành gồm một số nội dung chính như sau:

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SXKD 2019

Tổng doanh thu: 4.567 tỷ đồng, tăng 17% so với thực hiện năm 2018.

Lợi nhuận trước thuế : 80 tỷ đồng, tăng 400% so với thực hiện năm 2018.

Chia cổ tức: Mức tối thiểu là 5%.

TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO VÀ HỖ TRỢ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Tập trung nguồn lực tăng sản lượng sản xuất, đảm bảo theo đúng tiến độ và cam kết cung ứng nhóm lốp TBR và PCR cung cấp cho đối tác xuất khẩu
- Tìm kiếm các giải pháp công nghệ thực hiện mục tiêu: Cải tiến chất lượng, giảm giá thành sản phẩm nhóm lốp TBR nhằm làm tăng tính cạnh tranh đối với thị trường nội địa.
- Đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ nhóm lốp TBR và nhóm lốp xe máy không săm (Tubeless) tại thị trường nội địa.
- Thực hiện quảng bá và tiêu thụ đạt mục tiêu nhóm lốp PCR với thương hiệu Advenza tại thị trường nội địa và xuất khẩu.
- Tìm mọi giải pháp duy trì thị phần các sản phẩm truyền thống của Casumina nhằm ổn định tỷ suất lợi nhuận của các nhóm sản phẩm này.
- Tận dụng cơ hội mở rộng, hợp tác với các doanh nghiệp ngành săm lốp khi các chính sách thương mại của một số quốc gia lớn có lợi cho công nghiệp sản xuất săm lốp xe tại Việt Nam.
- Lập kế hoạch triển khai các loại hình kinh doanh bắt kịp xu hướng kỹ nguyên số nhằm tạo lợi thế và hiệu quả từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại.
- Thực hiện các giải pháp đột phá việc triển khai tiết kiệm, tiết giảm chi phí nhằm tạo được lợi thế về giá thành.
- Triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các dự án đầu tư đúng tiến độ, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- Chủ động thực hiện các thủ tục cần thiết theo lộ trình thoái vốn từ cổ động 51%.
- Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện đúng các Quy chế, Quy định của Công ty.

Trên đây là báo cáo tóm tắt hoạt động của Hội đồng quản trị về thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2018 và phương hướng hoạt động năm 2019

Kính trình Đại hội.

Based on the forecast of the world economy and Vietnam's economy and the Company's development plan by 2020, The Board of Directors has set out the production and business plan in 2019 and the management orientation including the main contents as:

PRODUCTION AND BUSINESS TARGETS IN 2018

Total revenue: VND 4.567 billion dong, increasing by 17% in comparison with 2018.

Pretax profit: VND 80 billion, increasing by 400% in comparison with 2018.

Dividend payment: The minimum level is 5%

DIRECTION AND SUPPORT TO THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS

- *Focusing resources to increase capacity of TBR and PCR tyre to ensure delivery schedules promised to export clients.*
- *Looking out for technological solutions in order to achieve targets: improve quality, reduce costs for TBR in order to gain competitive advantages in domestic market.*
- *Speeding up the consumption volume of TBR tyres and tubeless motorcycle tyres in the domestic market.*
- *Carrying out promotion and consumption to reach the target of Advenza PCR tyre group in domestic and export market.*
- *Working out all solutions to maintain the market share of Casumina's traditional products to stabilize the profitability ratio of this group.*
- *Taking the chance to expand market and cooperate with other enterprises in the same industry when major economies' policies are giving manufacturers in Vietnam advantages over other countries.*
- *Planning for the implementation of business models that keep pace with digital trends so as to create the advantage and efficiency of the industrial revolution 4.0.*
- *Implementing breakthrough solutions in savings and reduce costs to create production cost advantages.*
- *Implementing the Resolution of the General Meeting of Shareholders for investment projects on schedule, in accordance with the law and the Charter of the Company.*
- *Taking initiative in implementing the necessary procedures in line with the divestment plan from the shareholder holding 51%.*
- *Continuing to improve and strictly comply with the Company's Statutes and Regulations*

Above is the report summarizing the operations of the Board of Directors on executing the Resolution of the General Meeting of Shareholders in 2018 and the operation orientation in 2019

Yours faithfully,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Bắc





6.0

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

BOARD OF SUPERVISORS REPORT

6.1 Hoạt động của
Ban kiểm soát
2018

*Operations of
the Supervisory
Board in 2018*

6.2 Kết quả hoạt
động kiểm tra
và giám sát

*Inspection and
supervision
results of the
Supervisory
Board*

6.3 Nhận xét và kiến
nghị

*Comments and
recommenda-
tions*

6.4 Phương hướng
hoạt động 2019
của BKS

*The operation
orientation of the
Supervisory
Board in 2019*

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT 2018

OPERATIONS OF THE SUPERVISORY BOARD IN 2018

Kính thưa : Quý vị cổ đông

Thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, đồng thời thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Ban kiểm soát xin trình bày báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam được tổ chức ngày 25 tháng 04 năm 2019 với các nội dung sau:

- Trong năm 2018, Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.
- Ban kiểm soát Công ty đã tiến hành triển khai và thực hiện nghiêm túc việc giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính – kế toán, đảm bảo tính hợp pháp trong các hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc, cán bộ quản lý khác của công ty.
- Kiểm tra, giám sát thường xuyên việc quản lý, thực hiện các mục tiêu kinh doanh 2018 của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban điều hành đã được thông qua Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 19 tháng 04 năm 2018.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và các buổi họp điều độ của ban lãnh đạo về kế hoạch kinh doanh và tình hình thực hiện kế hoạch năm 2018.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực, tính nhất quán trong việc áp dụng các chính sách kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính theo đúng quy định của Nhà nước.
- Kiểm soát việc xây dựng, điều chỉnh và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.
- Kiểm tra đột xuất - định kỳ về hoạt động sản xuất của các đơn vị trực thuộc Công ty.
- Ban Kiểm soát đã tiến hành xem xét các báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm do Ban điều hành cung cấp, xem báo cáo kiểm toán độc lập 2018 để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.
- Kiểm soát việc công bố thông tin, trình tự, thủ tục tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và các quy định của nhà nước.

To: Shareholders,

In performing the tasks assigned by the General Committee of Shareholders and at the same time properly exercising the powers and duties of the Supervisory Board as stipulated in the company's Charter and Enterprise Law, The Supervisory Board would like to present the report to the Annual General Meeting of Shareholders in 2018 of The Southern Rubber Industry Joint Stock Company held on April 25th, 2019 with the following contents:

- *In 2018, the Supervisory Board has create a comfortable invironment to provide all the Production and Business performance/activities of the Company.*
- *In 2017, the Supervisory Board has implemented and strictly monitored the situation of business operations, financial - accounting operations, ensuring the legitimacy of the operations of members of the Board of Directors, the Board of General Directors, other managers of the company.*
- *Regularly inspecting and supervising the management and implementation of the business objectives for 2018 of the Board of Directors (BOD) and Executive Board approved by the Resolution of the General Meeting of Shareholders on April 19, 2018.*
- *Fully participating in the meetings of BOD and meetings of leaders on business plans and making report on the implementation of plan in 2018.*
- *Examining the rationality, legality, truthfulness and consistency in the application of accounting policies, statistics and preparation of financial statements in accordance with the State's regulations.*
- *Controlling the development, adjustment and implementation of internal statutes and regulations of the Company.*
- *Unscheduled and periodic inspection of production activities of units under the Company.*
- *The Supervisory Board has reviews financial reports of the first 06 months provided by the Board of Management, and the external auditing report 2018 to report in the Annual General Meeting 2019.*
- *Controlling the disclosure of information, order and procedures for holding the annual general meeting of shareholders in accordance with the regulations of the Stock Exchange and other regulations of the State.*

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT 2018

INSPECTION AND SUPERVISION RESULTS OF THE SUPERVISORY BOARD IN 2018

KIỂM SOÁT TÍNH HỢP PHÁP, HỢP LÝ, TRUNG THỰC TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN, TRONG CÔNG TÁC THỐNG KÊ VÀ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

CONTROL OF THE LEGALITY, RATIONALITY AND TRUTHFULNESS IN THE MANAGEMENT AND ADMINISTRATION OF BUSINESS ACTIVITIES IN THE ORGANIZATION OF ACCOUNTING, STATISTICS AND PREPARATION OF FINANCIAL STATEMENTS.

• Ban kiểm soát đánh giá công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT và Ban TGD Công ty đã tuân thủ quy định pháp lý liên quan tới hoạt động kinh doanh cũng như phù hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Ban kiểm soát không phát hiện có hiện tượng vi phạm pháp luật của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc Công ty.

• Công tác kế toán đã tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan, đảm bảo nguyên tắc trung thực, thận trọng, hợp lý và báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành. Ban kiểm soát chưa phát hiện có hiện tượng vi phạm trong công tác tài chính kế toán trong kỳ.

• The Supervisory Board assessed the business operating management of the Board of Directors and the Board of General Directors of the Company in compliance with the legal regulations in relation to business operations as well as in accordance with the Resolutions of the Annual General Meeting of Shareholders in 2017. The Supervisory Board has not detected any violations law of the Board of Directors and the Board of General Directors.

• The accounting work has complied with the relevant regulations, ensuring the principles of honesty, prudence, and financial statements have been prepared on the basis of full compliance with the current regulations. The Supervisory Board has not detected any violations in the financial and accounting work in the period.

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH 2018

APPRAISAL OF FINANCIAL STATEMENTS AND FINANCIAL ACTIVITIES IN 2018

• Thực hiện đúng quy định về việc lập báo cáo tài chính và công bố thông tin hàng quý, năm theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và các quy định của nhà nước.

• Các BCTC đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2018. Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

• Ban kiểm soát thống nhất các số liệu trên BCTC năm 2018 của Ban điều hành đã được kiểm toán.

• Strictly complying with the regulations on preparation of financial statements and disclose information annually and quarterly according to the regulations of the Stock Exchange and the regulations of the State.

• The financial statements give true and fair view, in all material respects, on the financial position of the Company as of December 31, 2018, the income statement and cash flow statement for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Corporate Accounting Regimes and in compliance with legal regulations on preparation and presentation of financial statements.

• The Supervisory Board agreed on audited data on Financial Statements in 2017 of the Executive Committee.

KIỂM SOÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2018

CONTROL OF THE EXECUTION OF RESOLUTIONS OF THE GENERAL COMMITTEE OF SHAREHOLDERS IN 2018

Trong năm 2018, HĐQT và Ban điều hành đã triển khai thực hiện đầy đủ các kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua vào tháng 4/2018:

- Phân phối lợi nhuận 2017: Đã thực hiện đầy đủ việc trích lập các quỹ bao gồm: Quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, hoàn thành chi trả 4% cổ tức năm 2017.

In 2018, the Board of Directors and the Executive Committee have fully implemented the plans approved by the General Committee of Shareholders in April, 2018:

- Distribution of profit in 2017: Allocation of funds including Development Investment Fund, Bonus Fund, Welfare Fund, Bonus Fund of the Executive Committee has been completed, payment of 4% of dividend in 2017.

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

PRODUCTION AND BUSINESS PERFORMANCE

Chỉ tiêu Item	Kế hoạch 2018 Plan in 2018	Thực hiện 2018 Achieved in 2018	Kết quả thực hiện/ kế hoạch Result / plan
Doanh thu bán hàng Sales revenue	3.779 tỷ 3,779 billion	3.892 tỷ 3,892 billion	102%
Lợi nhuận thuần Net profit	105 tỷ 105 billion	16,5 tỷ 16,5 billion	15,7%

Doanh thu bán hàng 2018 Công ty thực hiện vượt kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018 (đạt 102%/KH)

Lợi nhuận thực hiện chỉ đạt 15,7%/KH.

- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: Thực hiện đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018.
- Chọn Công ty kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) theo sự uỷ quyền của ĐHĐCĐ 2018.

Sales revenue in 2018: The Company surpassed the plan under Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders in 2018 (102% in comparison with the plan)

The realized profit was only 15,7% in comparison with the plan 2018.

- Remuneration of Board of Directors and Supervisory Board: in compliance with the Resolution of Annual General Meeting of Shareholders in 2018.

- Selection of an Independent Auditing Company: Southern Auditing & Accounting Financial Consulting Services Company Limited (AASCS) under authorization at the General Meeting of Shareholders in 2018.

Ý KIẾN CỔ ĐÔNG

OPINIONS OF SHAREHOLDERS

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự Đại hội, Ban kiểm soát chưa nhận được ý kiến đóng góp, khiếu nại của cổ đông về các sai phạm của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc Công ty, Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

At the time of closing the list of shareholders to exercise the right to attend the General Meeting, the Supervisory Board has not received comments and complaints of shareholders about the mistakes of the BOD, Board of General Directors, the Supervisory Board in the course of performing the assigned tasks

NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

COMMENTS AND RECOMMENDATIONS

NHẬN XÉT

COMMENTS

Năm 2018 là một năm thực sự khó khăn đối với Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam : Hoạt động sản xuất kinh doanh của lớp toàn thép chưa hiệu quả, sức cạnh tranh yếu trên thị trường. Nguồn lao động trực tiếp biến động liên tục, dẫn đến việc sản xuất không được ổn định, đã làm cho kết quả cuối cùng của Công ty không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận của NQ ĐHCĐ 2018.

Trong năm 2018, Ban kiểm soát không tìm thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường hay sai phạm nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động đều tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

Hệ thống kế toán, các chính sách kế toán áp dụng và việc trình bày BCTC 2018 của Công ty là phù hợp với Chế độ kế toán ban hành của Bộ Tài Chính, các chính sách và phương pháp kế toán được Công ty áp dụng nhất quán.

2018 was a difficult year for the Southern Rubber Industry Joint Stock Company. Ineffective production and business of all steel radial tyres lead to low competitive power. The change in direct labor source leading to production being unstable. All the above factors in combination had resulted in the Company has not completed the plan under the Resolution at the General Meeting of Shareholder in 2018.

In 2018, the Supervisory Board did not find any abnormalities or violations in the business operation of the Company. All activities complied with Enterprise Law, Law on Securities, the Company's Charter and other provisions of law

The accounting system, applicable accounting policies and presentation of the Company's financial statements in 2018 are in conformity with the Ministry of Finance's accounting regulations, accounting policies and methods consistently adopted by the Company.

KIẾN NGHỊ

RECOMMENDATIONS

- Tiếp tục đưa ra các chính sách bán hàng tối ưu để giữ và mở rộng thị trường.
- Tiếp tục giám sát chặt chẽ công nợ phải thu khách hàng.
- Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ trong quản lý sản xuất - quản lý chất lượng - quản lý chi phí, nhằm hạ giá thành sản phẩm.
- Tăng cường thực hiện các giải pháp nhằm ổn định đội ngũ lao động trực tiếp để đảm bảo sản xuất về chất và lượng.
- Tiếp tục rà soát lại các quy chế cũ để hoàn chỉnh ban hành các quy chế mới phù hợp với tình hình thực tế hiện nay của Công ty
- Continue to propose optimized sales policies to expand and maintain markets
- Continue to closely monitor account receivables.
- Continue to closely control the production management – quality management – cost management to lower price of outputs.
- Strengthen the implementation of measures to stabilize the direct labor force so as to ensure the production in terms of quality and quantity.
- Continue to review old regulation to optimize and publish new regulation more fitting to current situation of the Company.



PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2019 CỦA BAN KIỂM SOÁT

THE OPERATION ORIENTATION OF THE SUPERVISORY BOARD IN 2019`

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, các Nghị quyết Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc;
- Giám sát hoạt động quản lý và điều hành công ty của Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc;
- Thực hiện việc thẩm định các Báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc Công ty trong công tác quản lý, điều hành Công ty, đảm bảo sự tuân thủ của Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc Công ty đối với các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
- Nhằm tạo điều kiện cho Hội đồng quản trị chủ động chọn lựa đơn vị kiểm toán độc lập với các tiêu chuẩn về tính chuyên nghiệp, chi phí hợp lý ... Ban Kiểm soát sau khi thống nhất với Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên của các Công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán các Công ty niêm yết trên sàn giao dịch do của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, Ban Kiểm soát xin được trình Đại hội cổ đông 4 Công ty Kiểm toán sau:

Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)

Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA)

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Trên đây là báo cáo năm 2018 của Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Trân trọng kính chào.

- Examining and supervising the execution of the Resolutions of the Annual General Meeting of Shareholders in 2018, Resolutions of the Board of Directors and the Board of General Directors;

- Supervising the management and operation of the company by the Board of Directors and the Board of General Directors;

- Carrying out the appraisal of financial statements, income statements of the Company;

- Coordinating with the Board of Directors and the Board of General Directors in the Company's management and administration, ensuring the compliance of the Company's Board of Directors and the Board of General Directors with regard to Resolutions and Decisions of the General Meeting of Shareholders;

- In order to help the Board of Directors actively select independent auditing company with professional standards and reasonable expenses ... the Supervisory Board shall, after reaching agreement with the Board of Management, propose the Shareholders' meeting to authorize the Board of Management to make selection based on the capacity, qualifications and auditors team of the independent auditing companies which meet the auditing standards of the listed companies and the approved by State Securities Commission. The Supervisory Board want to submit to the Shareholders' meeting 4 auditing companies as follows:

Southern Auditing and Accounting Financial Consultant Services Company Limited (AASCS)

Auditing and Accounting Financial Consultant Services Company Limited (AASC)

Vietnam Auditing and Accounting Consultant Services Company Limited (AVA)

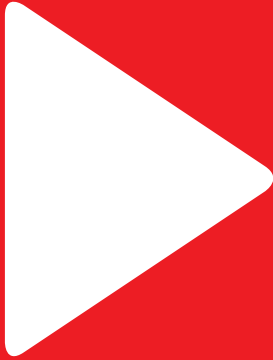
Auditing and Consultant Company Limited (A&C)

Above is the report in 2018 of the Supervisory Board to submit to the Annual General Meeting of Shareholders in 2019.

Yours faithfully,

**TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
TRƯỞNG BAN**

ĐÀO THỊ CHUNG TIẾN



BÁO CÁO VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

ENVIRONMENTAL AND SOCIAL REPORT

7.0

7.1 Quản lý nguồn
nguyên vật liệu

*Material source
management
Policy*

7.2 Tình hình tiêu thụ
Năng lượng

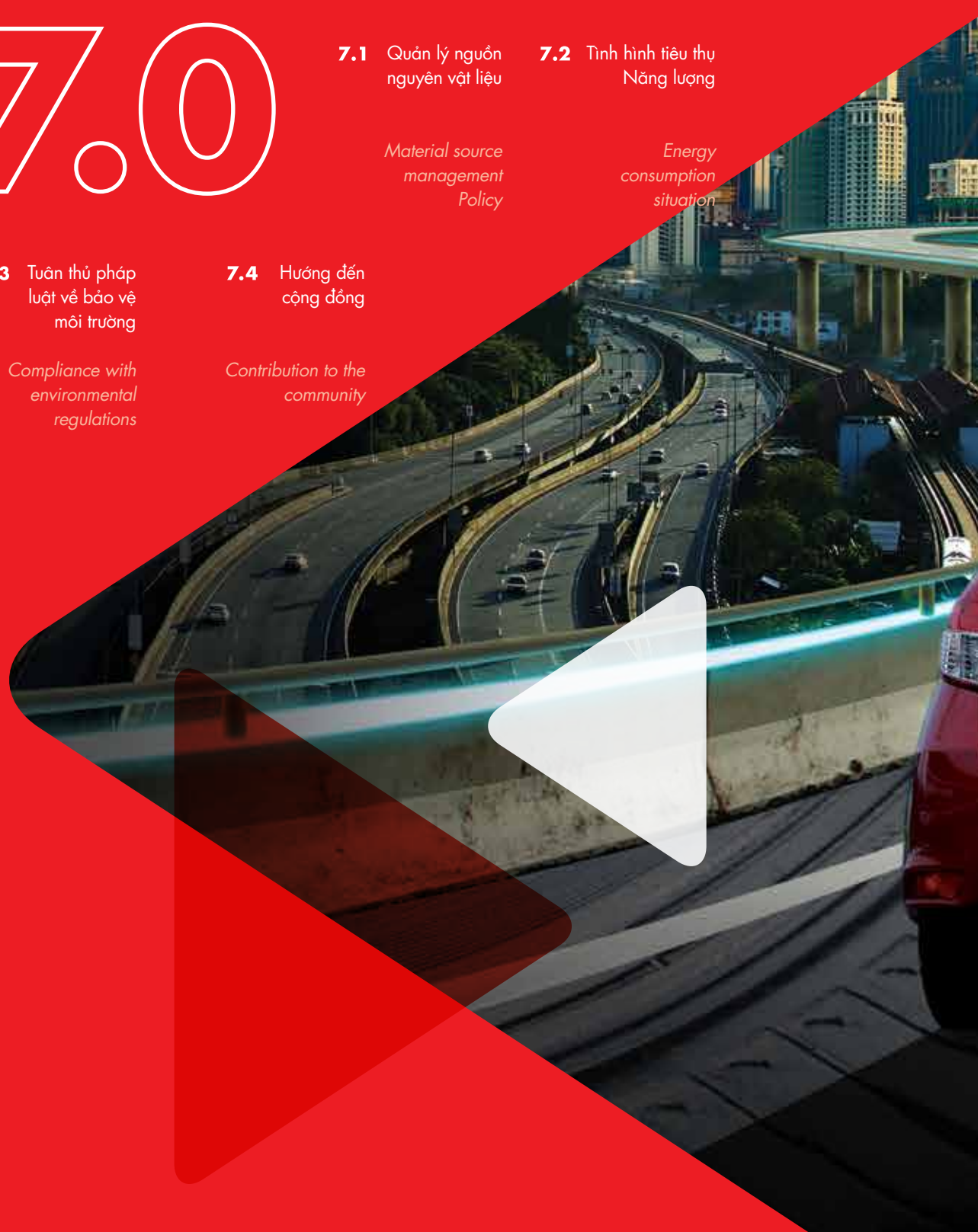
*Energy
consumption
situation*

7.3 Tuân thủ pháp
lệnh về bảo vệ
môi trường

*Compliance with
environmental
regulations*

7.4 Hướng đến
cộng đồng

*Contribution to the
community*





ADVENZA

ADVENZA



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

MATERIAL SOURCE MANAGEMENT POLICY

- Với đặc thù là doanh nghiệp sản xuất săm lốp xe, Casumina sử dụng nguồn nguyên liệu chủ yếu là cao su các loại, than đen, vải màn và một số hóa chất khác. Điều này đòi hỏi Casumina phải thiết kế và có chính sách nghiêm ngặt về bảo quản, tồn trữ nguyên liệu thông qua hệ thống kho tàng và quy trình kiểm soát chặt chẽ (ISO 9001 – 2008 và ISO 14001- 2004).

- Casumina đã thiết lập hệ thống an toàn – phòng chống cháy nổ với đội ngũ được huấn luyện thường xuyên. Công ty duy trì mạng lưới an toàn vệ sinh, kịp thời phát hiện và có biện pháp ứng phó đối với những thiết bị không đảm bảo an toàn trước khi vận hành.

- *With specific nature of a tyre and tube manufacturer, Casumina mainly uses raw materials including rubber of all kinds, black coal, fabric blinds and some other chemicals. This requires Casumina to design and strictly implement policies on storage and inventory of raw materials under a strict inventory control procedure (ISO 9001 - 2008 and ISO 14001 - 2004).*

- *Casumina has established a fire prevention and safety system with regularly trained staff. The company maintains a safety and hygiene network for timely detection and responsive measures for unsafe devices before operating.*

TÌNH HÌNH TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

ENERGY CONSUMPTION SITUATION

- Casumina sử dụng hai nguồn năng lượng chủ yếu là điện và hơi bão hòa (cung cấp từ lò hơi sử dụng nhiên liệu là mùn cưa).

- Sản lượng điện sử dụng toàn công ty gần 50.000 kwh, giảm 5% so với năm 2017 (trong khi sản lượng sản xuất tăng). Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp tiết kiệm điện như: sử dụng các thiết bị điện tiên tiến, phân vùng nguồn điện cho từng khu vực sản xuất nhỏ, giảm thiểu thời gian ngừng máy hoặc chạy không tải...

- Việc chuyển đổi từ sử dụng dầu đốt FO sang sử dụng nguyên liệu đốt mùn cưa đối với hệ thống động lực cung cấp hơi bão hòa đã giúp công ty giảm chi phí sản xuất và giảm thiểu tác động đến môi trường.

- Casumina uses two main sources of energy: electric and saturated steam (supplied from boilers using sawdust).

- Total power consumption of the company is nearly 50,000 kwh, declining by 5% in comparison with 2017 (while production output increased). The company has implemented a number of power saving solutions such as using advanced electrical equipment, zoning power distribution area into small production areas, minimizing downtime or no-load operation, etc.

- The transition from using FO oil to sawdust to dynamic systems with saturated steam has helped the Company reduce production costs and minimize environmental impacts.



TUÂN THỦ QUY ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG

COMPLIANCE WITH ENVIRONMENTAL REGULATIONS

• Casumina luôn tuân theo các quy định của pháp luật nhà nước Việt Nam về môi trường.

• Thông qua các đợt kiểm tra định kỳ của cơ quan chức năng quản lý về môi trường đối với các chỉ tiêu về nước thải, khí thải tại các Xí nghiệp thành viên đều đạt ở mức cho phép.

• Đối với chất thải sinh hoạt, công nghiệp và nguy hại được phân loại tại nơi phát sinh, ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng, thu gom vận chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật.

• Các nguyên liệu đặc thù ngành cao su có thể tận dụng: Vải mảnh cán tráng, Cao su phế liệu được Công ty gom, tập trung tại Xí nghiệp cao su Bình Dương, xay nghiền nhỏ làm nguyên liệu để sản xuất các sản phẩm như: lốp xe công nghiệp, lốp xe nâng, khe co giãn, đệm cầu cảng...

• Ngoài ra, Casumina là một thành viên tích cực trong hội đồng trách nhiệm Xã hội các Doanh nghiệp Hóa chất Việt Nam (VRCC).

• Casumina complies at all times with the laws of the state of Vietnam on environment.

• Through regular inspections by the competent authorities on environmental management, the effluent and gas emission indicators of the member Factories are at an acceptable level.

• For domestic, industrial and hazardous wastes classified at the sources, the Company signs contracts with functional units for collection, transport and disposal under provisions of law.

• Specific raw materials can be utilized in the rubber industry: Rolled and coated blind fabrics, rubber waste collected by the Company, gathered in Binh Duong Rubber Factory to be ground and milled for making raw materials to produce such products as industrial tyres, forklift tyres, expansion joints, pier buffer, etc.

• In addition, Casumina is an active member of the Vietnam Responsible Care Council (VRCC) of Chemicals Enterprises.



HƯỚNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG

CONTRIBUTION TO THE COMMUNITY

• Hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động xã hội là hai hoạt động không thể tách rời trong quá trình phát triển bền vững của một doanh nghiệp. Thông qua tuân thủ các chuẩn mực về luật pháp, bảo vệ môi trường, đảm bảo quyền lợi của người lao động và phát triển cộng đồng. Đây là một nội dung quan trọng đang được triển khai thực hiện tốt tại Casumina.

• Với sứ mệnh cống hiến cho xã hội sự an toàn, hạnh phúc hiệu quả và thân thiện. Casumina đang ngày một hoàn thiện hơn trước mục tiêu phát triển bền vững của công ty và cộng đồng.

• Hoạt động công tác xã hội hướng đến cộng đồng trong năm 2018 của casumina bao gồm: Tham gia phong trào đi xe đạp vì môi trường, chăm lo cho các gia đình chính sách, hỗ trợ các trung tâm nuôi dưỡng người già và trẻ em khuyết tật, tham gia cuộc vận động của hội chữ thập đỏ, hỗ trợ các gia đình trong đợt lũ lụt vừa qua....

• Business activities and social activities are two indispensable types of activities in the sustainable development of an enterprise. By complying with legal norms, protecting the environment, ensuring the interests of the employees and developing the community, this is an important content which has been well implemented in Casumina.

• With a mission to bring the safety, happiness, efficiency and friendliness to the society, Casumina has been completing the sustainable development goals of the company and the community.

• Community-oriented social activities of Casumina in 2018 include: Participating in cycling for the environment program, caring for families under preferential treatment policy, supporting centers for the elderly and disabled children, participating in the campaigns of the Red Cross, supporting families in the flood, etc.





8.0

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2018

FINANCIAL STATEMENTS 2017

8.1 Báo cáo của
Ban Tổng
Giám Đốc

*Report of
the Board of
Management*

8.2 Báo cáo của
kiểm toán

*Independent
Auditor's
Report*

8.3 Báo cáo
tài chính đã
được kiểm toán

*Audited Financial
Statement*



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

FINANCIAL STATEMENTS

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

REPORT OF BOARD OF MANAGEMENT

Ban Tổng Giám đốc **Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam** (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2018, kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP:

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam được chuyển từ Công ty Công nghiệp Cao su Miền Nam theo quyết định số 3240/QĐ-BCN ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Bộ Công Nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0300419930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 3 năm 2006, và thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 25 tháng 08 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1.036.264.670.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2018 là 1.036.264.670.000 VND, tương đương 103.626.467 cổ phần (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần). Trong đó:

- Cổ phần Nhà nước là: 52.855.849 cổ phần, chiếm 51% vốn Điều lệ.
- Cổ phần bán cho các đối tượng khác là: 50.770.618 cổ phần, chiếm 49% vốn Điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại 180 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, TP HCM.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng.
- Mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng. Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị ngành công nghiệp cao su.
- Kinh doanh bất động sản.

Mô hình hoạt động của doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị trực thuộc

- Xí nghiệp Cao su Đồng Nai
- Xí nghiệp Cao su Hóc Môn
- Xí nghiệp Cao su Bình Lợi
- Xí nghiệp Cao su Bình Dương
- Xí nghiệp Lốp Radial

Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Họ và Tên Name	Vị trí Position	Bổ nhiệm Appointed	Từ nhiệm Resigned
Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm: Member of the Board of Directors are as follows:			
• Ông Nguyễn Xuân Bắc	Chủ tịch / Chairman		
• Ông Phạm Hồng Phú	Thành viên / Member		
• Ông Nguyễn Minh Thiện	Thành viên / Member		
• Ông Nguyễn Ngọc Phương	Thành viên / Member		
• Ông Lê Tùng Quán	Thành viên / Member	19/04/2018	
• Ông Phạm Văn Thọ	Thành viên / Member		19/04/2018
Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm: Members of the Board of Management are as follows:			
• Ông Phạm Hồng Phú	Tổng Giám đốc điều hành / General Director		
• Ông Nguyễn Song Thao	Phó Tổng Giám đốc / Deputy General Director		
• Ông Nguyễn Đình Đông	Phó Tổng Giám đốc / Deputy General Director		
• Ông Nguyễn Minh Thiện	Phó Tổng Giám đốc / Deputy General Director kiêm Kế toán trưởng / cum. Chief Accountant		11/03/2018
• Ông Vũ Quốc Anh	Kế toán trưởng / Chief Accountant	11/03/2018	
Các thành viên Ban Kiểm soát Members of the Board of Supervisors are as follows:			
• Bà Đào Thị Chung Tiến	Trưởng Ban Kiểm soát / Head of the Supervisory Board		
• Bà Lê Thị Thu Thủy	Thành viên BKS / Member		
• Bà Vũ Thị Bích Ngọc	Thành viên BKS / Member		

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này;

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2018 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

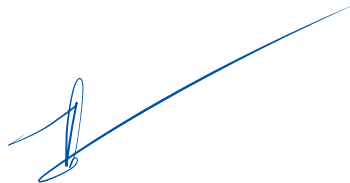
Hội đồng Quản trị **Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam** phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2019

Ho Chi Minh City, 20 January 2019

Thay mặt HĐQT

On behalf of the BOD



Chủ tịch
Chairman

Nguyễn Xuân Bắc

Thay mặt Ban TGD

On behalf of the BOM



Tổng Giám Đốc
General Director

Phạm Hồng Phú

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

Kính gửi:

Cổ đông Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công Ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam, được lập ngày 20 tháng 01 năm 2019 từ trang 04 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc



LÊ VĂN TUẤN

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0479-2018-142-1

Kiểm toán viên



DƯƠNG NGUYỄN THÚY MAI

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0848-2018-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
BALANCE SHEET

Chi tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Số cuối năm 31/12/2018	Số đầu năm 1/1/2018
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A TÀI SẢN NGẮN HẠN <i>SHORT TERM ASSETS</i>	100		2,061,342,856,432	2,230,070,572,908
I Tiền và các khoản tương đương tiền <i>Cash and cash equivalents</i>	110	1	77,424,370,998	33,449,256,058
1 Tiền <i>Cash</i>	111		77,424,370,998	33,449,256,058
2 Các khoản tương đương tiền <i>Cash equivalents</i>	112		-	-
II Đầu tư tài chính ngắn hạn <i>Short-term financial investments</i>	120		-	-
1 Chứng khoán kinh doanh <i>Trading securities</i>	121		-	-
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) <i>Allowance for decline in value of trading securities (*)</i>	122		-	-
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn <i>Held-to-maturity investments</i>	123		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn <i>Accounts receivable - short-term</i>	130		769,591,302,631	804,743,724,265
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng <i>Accounts receivable from customers</i>	131	2	598,402,682,818	670,928,095,912
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn <i>Prepayments to suppliers</i>	132	3	161,334,862,486	101,636,697,438
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn <i>Intra-company receivables</i>	133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng <i>Receivables on construction contracts</i>	134		-	-
5 Phải thu về cho vay ngắn hạn <i>Short-term loans receivable</i>	135		-	-
6 Phải thu ngắn hạn khác <i>Other receivables</i>	136	4	18,142,211,238	40,467,384,826
7 Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*) <i>Allowance for doubtful debts (*)</i>	137	5	(8,288,453,911)	(8,288,453,911)
8 Tài sản thiếu chờ xử lý <i>Shortage of assets awaiting resolution</i>	139		-	-
IV Hàng tồn kho <i>Inventories</i>	140		1,122,620,450,113	1,328,300,900,470
1 Hàng tồn kho <i>Inventories</i>	141	6	1,122,620,450,113	1,328,300,900,470
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) <i>Allowance for inventories (*)</i>	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác <i>Other short-term assets</i>	150		91,706,732,690	63,576,692,115
1 Chi phí trả trước ngắn hạn <i>Short-term prepaid expenses</i>	151	7	3,645,195,799	3,684,499,842
2 Thuế GTGT được khấu trừ <i>Deductible value added tax</i>	152	8	87,732,875,287	59,892,192,273
3 Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước <i>Taxes and other receivables from State</i>	153	9	328,661,604	-
4 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ <i>Government bonds under purchase and resale agreements</i>	154		-	-
5 Tài sản ngắn hạn khác <i>Other short-term assets</i>	155		-	-

Chỉ tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Số cuối năm 31/12/2018	Số đầu năm 1/1/2018
B TÀI SẢN DÀI HẠN LONG-TERM ASSETS	200		1,807,981,368,575	1,790,349,177,169
I Các khoản phải thu dài hạn Accounts receivable – long-term	210		11,834,138,230	6,709,991,230
1 Phải thu dài hạn của khách hàng Accounts receivable from customers	211		-	-
2 Trả trước cho người bán dài hạn Prepayments to suppliers	212		-	-
3 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc Working capital provided to sub-units	213		-	-
4 Phải thu nội bộ dài hạn Intra-company receivables	214		-	-
5 Phải thu về cho vay dài hạn Long-term loans receivable	215		-	-
6 Phải thu dài hạn khác Other long-term receivables	216	10	11,834,138,230	6,709,991,230
7 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) Allowance for doubtful long-term debts (*)	219		-	-
II Tài sản cố định Fixed assets	220		1,716,390,109,318	1,617,552,978,572
1 Tài sản cố định hữu hình Tangible fixed assets	221	11	1,459,870,352,573	1,440,583,461,102
• Nguyên giá • Cost	222		2,826,456,438,372	2,653,803,098,523
• Giá trị hao mòn lũy kế (*) • Accumulated depreciation (*)	223		(1,366,586,085,799)	(1,213,219,637,421)
2 Tài sản cố định thuê tài chính Finance lease fixed assets	224	12	160,775,822,129	81,233,699,512
• Nguyên giá • Cost	225		176,025,955,158	89,879,990,807
• Giá trị hao mòn lũy kế (*) • Accumulated depreciation (*)	226		(15,250,133,029)	(8,646,291,295)
3 Tài sản cố định vô hình Intangible fixed assets	227	13	95,743,934,616	95,735,817,958
• Nguyên giá • Cost	228		114,901,039,716	112,554,689,716
• Giá trị hao mòn lũy kế (*) • Accumulated depreciation (*)	229		(19,157,105,100)	(16,818,871,758)
III Bất động sản đầu tư Investment properties	230		-	-
• Nguyên giá • Cost	231		-	-
• Giá trị hao mòn lũy kế (*) • Accumulated depreciation (*)	232		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn Long-term work in progress	240		21,616,681,843	120,974,521,051
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn Long-term work in progress	241		-	-
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang Long-term construction in progress	242	14	21,616,681,843	120,974,521,051
V Đầu tư tài chính dài hạn Long-term financial investments	250	15	6,901,758,791	6,901,758,791
1 Đầu tư vào công ty con Investments in subsidiaries	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết Investments in associates, joint-ventures	252		9,650,345,815	9,650,345,815
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác Equity investments in other entities	253		-	-

Chỉ tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Số cuối năm 31/12/2018	Số đầu năm 1/1/2018
4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) Allowance for decline in value of long-term financial investments (*)	254		(2,748,587,024)	(2,748,587,024)
5 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn Held-to-maturity investments	255		-	-
VI Tài sản dài hạn khác Other long-term assets	260		51,238,680,393	38,209,927,525
1 Chi phí trả trước dài hạn Long-term prepaid expenses	261	16	51,238,680,393	38,167,668,597
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại Deferred tax assets	262		-	42,258,928
3 Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn Long-term tools, supplies and spare parts	263		-	-
4 Tài sản dài hạn khác Other long-term assets	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)	270		3,869,324,225,007	4,020,419,750,077

C NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) LIABILITIES (300 = 310 + 330)	300		2,672,563,136,932	2,791,366,067,298
I Nợ ngắn hạn Short-term liabilities	310		2,120,591,912,907	2,149,179,812,500
1 Phải trả người bán ngắn hạn Short-term accounts payable to suppliers	311	17	327,729,735,807	322,630,727,144
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn Short-term advances from customers	312	18	15,509,566,771	7,530,706,628
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Taxes payable to State Treasury	313	19	2,813,187,763	13,484,826,293
4 Phải trả người lao động Payable to employees	314	20	39,851,988,936	49,780,337,606
5 Chi phí phải trả ngắn hạn Short-term accrued expenses	315	21	22,464,518,437	68,497,803,152
6 Phải trả nội bộ ngắn hạn Short-term intra-company payables	316		-	-
7 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng Payables on construction contracts according to stages of completion	317		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn Short-term unearned revenue	318		-	-
9 Phải trả ngắn hạn khác Other short-term payables	319	22	45,964,804,411	46,999,212,659
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn Short-term borrowings and finance lease liabilities	320	23	1,659,955,784,075	1,621,157,275,710
11 Dự phòng phải trả ngắn hạn Short-term provisions	321		-	-
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi Bonus and welfare funds	322	24	6,302,326,707	19,098,923,308
13 Quỹ bình ổn giá Price stabilization fund	323		-	-
14 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ Government bonds under sale and repurchase agreements	324		-	-

Chi tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Số cuối năm 31/12/2018	Số đầu năm 1/1/2018
II Nợ dài hạn <i>Long-term liabilities</i>	330		551,971,224,025	642,186,254,798
1 Phải trả người bán dài hạn <i>Long-term accounts payable to suppliers</i>	331		-	-
2 Người mua trả tiền trước dài hạn <i>Long-term advances from customers</i>	322		-	-
3 Chi phí phải trả dài hạn <i>Long-term accrued expenses</i>	333		-	-
4 Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh <i>Intra-company payables for operating capital received</i>	334		-	-
5 Phải trả nội bộ dài hạn <i>Long-term intra-company payables</i>	335		-	-
6 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn <i>Long-term unearned revenue</i>	336		-	-
7 Phải trả dài hạn khác <i>Other long-term payables</i>	337	25	10,800,000,000	12,200,000,000
8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn <i>Long-term borrowings and finance lease liabilities</i>	338	26	540,415,105,677	629,986,254,798
9 Trái phiếu chuyển đổi <i>Convertible bonds</i>	339		-	-
10 Cổ phiếu ưu đãi <i>Preference shares</i>	340		-	-
11 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả <i>Deferred tax liabilities</i>	341	27	756,118,348	-
12 Dự phòng phải trả dài hạn <i>Long-term provisions</i>	342		-	-
13 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ <i>Science and technology development fund</i>	343		-	-
D VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430) <i>EQUITY (400 = 410 + 430)</i>	400		1,196,761,088,075	1,229,053,682,779
I Vốn chủ sở hữu <i>Owners' Equity</i>	410	28	1,196,761,088,075	1,229,053,682,779
1 Vốn góp của chủ sở hữu <i>Share capital</i>	411		1,036,264,670,000	1,036,264,670,000
• Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết • <i>Ordinary shares with voting rights</i>	411a		1,036,264,670,000	1,036,264,670,000
• Cổ phiếu ưu đãi • <i>Preference shares</i>	411b		-	-
2 Thặng dư vốn cổ phần <i>Capital surplus</i>	412		-	-
3 Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu <i>Options to convert bonds into shares</i>	413		-	-
4 Vốn khác của chủ sở hữu <i>Other capital</i>	414		-	-
5 Cổ phiếu quỹ (*) <i>Treasury shares (*)</i>	415		(12,050,000)	(12,050,000)
6 Chênh lệch đánh giá lại tài sản <i>Differences upon asset revaluation</i>	416		-	-
7 Chênh lệch tỷ giá hối đoái <i>Foreign exchange differences</i>	417		-	-
8 Quỹ đầu tư phát triển <i>Investment and development fund</i>	418		135,862,208,636	130,362,104,724

Chỉ tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Số cuối năm 31/12/2018	Số đầu năm 1/1/2018
9 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Enterprise reorganization assistance fund	419		-	
10 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu Other equity funds	420		-	
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Retained profits	421		24,646,259,439	62,438,958,055
• LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước • Retained profits brought forward	421a		11,485,676,605	7,437,918,936
• LNST chưa phân phối kỳ này • Retained profit for the current year	421b		13,160,582,834	55,001,039,119
12 Nguồn vốn đầu tư XDCB Capital expenditure fund	422		-	
II Nguồn kinh phí và quỹ khác Non-business expenditure fund and other funds	430		-	-
1 Nguồn kinh phí Non-business expenditure fund	431		-	-
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ Non-business expenditure fund invested in fixed assets	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) TOTAL RESOURCES (440 = 300 + 400)	440		3,869,324,225,007	4,020,419,750,077

TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2019
Ho Chi Minh City, 20 January 2019

Người lập biểu
Issued by



Nguyễn Thế Vinh

Kế toán trưởng
Chief Accountant



Vũ Quốc Anh



Tổng Giám Đốc
General Director



Phạm Hồng Phú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH STATEMENT OF INCOME

Chi tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Năm 2018 Year 2018	Năm 2017 Year 2017
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Revenue from sales of goods and provision of services	01	1	3,999,315,929,973	3,645,050,345,829
2 Các khoản giảm trừ doanh thu Revenue deductions	02	2	107,331,941,067	127,632,612,713
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02) Net revenue from sales of goods and provisions of services (10 = 01 - 02)	10		3,891,983,988,906	3,517,417,733,116
4 Giá vốn hàng bán Cost of sales	11	3	3,468,834,257,697	3,084,327,407,357
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10-11) Gross profit from sale of goods and provision of services (20 = 10 - 11)	20		423,149,731,209	433,090,325,759
6 Doanh thu hoạt động tài chính Financial income	21	4	8,530,093,675	16,653,744,629
7 Chi phí tài chính Financial expenses	22	5	161,659,441,876	108,510,238,614
• Trong đó: chi phí lãi vay • In which: Interest expense	23		124,602,120,323	93,837,510,967
8 Chi phí bán hàng Selling expenses	25	6	127,176,029,129	149,074,662,387
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp General and administration expenses	26	7	131,127,449,802	134,690,093,150
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30= 20+(21-22)-(25+26)) Net operating profit (30 = 20 + (21-22) - (24+25))	30		11,716,904,077	57,469,076,237
11 Thu nhập khác Other income	31	8	5,213,616,211	12,342,470,466
12 Chi phí khác Other expenses	32	9	420,433,396	1,060,247,804
13 Lợi nhuận khác (40= 31-32) Results of other activities (40 = 31 - 32)	40		4,793,182,815	11,282,222,662
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30+40) Accounting profit before tax (50= 30+40)	50		16,510,086,892	68,751,298,899
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành Income tax expense - current	51	10	2,551,126,782	14,274,931,420
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại Income tax (benefit)/expense - deferred	52	11	798,377,276	(524,671,640)
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60= 50-51-52) Net profit after tax (60= 50-51-52)	60		13,160,582,834	55,001,039,119
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu Basic earnings per share	70	12	91	533
19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu Diluted earnings per share	71		-	-

TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2019
Ho Chi Minh City, 20 January 2019

Người lập biểu
Issued by



Nguyễn Thế Vinh

Kế toán trưởng
Chief Accountant



Vũ Quốc Anh



Tổng Giám Đốc
General Director



Phạm Hồng Phú

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

STATEMENT OF CASHFLOWS (INDIRECT METHOD)

Chi tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Năm 2018 Year 2018	Năm 2017 Year 2017
1	2	3	4	5
I				
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES				
1 Lợi nhuận trước thuế Profit before tax	1		16,510,086,892	68,751,298,899
2 Điều chỉnh cho các khoản Adjustments for			-	-
• Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT • Depreciation and amortisation	2		185,106,433,581	172,273,655,710
• Các khoản dự phòng • Allowances and provisions	3		-	1,119,482,639
• Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ • Exchange losses/(gains) arising from revaluation of monetary items denominated in foreign currencies	4		4,720,810,038	(807,858,484)
• Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư • Losses/(gains) from other investing activities	5		(11,600,185,824)	(26,065,002,352)
• Chi phí lãi vay • Interest expense	6		137,558,105,909	107,515,989,909
• Các khoản điều chỉnh khác • Other adjustments	7		-	-
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động Operating profit before changes in working capital	8		332,295,250,596	322,787,566,321
• Tăng, giảm các khoản phải thu • Change in receivables	9		(3,910,131,529)	(219,282,631,457)
• Tăng, giảm hàng tồn kho • Change in inventories	10		205,680,450,357	(345,928,794,051)
• Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) • Change in payables and other liabilities	11		(49,895,543,870)	137,667,246,706
• Tăng, giảm chi phí trả trước • Change in prepaid expenses	12		(13,031,707,753)	(18,867,697,832)
• Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh • Change in trading securities	13		-	-
• Tiền lãi vay đã trả • Interest paid	14		(133,236,574,927)	(101,648,724,418)
• Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp • Income tax paid	15		(3,740,000,881)	(33,638,544,757)
• Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh • Other receipts for operating activities	16		4,865,850,757	11,606,440,161
• Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh • Other payments for operating activities	17		(16,799,669,339)	(37,346,639,530)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh Net cash flows from operating activities	20		322,227,923,411	(284,651,778,857)
II				
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			-	-
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác Payments for additions to fixed assets	21		(184,585,725,119)	(230,021,863,647)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác Collections on disposals of fixed assets	22		347,765,454	736,030,305
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác Payments for purchase of debt instruments of other entities	23		-	-

Chi tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Năm 2018 Year 2018	Năm 2017 Year 2017	
1	2		4	5	
4		Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác <i>Proceeds from sales of debt instruments of other entities</i>	24	-	-
5		Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác <i>Payments for investments in other entities</i>	25	-	-
6		Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác <i>Collections on investments in other</i>	26	-	-
7		Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia <i>Receipts of interest and dividends</i>	27	6,386,569,613	13,722,531,886
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư <i>Net cash flows from investing activities</i>		30	(177,851,390,052)	(215,563,301,456)	
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH <i>CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES</i>					
1		Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu <i>Proceeds from capital contribution</i>	31	-	-
2		Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành <i>Payments for shares repurchases</i>	32	-	-
3		Tiền thu từ đi vay <i>Proceeds from borrowings</i>	33	3,859,863,625,032	3,438,875,473,404
4		Tiền trả nợ gốc vay <i>Payments to settle loan principals</i>	34	(3,889,537,987,356)	(2,784,926,328,274)
5		Tiền trả nợ gốc thuê tài chính <i>Payments to settle financial lease</i>	35	(28,977,057,403)	(16,718,401,723)
6		Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu <i>Payments of dividends</i>	36	(41,345,758,940)	(134,512,260,160)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính <i>Net cash flows from financing activities</i>		40	(99,997,178,667)	502,718,483,247	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40) <i>Net cash flows during the year (50 = 20 + 30 + 40)</i>		50	44,379,354,692	2,503,402,934	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ <i>Cash and cash equivalents at the beginning of the year</i>		60	33,449,256,058	30,960,218,219	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ <i>Effect of exchange rate fluctuations on cash and cash equivalents</i>		61	(404,239,752)	(14,365,095)	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70= 50 + 60 + 61) <i>Cash and cash equivalents at the end of the year (70= 50 + 60 + 61)</i>		70	77,424,370,998	33,449,256,058	

TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2019
Ho Chi Minh City, 20 January 2019

Người lập biểu
Issued by



Nguyễn Thế Vinh

Kế toán trưởng
Chief Accountant



Vũ Quốc Anh



Tổng Giám Đốc
General Director

Phạm Hồng Phú

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam được chuyển từ Công ty Công nghiệp Cao su Miền Nam theo quyết định số 3240/QĐ-BCN ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Bộ Công nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0300419930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 3 năm 2006, và thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 25 tháng 08 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1.036.264.670.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2018 là 1.036.264.670.000 VND, tương đương 103.626.467 cổ phần (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần). Trong đó:

- Cổ phần Nhà nước là: 52.855.849 cổ phần, chiếm 51% vốn Điều lệ.
- Cổ phần bán cho các đối tượng khác là: 50.770.618 cổ phần, chiếm 49% vốn Điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại 180 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, TP HCM.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ

Nghành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng.
- Mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng. Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị ngành công nghiệp cao su.
- Kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính: không ảnh hưởng.

Tổng số lao động: 2.284 người

Trong đó:

- Lao động gián tiếp: 1.022 người,
- Lao động trực tiếp: 1.262 người.

CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành

theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính; Thông tư 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung điều 128 Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chung.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Nguyên tắc xác định các khoản tiền:

Các khoản được xác định là tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn (dưới 03 tháng), tiền đang chuyển... Hiện có của doanh nghiệp tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo tài chính.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở nhiều tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như : Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

- Các khoản đầu tư được coi như "tương đương tiền" là khoản đầu tư không có nhiều rủi ro, dễ chuyển hóa thành tiền và có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

- Khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

- Khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Chứng khoán kinh doanh: Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi... với mục đích kinh doanh (chờ tăng giá bán kiếm lời).

Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh, liên kết không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh, liên kết. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh, liên kết phát sinh sau khi góp vốn liên doanh, liên kết.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Dự phòng đầu tư tài chính: Là dự phòng phân bổ tổn thất do giảm giá chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ có thể xảy ra, hoặc dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác do doanh nghiệp đầu tư vào doanh nghiệp khác bị lỗ;

Dự phòng đầu tư chứng khoán: Là các loại chứng khoán do doanh nghiệp nắm giữ một cách hợp pháp, được tự do chuyển đổi trên thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính, có sự giảm giá; Mức trích lập là giá trị ghi sổ với giá trị thuần có thể thực hiện được; Doanh nghiệp trích lập dự phòng cho từng loại chứng khoán, thông thường là thời điểm

cuối năm tài chính, trường hợp lập báo cáo tài chính giữa niên độ có sự biến động lớn về dự phòng thì có thể trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng về đầu tư chứng khoán tại ngày lập BCTC giữa niên độ.

Dự phòng đầu tư dài hạn: Là khoản dự phòng do tổn thất đầu tư vào đơn vị khác do đơn vị được đầu tư bị lỗ và nhà đầu tư có khả năng bị mất vốn từ khoản đầu tư này; Mức trích lập là giá trị khoản lỗ trên kết quả kinh của đơn vị nhận đầu tư tương đương với tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư tại thời điểm lập BCTC.

Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Cuối kỳ kế toán các khoản phải thu có gốc ngoại tệ: được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho không bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang vượt quá một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường mà nó sẽ được trình bày ở khoản mục " Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn".

Phương tính giá trị hàng tồn kho:

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng; Không lập dự phòng cho khoản mục chi phí SXKD dở dang và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính, ngày 25/04/2013 và được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: từ 5 đến 50 năm
- Máy móc, thiết bị: từ 3 đến 20 năm
- Phương tiện vận tải: từ 6 đến 10 năm
- Thiết bị văn phòng: từ 3 đến 10 năm
- Tài sản vô hình và các tài sản khác tùy thời gian được sử dụng.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước có giá trị lớn cần được phân bổ dần trong nhiều quý nhưng không quá 01 năm tài chính hoặc không quá một chu kỳ sản xuất thông thường được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn, còn các khoản chi phí trả trước trên 12 tháng hoặc trên một chu kỳ sản xuất thông thường được trình bày là chi phí trả trước dài hạn. Việc phân bổ phải chọn phương thức hợp lý và nhất quán.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích

trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có

thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

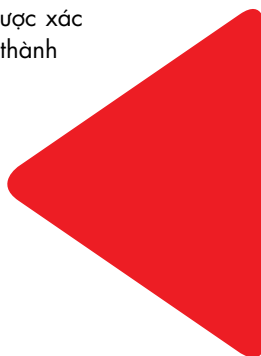
- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.





Thanks for shopping... gặp lại... See you again...
CHƯƠNG TRÌNH I
"CÔNG ĐOÀN CASUMINA ĐỒNG HÀNH CÙNG ĐOÀN VIÊN VÀNG LẠO ĐỒNG MUA SẴM TẾT"
Ngày 15 tháng 01 năm 2018
Chúc Mừng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Nguyên tệ	Số cuối năm	Nguyên tệ	Số đầu năm
1. Tiền				
Tiền mặt (TK 111)		1,334,046,288		2,531,222,418
• Văn phòng TP.HCM		1,186,640,148		1,507,968,570
• Xí nghiệp Đồng Nai		8,155,133		70,400,867
• Xí nghiệp Hóc Môn		1,983,259		91,662,726
• Xí nghiệp Bình Lợi		3,493,696		191,396,013
• Xí nghiệp Bình Dương		112,168,238		362,085,597
• Xí nghiệp Lốp Radial		21,605,814		307,708,645
Tiền gửi ngân hàng (TK 112)		76,090,324,710		30,918,033,640
• <u>Tiền gửi VND</u>		<u>25,622,457,737</u>		<u>20,925,967,261</u>
• Văn phòng TP.HCM		23,518,060,906		18,120,943,585
Trong đó:				
• Ngân hàng Công Thương - Sở Giao dịch II		4,682,373,230		1,182,615,059
• Ngân hàng Ngoại Thương - VND		9,998,569,146		14,509,889,505
• Ngân hàng BIDV - CN Bến Nghé		1,918,684,163		407,275,708
Xí nghiệp Đồng Nai		263,756,869		665,655,417
• Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Khu Công Nghiệp Biên Hòa		158,365,174		626,406,119
• Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Biên Hòa, Đồng Nai		8,112,078		25,813,357
• Ngân hàng Đông Á - CN Đồng Nai		97,279,617		13,435,941
Xí nghiệp Hóc Môn		1,408,638,102		541,835,958
• Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN TP.HCM		1,408,638,102		541,835,958
Xí nghiệp Bình Lợi		91,793,822		339,752,747
• Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đông Sài Gòn		91,793,822		339,752,747
Xí nghiệp Bình Dương		58,827,719		850,890,460
• Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Bình Dương		58,827,719		850,890,460
Xí nghiệp Lốp Radial		303,148,949		406,889,094
• Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Bình Dương		303,148,949		406,889,094
<u>Tiền gửi ngoại tệ</u>		<u>50,467,866,973</u>		<u>9,992,066,379</u>
Văn phòng TP.HCM		50,467,866,973		9,992,066,379
Trong đó:				
• Ngân hàng Ngoại Thương -USD		38,391,077,063		2,925,734,190
• Ngân hàng Ngoại Thương -EUR		544,929,647		754,562,166
Tổng cộng		77,424,370,998		33,449,256,058

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Công ty CP Phillip Carbon Black VN)	9,650,345,815	6,901,758,791	(2,748,587,024)	9,650,345,815	6,901,758,791	(2,748,587,024)
Tổng cộng		6,901,758,791			6,901,758,791	

	Số cuối năm	Số đầu năm
2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (TK 131)		
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng:		
• Công ty TNHH CAMSO Việt Nam	139,346,110,122 (*)	142,829,447,218
• Công ty TNHH Lốp xe PT	57,285,636,228 (*)	37,457,212,294
• Công ty TNHH Lốp xe PT	25,807,606,067 (*)	27,906,519,150
• TIRECO INC.,	32,450,131,653 (*)	29,386,720,746
Các khoản phải thu khách hàng khác	343,513,198,748	433,348,196,504
Cộng	598,402,682,818	670,928,095,912

(*): Các khoản công nợ chưa có thu xác nhận tại ngày 31/12/2018.

	Số cuối năm	Số đầu năm
3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (TK 331)		
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Chi tiết các khoản trả trước cho người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng:		
• Cty TNHH Đức Việt	136,744,865,204	59,190,805,473
• R1 International Pte Ltd	7,468,088,264 (*)	11,190,086,936
Các khoản trả trước cho người bán khác:	17,121,909,018	31,255,805,029
Cộng	161,334,862,486	101,636,697,438

(*): Các khoản công nợ chưa có thu xác nhận tại ngày 31/12/2018.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
(4): PHẢI THU KHÁC				
(10) 4. Phải thu ngắn hạn khác	18,142,211,238		40,467,384,826	
Phải thu của người lao động (TK 141)	-	630,542,391	-	319,436,772
• Văn phòng TP.HCM	574,042,391	-	312,271,892	-
• Xí nghiệp Hóc Môn	-	-	7,164,880	-
• Xí nghiệp Bình Lợi	56,500,000	-	-	-
Thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (TK 244)	-	52,014,152	-	52,014,152
• Văn phòng TP.HCM	29,795,061	-	29,795,061	-
• Xí nghiệp Hóc Môn	6,000,000	-	6,000,000	-
• Xí nghiệp Bình Lợi	16,219,091	-	16,219,091	-
Bảo hiểm xã hội (TK 3383)	-	1,591,177,047	-	1,621,640,947
Bảo hiểm y tế (TK 3384)	-	10,130,135	-	4,048,421
Phải thu khác (TK 1388)	-	15,858,347,513	-	38,470,244,534

	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác (TK 13881)	15,351,621,164	-	36,610,778,454	-
Văn phòng TP.HCM	15,203,095,799	-	36,575,362,324	-
Trong đó:				
• Thuế VAT khấu trừ - dự án Radial	1,032,799,874	-	1,032,799,874	-
• Khoản ứng trước cho LD Phillip Carbon	3,370,684,504	-	3,370,684,504	-
• Phải thu tiền lãi cho vay của Cty Đức Việt theo HĐ 07/2013/HĐTV ngày 16/01/2013	6,295,490,986	-	12,622,274,706	-
• Phải thu Công ty Cho thuê tài chính Quốc tế VN (VILC) theo HĐMB 02/VILC-CASUMI-NA/2017	-	-	2,853,485,000	-
• Phải thu Cty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TP.HCM theo HĐMB HH Số 90.17.05/CTTC-HĐMB, Ngày 12/12/2017	-	-	9,851,482,242	-
• Phải thu Tập đoàn CIENCO 4 (Tiền thuê đất năm 2017, 2018 của địa chỉ 180 Nguyễn thị Minh Khai, Q.3, TP.HCM)	3,053,829,114 (*)	-	1,164,169,280	-
Xí nghiệp Đồng Nai	3,610,849	-	10,000,000	-
• Công ty Điện lực Đồng Nai (thuê máy biến thế)	-	-	10,000,000	-
• Chi phí TPM tháng 12/2016	-	-	-	-
Xí nghiệp Bình Dương	144,914,516	-	25,416,130	-
• Chi phí bồi dưỡng độc hại	144,914,516	-	25,416,130	-
Phải thu chi phí thí nghiệm xí nghiệp (TK 13882)	506,726,349	-	1,859,466,080	-
10. Phải thu dài hạn khác	11,834,138,230		6,709,991,230	
Ký cược , ký quỹ (TK 2442) - Văn phòng TP.HCM	-	11,834,138,230	-	6,709,991,230
Cộng (4) + (10)	29,976,349,468		47,177,376,056	

(*): Các khoản công nợ chưa có thu xác nhận tại ngày 31/12/2018.

5. NỢ XUẤT	Số cuối năm		Số cuối năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (TK 2293)				
Công ty TNHH PNP VN - BHND (TK 131)	(65,000,051)		(65,000,051)	
Công ty TNHH Hồng Phúc - BHXK (TK 131)	(78,488,575)		(78,488,575)	
Công ty Todimax - BHXK (TK 131)	(90,100,000)		(90,100,000)	
Đức Phương -BHND (TK 131)	(289,067,137)		(289,067,137)	
Cty LD TOYO - TOKYO - Tân Bình (TK 131)	(5,852,000)		(5,852,000)	
Cty CP XD Số 4 Tháng Long - Tân Bình (TK 131)	(22,556,000)		(22,556,000)	
CN Việt Lào Tổng Cty XD MT - Tân Bình (TK 131)	(11,915,976)		(11,915,976)	
KIEMDE ABRAIMA - BHXK (TK 131)	(46,520,866)		(46,520,866)	
Công nợ Kim Dao (TK 1388)	(35,742,000)		(35,742,000)	
Cty TNHH Lê Lợi (TK 131)	(56,000,000)		(56,000,000)	
Cty TNHH TBYT Hóa Chất (TK 131)	(37,000,000)		(37,000,000)	
BV Đa Khoa Huyện Đồng Phú (TK 131)	(7,767,900)		(7,767,900)	
Văng Thị Kim Liêng (TK 131)	(1,318,152,045)		(1,318,152,045)	
Cty CP Việt Nam Motors Cần Thơ (TK 131)	(1,592,500,140)		(1,592,500,140)	
AL SEDEEK CYCLE CO.,LTD (TK 131)	(386,133,204)		(386,133,204)	

	Số cuối năm		Số cuối năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
VIXAY CHALEUN EXPORT - IMPORT TRADING & ARGO PROMOTION CO.,LTD (TK 131)	(1,787,000,000)		(1,787,000,000)	
Cty CP Thương Mại Vương Nga (TK 131)	(866,612,235)		(866,612,235)	
Cty TNHH TM DV và SX Minh Đạt(TK 131 XNHóc Môn)	(472,563,143)		(472,563,143)	
Cty CP Sài Gòn Chấn Phát (TK 131)	(107,861,738)		(107,861,738)	
Tướng Thị Năm (TK 131)	(5,004,680)		(5,004,680)	
Cty TNHH Metro Cash & Carry VN (TK 131)	(40,599,683)		(40,599,683)	
Cty CP Tập đoàn Mai Linh (TK 131)	(87,077,677)		(87,077,677)	
Cty CP XD Vận tải Hoàng Ngân (TK 131)	(69,709,087)		(69,709,087)	
Cty CP Tập đoàn Hoành Sơn (TK 131)	(809,229,774)		(809,229,774)	
Cộng	(8,288,453,911)		(8,288,453,911)	

6. HÀNG TỒN KHO	Số cuối năm		Số cuối năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu (TK 152)	619,916,505,122		888,695,808,480	
Văn phòng TP.HCM	97,537,806,969		371,991,382,171	
Xí nghiệp Đồng Nai	20,536,157,519		15,229,220,795	
Xí nghiệp Hóc Môn	16,181,587,690		14,733,291,900	
Xí nghiệp Bình Lợi	11,723,523,171		9,835,971,468	
Xí nghiệp Bình Dương	254,804,106,410		297,018,695,104	
Xí nghiệp Lớp Radial	219,133,323,363		179,887,247,042	
Công cụ, dụng cụ (TK 153)	9,347,800,050		9,469,671,231	
Văn phòng TP.HCM	1,008,129,656		1,248,776,158	
Xí nghiệp Đồng Nai	1,971,770,622		1,903,065,899	
Xí nghiệp Hóc Môn	2,413,918,910		2,089,275,370	
Xí nghiệp Bình Lợi	1,008,795,312		1,068,678,234	
Xí nghiệp Bình Dương	489,501,894		442,163,184	
Xí nghiệp Lớp Radial	2,455,683,656		2,717,712,386	
Thành phẩm (TK 155)	486,775,530,253		427,664,521,145	
Văn phòng TP.HCM	112,536,046,757		57,515,248,010	
Xí nghiệp Đồng Nai	81,732,004,516		74,163,603,435	
Xí nghiệp Hóc Môn	75,846,099,817		91,968,247,432	
Xí nghiệp Bình Lợi	69,117,588,501		44,112,267,017	
Xí nghiệp Bình Dương	5,720,529,226		6,331,745,792	
Xí nghiệp Lớp Radial	141,823,261,436		153,573,409,459	
Hàng hóa (TK 156)	6,580,614,688		2,470,899,614	
Văn phòng TP.HCM	5,306,172,448		1,800,411,826	
Xí nghiệp Đồng Nai	-		667,725,271	
Xí nghiệp Hóc Môn	758,685,783		2,762,517	
Xí nghiệp Lớp Radial	515,756,457		-	
Cộng	1,122,620,450,113		1,328,300,900,470	

Ghi Chú:

- Giá trị hàng hóa ghi số hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ; Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất: không có.
- Giá trị hàng hóa tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả vào thời điểm cuối kỳ : không có.
- Lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.

	Số cuối năm	Số đầu năm
14. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN		
14.1. Mua sắm TSCĐ (TK 2411)	- 1,466,412,392	39,245,803,673
Văn phòng TP.HCM	:	36,180,819,387
Xí nghiệp Bình Lợi	- 457,400,000	127,950,000
• Máy luyện hồ 660x2100 (L6)	253,500,000	-
• Máy lưu hóa lớp 55" LHL21	74,600,000	-
• Máy bọc tanh vành 20-BT1	129,300,000	-
Xí nghiệp Lớp Radial	- 1,009,012,392	2,937,034,286
• Máy lý trình bán thép	180,608,392	-
• Máy cân bằng bán thép số 2	473,800,000	-
• Máy dằm thủng	221,684,000	-
• Băng tải sau lưu hóa	132,920,000	-
14.2. Xây dựng cơ bản (TK 2412)	- 12,709,785,989	76,842,876,092
Văn phòng TP.HCM	:	63,937,849,843
• Công trình nhà văn phòng 180 NTMK Q.3	5,222,704,923	-
• Các công trình khác (P.Cơ năng tự thực hiện)	5,429,113,457	-
• Dự án Radial bán thép công suất 500.000 lớp/năm	-	-
• Dự án Tổng kho trung tâm	-	-
Xí nghiệp Hóc Môn	- 686,058,209	9,354,261,849
• LH 6T - LXM	42,261,247	-
• HT hút bụi xăm ô tô	117,642,681	-
• Lốp xe đạp - CNN	30,700,000	-
• Ép suất L1	156,231,960	-
• Săm butyl	4,100,000	-
• Cán 4 trục - 03ML1-PA2	243,122,321	-
• Ép lọc HQ	26,000,000	-
• Ép suất Hàn Quốc	66,000,000	-
Xí nghiệp Bình Dương	- 16,600,000	:
• Lắp máy vi tính	16,600,000	-
Xí nghiệp Lớp Radial	- 1,355,309,400	3,550,764,400
• Dây chuyển ép xuất hông lốp	483,005,000	-
• Máy cán bố thép	872,304,400	-
14.3. Sửa chữa lớn TSCĐ	- 7,440,483,462	4,885,841,286
Xí nghiệp Lớp Radial	- 7,440,483,462	4,885,841,286
• Máy Innerliner Bias	2,191,613,372	-
• Máy luyện hồ 440 bán thép	232,401,100	-
• Cài tạo máy thành hình bán thép Đồng Nai V12 (Máy số 2 SRTH07)	385,324,353	-
• Cài tạo máy thành hình bán thép Đồng Nai V14 (Máy số 1 SRTH06)	367,377,191	-
• Cài tạo máy thành hình bán thép Đồng Nai V16 (Máy số 3 SRTH08)	233,536,303	-
• Máy luyện kín F404	212,155,454	-
• Máy ép xuất hông lốp	144,880,000	-
• Máy cán bố thép	445,551,000	-
• Máy làm tanh và cắt vải	860,267,729	-
• Máy thành hình lớp cao su số 2	559,367,960	-

	Số cuối năm	Số đầu năm
• Máy vòng tanh	103,861,000	-
• Dây chuyền cán tráng	324,464,000	-
• Máy Innerliner toàn thép	110,644,000	-
• Dây chuyền làm nguội	180,000,000	-
• Máy cắt bố thép 15-70 độ	242,080,000	-
• Máy LH thủy lực số 1 - SCL tầng TSCĐ	8,885,000	-
• Máy LH thủy lực số 2 - SCL tầng TSCĐ	8,885,000	-
• Máy LH thủy lực số 3 - SCL tầng TSCĐ	8,565,000	-
• Máy LH thủy lực số 4 - SCL tầng TSCĐ	8,727,000	-
• Motor máy LK F305 - SCL tầng TSCĐ	222,783,000	-
• Máy luyện kín F404 (SCL tầng TSCĐ)	201,555,000	-
• Máy LH toàn thép số 11 - SCL tầng TSCĐ	216,030,000	-
• Móng máy thành hình bán thép - SCL tầng TSCĐ	67,405,000	-
• Nhà sản xuất lớp Radial SCL tầng TSCĐ	104,125,000	-
Cộng (14.1)+(14.2)+(14.3)	21,616,681,843	120,974,521,051

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TK 211)

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	868,452,039,665	1,744,023,739,635	35,814,867,630	5,512,451,593		2,653,803,098,523
2. Số tăng trong năm	63,361,546,872	132,564,377,434	3,963,087,398			199,889,011,704
• Mua trong năm	-	-	1,071,882,555	-	-	1,071,882,555
• Đầu tư XD/CB hoàn thành	59,114,027,130	114,247,287,001	-	-	-	173,361,314,131
• Tăng khác	4,247,519,742	-	-	-	-	4,247,519,742
• Tăng khác (chuyển từ thuê tài chính sang TSCĐ)	-	18,317,090,433	2,891,204,843	-	-	21,208,295,276
3. Số giảm trong năm	1,463,862,562	25,237,752,934	466,475,450	67,580,909		27,235,671,855
• Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
• Thanh lý, nhượng bán	1,255,672,135	21,008,181,633	466,475,450	67,580,909	-	22,797,910,127
• Giảm khác	208,190,427	4,229,571,301	-	-	-	4,437,761,728
4. Số dư cuối năm	930,349,723,975	1,851,350,364,135	39,311,479,578	5,444,870,684		2,826,456,438,372
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	308,967,588,160	873,687,637,203	25,265,832,458	5,298,579,600		1,213,219,637,421
2. Khấu hao trong năm	51,131,804,932	119,923,441,411	4,922,622,823	186,489,339		176,164,358,505
• Khấu hao trong năm	51,131,804,932	114,135,593,149	3,306,319,628	186,489,339	-	168,760,207,048
• Tăng khác (chuyển từ thuê tài chính sang TSCĐ)	-	5,787,848,262	1,616,303,195	-	-	7,404,151,457
3. Giảm trong năm	1,255,672,135	21,008,181,633	466,475,450	67,580,909		8,727,404,501
• Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
• Thanh lý, nhượng bán	1,255,672,135	21,008,181,633	466,475,450	67,580,909	-	22,797,910,127
• Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	358,843,720,957	972,602,896,981	29,721,979,831	5,417,488,030		1,366,586,085,799
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	559,484,451,505	870,336,102,432	10,549,035,172	213,871,993		1,440,583,461,102
2. Tại ngày cuối năm	571,506,003,018	878,747,467,154	9,589,499,747	27,382,654		1,459,870,352,573

Ghi Chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 7.467.249.037 VNĐ (Máy ép khuôn màng hơi SCIB-25.0-1.500 (máy ép tim)- XN Bình Dương)
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 522.975.477.011 VNĐ
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VNĐ

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH (TK 212)

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	TSCĐ vô hình	Tổng cộng
I. Nguyên giá							
1. Số dư đầu năm		87,004,408,964	2,875,581,843				89,879,990,807
2. Số tăng trong năm		107,245,415,627		-			107,245,415,627
• Thuê tài chính trong năm		107,245,415,627		-			107,245,415,627
• Mua lại TSCĐ thuê tài chính		-	-	-			-
• Tăng khác		-	-	-			-
3. Số giảm trong năm		18,223,869,433	2,875,581,843				21,099,451,276
• Trả lại TSCĐ thuê tài chính		-	-	-			-
• Giảm khác		-	2,875,581,843				21,099,451,276
4. Số dư cuối năm		176,025,955,158		-			176,025,955,158
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
1. Số dư đầu năm		7,235,386,804	1,410,904,491				8,646,291,295
2. Khấu hao trong năm		13,802,594,487	205,398,704				14,007,993,191
• Khấu hao trong năm		13,802,594,487	205,398,704				14,007,993,191
• Mua lại TSCĐ thuê tài chính		-	-	-			-
• Tăng khác		-	-	-			-
3. Giảm trong năm		5,787,848,262	1,616,303,195				7,404,151,457
• Trả lại TSCĐ thuê tài chính		-	-	-			-
• Giảm khác		5,787,848,262	1,616,303,195				7,404,151,457
4. Số dư cuối năm		15,250,133,029		-			15,250,133,029
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày đầu năm		79,769,022,160	1,464,677,352				81,233,699,512
2. Tại ngày cuối năm		160,775,822,129		-			160,775,822,129

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (TK 213)

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	104,369,083,467			1,549,864,155	6,635,742,094	112,554,689,716
2. Số tăng trong năm	-			2,346,350,000	-	2,346,350,000
• Mua trong năm	-			2,346,350,000	-	2,346,350,000
3. Số giảm trong năm	-			-	-	-
• Thanh lý, nhượng bán	-			-	-	-
4. Số dư cuối năm	104,369,083,467			3,896,214,155	6,635,742,094	114,901,039,716
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	8,670,156,176			1,512,973,488	6,635,742,094	16,818,871,758
2. Khấu hao trong năm	2,199,448,406			138,784,936	-	2,338,233,342
• Khấu hao trong năm	2,199,448,406			138,784,936	-	2,338,233,342
• Tăng khác	-			-	-	-
3. Giảm trong năm	-			-	-	-
• Thanh lý nhượng bán	-			-	-	-
4. Số dư cuối năm	10,869,604,582			1,651,758,424	6,635,742,094	19,157,105,100
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	95,698,927,291			36,890,667	-	95,735,817,958
2. Tại ngày cuối năm	93,499,478,885			2,244,455,731	-	95,743,934,616

Ghi Chú:

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay: 90.546.992.333 VNĐ. Trong đó:

- Quyền sử dụng đất Bình Dương : 6.720.075.177 VNĐ
- Quyền sử dụng đất Bình Dương : 83.826.917.156 VNĐ

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.984.007.249 VNĐ. Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình khác đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 6.635.742.094 VNĐ
- Nguyên giá TSCĐ vô hình phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 1.348.265.155 VNĐ

(7); (16)	CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TK 242)	Số cuối năm	Số đầu năm
7.	Chi phí trả trước ngắn hạn (TK 2421)	3,645,195,799	3,684,499,842
	Văn phòng TP.HCM	:	:
	Xí nghiệp Hóc Môn	:	:
	• Phí bảo hiểm tài sản	141,651,053	-
	Xí nghiệp Bình Dương	:	:
	• Phí bảo hiểm tài sản	281,228,677	251,867,744
	• Xử lý mặt lớp	-	10,891,023
	• Xử lý bán thành phẩm	37,164,334	35,944,219
	Xí nghiệp Lớp Radial	:	:
	• Chi phí bảo hiểm rủi ro cháy nổ	1,360,742,845	1,224,465,003
	• Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	1,814,093,208
	• Sửa chữa khuôn	1,821,288,890	347,238,645
	• Cước bưu chính viễn thông	3,120,000	-
16.	Chi phí trả trước dài hạn (TK 2422)	51,238,680,393	38,167,668,597
	Văn phòng TP.HCM	:	:
	• Chi phí phụ tùng đi kèm máy lý trình AW-TT-2A -PCR & AW-TT-1 A-TB (HĐ: HP/CSM-160727)	127,705,626	206,500,000
	• Chi phí dịch vụ pháp lý đất Hóc Môn	468,799,800	191,558,440
	• Chi phí mua bản quyền CNTT (Cty MSP)	-	625,066,400
	• Chi phí đào tạo nhân viên	-	582,488,355
	• Chi phí mua sắm trang thiết bị, máy vi tính	401,513,000	441,896,267
	• Chi phí bằng tiền khác (chi phí quảng cáo)	1,585,256,000	2,609,962,568
	• Chi phí bằng tiền khác	1,075,445,000	-
	Xí nghiệp Đồng Nai	:	:
	• Chi phí khuôn	5,851,314,000	5,179,550,000
	• Công cụ dụng cụ dùng cho sản xuất	94,000,000	-
	Xí nghiệp Hóc Môn	:	:
	• Chi phí khuôn	8,003,336,805	5,081,820,901
	Xí nghiệp Bình Lợi	:	:
	• Chi phí bảo hiểm	47,789,382	49,224,549
	• Chi phí khuôn	569,812,412	390,625,001
	• Chi phí khuôn mới năm nay	1,318,166,667	1,626,298,567
	• Công cụ dụng cụ dùng cho sản xuất	1,368,544,076	2,121,859,640
	• Kiểm định	80,202,122	56,108,666
	Xí nghiệp Bình Dương	:	:
	• Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	503,808,341	648,250,036
	Xí nghiệp Lớp Radial	:	:
	• Công cụ dụng cụ chờ phân bổ (khuôn)	28,190,436,635	17,187,009,015
	• Phụ tùng thay thế để bảo dưỡng thiết bị	1,524,372,229	63,077,963
	• Pallet sắt	23,077,963	1,106,372,229
	• Tra cứu phần mềm thư viện pháp luật trực tuyến	5,100,335	-
	Cộng (7) + (16)	54,883,876,192	41,852,168,439

(23); (26)	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	(1)=(5)+(3)-(4)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
23. Vay và nợ thuê tài chính	1,659,955,784,075	1,659,955,784,075	3,759,119,168,522	3,720,320,660,157	1,621,157,275,710	1,621,157,275,710
Vay ngân hàng (TK 34111)	1,626,320,092,209	1,626,320,092,209	3,716,375,414,575	3,691,343,602,754	1,601,288,280,388	1,601,288,280,388
• Số đã vay ngân hàng	-	-	3,713,649,971,509	-	-	-
• Số đã trả ngân hàng	-	-	-	3,691,343,602,754	-	-
• Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	-	-	2,725,443,066	-	-	-
Trong đó:						
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Hợp đồng tín dụng số 0192/KHDN1/2017NH-DH ngày 20/09/2017 và Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 02/CV-0192/KHDN1/2017NH-DH ngày 05/10/2018; đến 31/12/2018 hiện còn vay: 399.681.286.095 VND và 14.404.565.68 USD (tương đương: 338.874.579.551 VND); lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.						
Nợ dài hạn đến hạn trả (TK 34113)	33,635,691,866	33,635,691,866	42,743,753,947	28,977,057,403	19,868,995,322	19,868,995,322
26. Vay dài hạn	540,415,105,677	540,415,105,677	108,623,235,481	198,194,384,602	629,986,254,798	629,986,254,798
Vay ngân hàng (TK 341121-TK 341122)	285,715,000,000	285,715,000,000	5,288,800,000	134,658,800,000	415,085,000,000	415,085,000,000
• Số đã vay ngân hàng	-	-	1,727,000,000	-	-	-
• Số đã trả ngân hàng	-	-	-	134,658,800,000	-	-
• Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	-	-	3,561,800,000	-	-	-
Trong đó:						
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Hợp đồng tín dụng số 0019/ĐTDA/11CD, ngày 29/7/2011; đến 31/12/2018 hiện còn vay: 123.000.000.000 VND và 7,000,000 USD (tương đương: 162.715.000.000 VND). Lãi suất đối với khoản vay bằng Đồng; bằng lãi tiền gửi được áp dụng đối với khoản tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng của cá nhân có thời hạn 12 tháng (với khoản lãi được thanh toán cuối kỳ) do Ngân hàng Đầu Mối thông báo vào Ngày Xác định Lãi Suất công 3,6%/năm. Lãi suất đối với khoản vay bằng Đô La Mỹ; bằng lãi tiền gửi được áp dụng đối với khoản tiền gửi tiết kiệm bằng Đô La Mỹ của cá nhân có thời hạn 6 tháng (với khoản lãi được thanh toán cuối kỳ) do Ngân hàng Đầu Mối thông báo vào Ngày Xác định Lãi Suất công 2,8%/năm.						
Vay vốn CBCNV (TK 341127)	44,389,750,000	44,389,750,000	360,000,000	5,842,000,000	49,871,750,000	49,871,750,000
Vay ngân hàng dự án Radial bán thép và Tổng kho trung tâm Bình Dương (TK 341129)	130,379,105,151	130,379,105,151	18,466,635,938	14,900,746,931	126,813,216,144	126,813,216,144
• Số đã vay ngân hàng:			16,875,100,033	-		
• Số đã trả ngân hàng:			-	14,900,746,931		
• Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ:			1,591,535,905	-		
Trong đó:						
Vay cho dự án Radial bán thép: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số: 0113/KHDN1/16DH, ngày 20/6/2016 và Phụ lục hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 0001-0113/KHDN1/16DH; đến 31/12/2018 hiện còn vay: 13.507.815.802 VND và 3,591,751 USD (tương đương: 83.556.293.905 VND); lãi suất trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên: 6,9%/năm.						
Vay cho dự án "Xây dựng Công trình Tổng kho Trung tâm tại Xi nghiệp Cao su Bình Dương": Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số: 01/DADT-0192/KHDN1/17NH-DH, ngày 20/9/2017; đến 31/12/2018 hiện còn vay: 33.314.995.444 VND; lãi suất cho vay theo thỏa thuận tại từng giấy nhận nợ.						
Nợ thuê tài chính (TK 3412)	79,931,250,526	79,931,250,526	84,507,799,543	42,792,837,671	38,216,288,654	38,216,288,654
Cộng (23) + (26)	2,200,370,889,752	2,200,370,889,752	3,867,742,404,003	3,918,515,044,759	2,251,143,530,508	2,251,143,530,508

Các khoản nợ thuê tài chính	2018			2017			
	Thời hạn	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả tiền nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả tiền nợ gốc
Trên 1 năm đến 5 năm		35,113,872,255	7,398,765,592	27,715,106,663	16,344,462,613	2,517,832,697	13,826,629,916
VILC-HĐ 2014-00087-000 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)		210,625,418	4,072,142	206,553,276	444,609,268	31,502,716	413,106,552
VILC-HĐ 2014-00089-000 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)		104,716,479	3,475,970	101,240,509	283,965,727	20,120,347	263,845,380
HĐ 2015-00140-001 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)		3,206,140,427	76,062,911	3,130,077,516	6,553,342,592	537,610,806	6,015,731,786
HĐ 2016-00056-001 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)		759,495,121	132,595,610	626,899,511	751,765,541	121,674,120	630,091,421
HĐ 2016-00090-001 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)		5,752,831,850	642,492,854	5,110,338,996	5,047,009,717	788,393,887	4,258,615,830
HĐ 2017-00022-001 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)		1,960,176,749	245,865,041	1,714,311,708	1,200,013,516	199,998,353	1,000,015,163
HĐ 55.17.01/CTTC (Cty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TP.HCM)		4,741,907,810	1,006,236,458	3,735,671,352	1,855,759,604	610,535,820	1,245,223,784
HĐ 90.17.04/CTTC (Cty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TP.HCM)		3,772,297,542	849,200,178	2,923,097,364	207,996,648	207,996,648	-
HĐ 90.17.05/CTTC (Cty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TP.HCM)		8,281,296,380	2,365,920,391	5,915,375,989	-	-	-
HĐ 2017-00272-001 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)		2,031,469,127	750,793,157	1,280,675,970	-	-	-
HĐ 2018-00058-001 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)		1,258,061,677	419,502,087	838,559,590	-	-	-
HĐ 90.18.05/CTTC (Cty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TP.HCM)		3,034,853,675	902,548,793	2,132,304,882	-	-	-

17. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN (TK 331)

Số cuối năm

Số đầu năm

a) Phải trả cho người bán ngắn hạn:	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả				
• Cty TNHH Đầu tư TM XD Hạ tầng Thiên Trường	29,200,500,000	29,200,500,000	-	-
• Cty CP Dệt Vải CN Hà Nội	43,661,680,345	43,661,680,345	16,895,350,002	16,895,350,002
• Cty TNHH Hyosung Việt Nam (*)	15,526,572,654	15,526,572,654	22,025,629,585	22,025,629,585
• Cty TNHH Formosa Taffeta Đồng Nai (*)	15,303,356,042	15,303,356,042	8,707,718,339	8,707,718,339
• Phải trả các đối tượng khác	224,037,626,766	224,037,626,766	275,002,029,218	275,002,029,218
Cộng	327,729,735,807	327,729,735,807	322,630,727,144	322,630,727,144
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
• Công ty CP Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn (*)	1,920,012,185	1,920,012,185	1,817,843,896	1,817,843,896

Ghi Chú: (*) Các khoản công nợ chưa có thư xác nhận tại ngày 31/12/2018.

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN (TK 131)

Số cuối năm

Số đầu năm

Phải trả cho người bán ngắn hạn:	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số người mua trả tiền trước		
• Autoamerica Autoproducts (*)	2,861,602,850	-
• CAMOPLAST SOLIDEAL (*)	2,470,637,773	2,571,216,600
• POP INTER VALVE PATCH CO.,LTD (*)	1,404,066,530	38,969,970
• Các khoản người mua trả tiền trước khác	8,773,259,618	4,920,520,058
Cộng	15,509,566,771	7,530,706,628

Ghi Chú: (*) Các khoản công nợ chưa có thư xác nhận tại ngày 31/12/2018.

8; 9; 19	THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC	Đầu năm	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
19.	Phải nộp	(1)	(2)	(3)	(4)
	• Thuế giá trị gia tăng hàng NK (TK 33312)	-	134,827,249,990	134,827,249,990	-
	• Thuế xuất nhập khẩu (TK 3333)	298,201,895	5,406,171,939	5,519,388,193	184,985,641
	• Thuế thu nhập cá nhân (TK 3335)	1,099,572,092	3,495,909,481	2,012,945,109	2,582,536,464
	• Thuế tài nguyên (TK 3336)	-	2,468,800	2,468,800	-
	• Thuế nhà đất và tiền thuê đất (TK 3337)	-	4,073,769,991	4,073,769,991	-
	• Các loại thuế khác (TK 3338)	86,657,930	355,484,615	396,476,887	45,665,658
	• Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	857,627,240	-	857,627,240	-
	Cộng Các khoản thuế phải trả	2,342,059,157	148,161,054,816	147,689,926,210	2,813,187,763

Ghi Chú: Các số liệu về thuế đơn vị tạm tính, số chính thức sẽ được cơ quan thuế quyết toán sau.

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
8.	(1)	(2)	(3)	(4)
Thuế GTGT được khấu trừ				
Thuế GTGT được khấu trừ (= a + b)	49,609,637,632	(27,913,201,765)	10,210,035,890	87,732,875,287
a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	61,802,973,762	(26,178,190,968)	-	87,981,164,730
• Thuế GTGT đầu ra khấu trừ thuế GTGT đầu vào	-	401,433,558,098	-	-
• Điều chỉnh	-	180,660,058	-	-
• Thuế GTGT được khấu trừ phát sinh trong năm	-	(427,792,409,124)	-	-
b) Thuế giá trị gia tăng đầu ra	(12,193,336,130)	(1,735,010,797)	10,210,035,890	(248,289,443)
• Phát sinh thuế đầu ra	-	399,698,547,301	-	-
• Đã nộp thuế	-	-	10,210,035,890	-
• Đã khấu trừ	-	(401,433,558,098)	-	-

Ghi Chú: Các số liệu về thuế đơn vị tạm tính, số chính thức sẽ được cơ quan thuế quyết toán sau.

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối quý
	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)+(3)-(2)
9. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(860,212,495)	2,551,126,782	3,740,000,881	328,661,604
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(860,212,495)	2,551,126,782	3,740,000,881	328,661,604
Cộng	(860,212,495)	2,551,126,782	3,740,000,881	328,661,604

Ghi Chú:

(*) Giá trị trong dấu ngoặc (số âm) là số tiền phải trả.

Các số liệu về thuế đơn vị tạm tính, số chính thức sẽ được cơ quan thuế quyết toán sau.

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng TP.HCM	24,211,667,080	32,527,001,615
Xí nghiệp Đồng Nai	4,071,425,011	4,851,326,854
Xí nghiệp Hóc Môn	3,781,361,661	2,903,810,862
Xí nghiệp Bình Lợi	1,603,878,349	1,611,198,924
Xí nghiệp Bình Dương	1,836,798,472	2,669,747,782
Xí nghiệp Lớp Radial	4,346,858,363	5,217,251,569
Cộng	39,851,988,936	49,780,337,606

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ	Số cuối năm		Số đầu năm	
a) Chi phí phải trả ngắn hạn				
Văn phòng TP.HCM	:	<u>17,989,745,735</u>	:	<u>65,436,325,529</u>
• Chi phí chiết khấu thường xuyên - găng tay	395,838,495	-	575,215,900	-
• Chi phí vận chuyển sản phẩm nội địa	3,100,000,000	-	4,700,000,000	-
• Thương doanh số cuối năm - khách hàng nội địa	-	-	8,820,000,000	-
• Chi phí chiết khấu thường xuyên	6,102,486,987	-	34,634,445,704	-
• Trích trước chi phí thí nghiệm sản phẩm mới	506,726,349	-	1,859,466,080	-
• Thương doanh số cuối năm - khách hàng xuất khẩu	-	-	3,333,000,000	-
• Chiết khấu thanh toán - đại lý	373,966,067	-	377,396,836	-
• Chi phí quảng cáo	-	-	1,044,964,800	-
• Chi phí thuê kho	800,000,000	-	1,000,000,000	-
• Chiết khấu thanh toán - nhà phân phối	898,745,766	-	841,865,789	-
• Chiết khấu thanh toán - nhà phân phối lớp Radial	80,819,065	-	152,600,628	-
• Chi phí trích trước	1,409,632,024	-	2,230,104,301	-
• Lãi vay	4,321,530,982	-	5,867,265,491	-
Xí nghiệp Đồng Nai	:	<u>145,382,132</u>	:	<u>300,163,677</u>
• Trích trước chi phí sửa chữa lớn	-	-	101,700,000	-
• Trích trước bồi dưỡng độc hại	99,405,132	-	116,296,177	-
• Trích trước chi phí nước	45,977,000	-	60,271,500	-
• Trích trước chi phí cơm ca	-	-	21,896,000	-
Xí nghiệp Hóc Môn	:	<u>1,278,421,597</u>	:	<u>798,477,818</u>
• Trích trước tiền điện	270,724,987	-	185,778,294	-
• Trích trước chiết khấu thường xuyên	3,181,300	-	3,961,452	-
• Trích trước chiết khấu thanh toán	4,055,265	-	4,919,172	-
• Sửa chữa khuôn mẫu	435,500,000	-	95,300,000	-
• Trích trước tiền cơm ca	272,089,000	-	309,418,000	-
• Trích trước chi phí bồi dưỡng độc hại	180,677,500	-	199,100,900	-
+ Chi phí giao hàng	35,954,545	-	-	-
+ Các khoản khác	76,239,000	-	-	-
Xí nghiệp Bình Lợi	:	<u>553,133,184</u>	:	<u>430,576,200</u>
• Trích trước tiền nước	67,382,400	-	67,843,200	-
• Trích trước chi phí bốc xếp	21,833,600	-	30,749,000	-
• Trích trước chi phí cơm ca	81,719,000	-	92,284,000	-
• Trích trước chi phí bồi dưỡng độc hại	55,000,000	-	55,000,000	-
• Trích trước sửa chữa khuôn	240,200,000	-	184,700,000	-
• Trích trước chi phí bảo vệ	42,000,000	-	-	-
• Trích trước chi phí bảo hộ lao động	12,218,184	-	-	-
• Trích trước chi phí PCCC	22,800,000	-	-	-
• Trích trước chi phí giám sát môi trường	9,980,000	-	-	-
Xí nghiệp Bình Dương	:	<u>1,209,384,789</u>	:	<u>714,815,166</u>
• Trích trước tiền nước	21,850,000	-	12,588,762	-
• Chi phí cơm ca	120,000,000	-	120,000,000	-
• Chi phí bồi dưỡng độc hại	166,000,000	-	84,500,000	-
• Chi phí vận chuyển BTP	376,363,880	-	309,623,118	-
• Trích trước tiền thuê đất	192,000,000	-	188,103,286	-

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ	Số cuối năm		Số đầu năm	
a) Chi phí phải trả ngắn hạn				
• Trích trước tiền quà tết cho người lao động	89,090,909	-	-	-
• Chi phí vận chuyển mặt lớp	244,080,000	-	-	-
<u>Xí nghiệp Lớp Radial</u>	<u>1,288,451,000</u>		<u>817,444,762</u>	
• Trích trước tiền nước	79,292,500	-	48,500,000	-
• Trích trước chi phí côm ca	514,303,000	-	403,052,000	-
• Trích trước chi phí độc hại	330,000,000	-	155,000,000	-
• Trích trước chi phí hơi bão hòa	55,510,500	-	32,092,762	-
• Trích trước chi phí vận chuyển	253,800,000	-	178,800,000	-
• Trích trước chi phí chuyên gia lớp toàn thép	55,545,000	-	-	-
Cộng:	22,464,518,437		68,497,803,152	

(22); (25) PHẢI TRẢ KHÁC	Số cuối năm		Số đầu năm	
22. Phải trả ngắn hạn khác				
Tài sản thừa chờ giải quyết (giữ hộ tiền quỹ công đoàn) (TK 3381)	-	1,586,890,357	-	1,247,892,756
Kinh phí công đoàn (TK 3382)	-	2,711,071,137	-	3,939,745,831
Phải trả về cổ phần hóa (TK 3385)	-	174,835,866	-	174,835,866
Bảo hiểm thất nghiệp (TK 3386)	-	6,415,081	-	17,015,015
Cổ tức, lợi nhuận phải trả (TK 3388)	-	2,603,587,965	-	2,499,242,105
Các khoản phải trả, phải nộp khác (TK 3388) Trong đó:	-	38,882,004,005	-	39,120,481,086
• Chuyển tiền dự án trên một bằng các khu đất - Công ty Ba Đình (*)	35,923,116,000	-	35,923,116,000	-
Cộng		45,964,804,411		46,999,212,659
25. Phải trả dài hạn khác				
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (TK 344)		10,800,000,000		12,200,000,000
<u>Văn phòng TP.HCM</u> Trong đó:				
• Công ty Tân Hưng Thịnh-Vũ Cao Nguyên (*)	2,000,000,000	-	2,000,000,000	-
• Công ty TNHH TMDV Lê Văn (*)	1,500,000,000	-	1,500,000,000	-
• Công ty TNHH TM DV Tư vấn lớp Radial Đức Anh (*)	1,000,000,000	-	1,000,000,000	-
• DNTN Mạnh Dũng (*)	1,000,000,000	-	1,000,000,000	-
• Công ty TNHH Đầu tư Thương Mại Nam Dung (*)	1,500,000,000	-	1,500,000,000	-
• Phạm Đức Mỹ	-	-	-	-
• Hộ kinh doanh cá thể Hưng Hưng Phát (*)	1,000,000,000	-	1,000,000,000	-
Cộng		10,800,000,000		12,200,000,000

Ghi Chú: (*) Các khoản công nợ chưa có thư xác nhận tại ngày 31/12/2018.

24. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng	2,922,341,433	10,671,150,771
Văn phòng TP.HCM	2,645,031,737	9,833,869,681
Xí nghiệp Đồng Nai	92,762,545	422,426,939
Xí nghiệp Hóc Môn	75,431,158	104,531,158
Xí nghiệp Bình Lợi	42,007,226	180,624,226
Xí nghiệp Bình Dương	22,006,100	20,996,100
Xí nghiệp Lớp Radial	45,102,667	108,702,667
Quỹ phúc lợi	79,985,274	27,772,537
Văn phòng TP.HCM	2,784,070,727	7,223,448,477
Xí nghiệp Đồng Nai	162,700,735	354,100,735
Xí nghiệp Hóc Môn	44,035,120	-
Xí nghiệp Bình Lợi	82,928,547	158,650,047
Xí nghiệp Bình Dương	134,612,778	335,212,778
Xí nghiệp Lớp Radial	171,637,367	356,360,500
Cộng (Quỹ khen thưởng + Quỹ phúc lợi)	6,302,326,707	19,098,923,308

TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI 27. (TK 243) VÀ THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ (TK 347)	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		42,258,928
b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả (TK 347)		
Lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu có gốc ngoại tệ	3,780,591,740	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	- 756,118,348	-
Thuế Thu nhập hoãn lại phải trả	756,118,348	-

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU

A. Bảng đối chiếu biến động của Vốn CSH

Các khoản mục thuộc vốn CSH	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của CSH	Chênh lệch đánh giá tài sản	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+...+9
a) Số dư đầu năm trước	1,036,264,670,000						186,702,872,536	(12,050,000)	104,272,591,724	1,327,228,084,260
Tăng trong năm							55,001,039,119	-	-	55,001,039,119
Trong đó:										
• Tăng vốn trong năm trước										
• Lãi trong năm trước							55,001,039,119			55,001,039,119
Giảm trong năm							(179,264,953,600)	-	26,089,513,000	(153,175,440,600)
Trong đó:										
• Lỗ trong năm trước										
• Giảm khác										
+ Trích quỹ khen thưởng							(13,244,714,285)			(13,244,714,285)
+ Trích quỹ phúc lợi							(5,217,885,715)			(5,217,885,715)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển							(26,089,513,000)		26,089,513,000	
+ Chia cổ tức 2016 bằng tiền							(134,712,840,600)			(134,712,840,600)
Số dư đầu năm nay	1,036,264,670,000						62,438,958,055	(12,050,000)	130,362,104,724	1,229,053,682,779
Tăng trong năm							13,160,582,834	-	-	13,160,582,834
Trong đó:										
• Tăng vốn trong năm nay										
• Lãi trong năm nay							13,160,582,834			13,160,582,834
Giảm trong năm							(50,953,281,450)	-	5,500,103,912	(45,453,177,538)
Trong đó:										
• Lỗ trong năm nay										
• Giảm khác							(50,953,281,450)		5,500,103,912	(45,453,177,538)
+ Trích quỹ khen thưởng							(2,903,051,956)			(2,903,051,956)
+ Trích quỹ phúc lợi							(1,100,020,782)			(1,100,020,782)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển							(5,500,103,912)		5,500,103,912	
+ Chia cổ tức 2017 bằng tiền							(41,450,104,800)			(41,450,104,800)
Số dư cuối năm	1,036,264,670,000						24,646,259,439	(12,050,000)	135,862,208,636	1,196,761,088,075

B. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	51%	528,558,490,000	528,558,490,000
Vốn góp của các đối tượng khác	49%	507,706,180,000	507,706,180,000
Cộng		1,036,264,670,000	1,036,264,670,000

C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>1,036,264,670,000</u>	<u>1,036,264,670,000</u>
• Vốn góp đầu năm	1,036,264,670,000	1,036,264,670,000
• Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
• Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
• Vốn góp cuối kỳ	1,036,264,670,000	1,036,264,670,000

D. Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	103,626,467	103,626,467
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50,770,618	50,770,618
• Cổ phiếu phổ thông	50,770,618	50,770,618
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1,205	1,205
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	1,205	1,205
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	103,625,262	103,625,262
• Cổ phiếu phổ thông (= 103.626.467 - 1.205)	103,625,262	103,625,262
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

Đ. Cổ tức
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
• Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt với tỷ lệ 3% x Vốn điều lệ
• Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có.
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có.

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CĐKT		Số cuối năm	Số đầu năm
a) Tài sản thuê ngoài			
b) Tài sản nhận giữ hộ			
c) Ngoại tệ các loại			
Trong đó:			
• Ngoại tệ USD		\$2,155,928.53	\$195,535.98
• Ngoại tệ EUR		€ 20,941.74	€ 937.18
d) Vàng tiền tệ			
đ) Nợ khó đòi đã xử lý			
		-	-
Khách hàng		Số tiền	Số tiền
01. DNTN Phát Hưng - 750001		614,987,079	614,987,079
02. Lê Chí Hoà - BHND - 710002		894,097,480	894,097,480
03. Nguyễn Hồng Sơn - BHND - 550002		32,677,477	32,677,477
04. Nguyễn Thị Diễm Thúy - BHND - 560004		1,151,092	1,151,092
05. Trần Ngọc Tiến - BHND - 500001		13,356,992	13,356,992
06. CTy Phương Trinh - BHND - 284005		9,999,995	9,999,995
07. CTy Phương Trinh CN Bình Dương - BHND - 284006		10,000,000	10,000,000
08. Đặng Thúy Quỳnh - Điện Biên - 044009		45,160,400	45,160,400
09. DNTN Hoàng Vỹ - Điện Biên - 044010		24,980,000	24,980,000
10. Đinh Mạnh Cường - Điện Biên - 044012		34,540,000	34,540,000
11. Đinh Thị Phương Thảo - Điện Biên - 044013		56,799,000	56,799,000
12. Nguyễn Thị Oanh - Điện Biên - 044014		40,879,400	40,879,400
13. Anh Quang - Điện Biên - 044015		56,970,400	56,970,400
14. Huỳnh Tiên Hà - Điện Biên - 044016		59,080,000	59,080,000
15. Phạm Văn Thành - Điện Biên - 044022		88,592,178	88,592,178
16. CTy TNHH Cơ Khí Quang Trung - Điện Biên - 044023		35,178,000	35,178,000
17. CTy CP Cơ Khí Cao Su - Điện Biên - 044024		52,767,000	52,767,000
18. CTy CP CHIEN YOU Việt Nam - Điện Biên - 044026		59,199,800	59,199,800
19. Phan Thị Bích Nga - Điện Biên - 044030		50,879,400	50,879,400
20. Đặng Thị Thúy Liễu - Điện Biên - 030045		50,879,400	50,879,400
21. Nguyễn Hữu Nghĩa - Điện Biên - 044036		170,000,000	170,000,000
22. CH Nông Cơ Tiến Hà -CH 146 (TK 131)		143,447,968	143,447,968
23. Nguyễn Thị Hoa -CH 146 (TK 131)		86,597,002	86,597,002
24. Nguyễn Minh Phú -CH 146 (TK 131)		5,838,001,277	5,838,001,277
25. CTy TNHH SX TM DV Đồ Tươi - CH 146 (TK 131)		911,712,842	911,712,842
Tổng cộng		9,381,934,182	9,381,934,182

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm 2018		Năm 2017	
Văn phòng TP.HCM	:	3,992,373,821,598	:	3,636,836,176,846
Doanh thu bán hàng (TK 5111; TK 5112)	-	3,983,414,513,000	-	3,534,538,099,782
• Doanh thu bán hàng hóa (TK 51111)	11,589,141,064	-	15,688,986,352	-
• Doanh thu vật tư bán ngoài (TK 51112)	221,368,365,930	-	19,506,856,970	-
• Doanh thu sản phẩm xuất khẩu (TK 51122)	1,358,767,758,123	-	950,054,382,619	-
• Doanh thu sản phẩm HH-KM có thuế (TK 51128)	3,041,812,221	-	3,229,454,251	-
• Doanh thu sản phẩm nội địa (TK 51129)	2,388,647,435,662	2,546,058,419,590	-	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ (TK 5113)	-	8,267,986,838	-	308,285,197
Doanh thu hàng ủy thác (TK 5114)	-	691,321,760	-	358,863,944
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư (TK 5117)	-	-	-	100,182,916,869
Doanh thu khác (TK 5118)	-	-	-	1,448,011,054
Xí nghiệp Đồng Nai	:	930,301,811	:	908,731,535
• Doanh thu bán hàng hóa (TK 5111)	-	-	9,440,717	-
• Doanh thu thành phẩm đã tiêu thụ (TK 5112)	930,301,811	-	899,290,818	-
Xí nghiệp Hóc Môn	:	5,179,684,119	:	5,994,419,697
• Doanh thu bán hàng hóa (TK 5111)	834,981,000	-	834,870,000	-
• Doanh thu thành phẩm đã tiêu thụ (TK 5112)	4,344,703,119	-	5,159,549,697	-
Xí nghiệp Bình Lợi	:	832,122,445	:	1,311,017,751
• Doanh thu bán hàng hóa (TK 5111)	33,904,445	-	51,797,751	-
• Doanh thu thành phẩm đã tiêu thụ (TK 5112)	798,218,000	-	1,259,220,000	-
Cộng		3,999,315,929,973		3,645,050,345,829

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU (TK 521)	Năm 2018		Năm 2017	
Văn phòng TP.HCM	:	107,285,102,352	:	127,579,717,267
• Chiết khấu thương mại (TK 5211)	104,358,811,154	-	122,147,962,610	-
• Hàng bán bị trả lại	2,926,291,198	-	5,431,754,657	-
Xí nghiệp Hóc Môn	:	46,838,715	:	52,895,446
• Chiết khấu thương mại (TK 5211)	46,838,715	-	52,895,446	-
Cộng		107,331,941,067		127,632,612,713

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN (TK 632)		Năm 2018		Năm 2017	
Văn phòng TP.HCM	:	3,463,789,892,167	:	3,078,728,863,679	
• Giá vốn của hàng hóa đã bán	3,462,751,642,143	-	2,977,757,630,629	-	
• Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1,038,250,024	-	100,971,233,050	-	
Xí nghiệp Đồng Nai	:	577,244,324	:	586,230,248	
• Giá vốn của hàng hóa đã bán	576,420,993	-	586,521,813	-	
• Giá vốn hàng bán khác	823,331	-	(291,565)	-	
Xí nghiệp Học Môn	:	3,703,258,860	:	3,940,205,038	
• Giá vốn của hàng hóa đã bán	3,726,409,230	-	3,993,051,330	-	
• Giá vốn hàng bán khác	(23,150,370)	-	(52,846,292)	-	
Xí nghiệp Bình Lợi	:	763,862,346	:	1,072,108,392	
• Giá vốn của hàng hóa đã bán	757,288,239	-	1,065,664,597	-	
• Giá vốn hàng bán khác	6,574,107	-	6,443,795	-	
Cộng		3,468,834,257,697		3,084,327,407,357	

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (TK 515)		Năm 2018		Năm 2017	
Văn phòng TP.HCM	:	8,516,897,508	:	16,629,245,970	
• Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6,373,373,446	-	13,698,033,227	-	
• Chênh lệch tỷ giá, doanh thu hoạt động tài chính khác	2,143,524,062	-	2,931,212,743	-	
Xí nghiệp Đồng Nai	:	4,465,772	:	7,036,671	
• Lãi tiền gửi	4,465,772	-	7,036,671	-	
Xí nghiệp Học Môn	:	2,356,623	:	6,043,278	
• Lãi tiền gửi	2,356,623	-	6,043,278	-	
Xí nghiệp Bình Lợi	:	829,040	:	2,196,655	
• Lãi tiền gửi	829,040	-	2,196,655	-	
Xí nghiệp Bình Dương	:	3,010,844	:	4,568,365	
• Lãi tiền gửi	3,010,844	-	4,568,365	-	
Xí nghiệp Lớp Radial	:	2,533,888	:	4,653,690	
• Lãi tiền gửi	2,533,888	-	4,653,690	-	
Cộng		8,530,093,675		16,653,744,629	

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH (TK 635)		Năm 2018		Năm 2017	
Văn phòng TP.HCM	:	161,602,145,747	:	108,443,023,624	
• Lãi tiền vay	124,602,120,323	-	93,837,510,967	-	
• Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	12,898,689,457	-	13,611,263,952	-	
• Lỗ chênh lệch tỷ giá	24,101,335,967	-	782,954,065	-	
• Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền gửi ngân hàng, phải thu có gốc ngoại tệ:	-	-	211,294,640	-	
Xí nghiệp Học Môn	:	57,296,129	:	67,214,990	
• Chiết khấu thanh toán	57,296,129	-	67,214,990	-	
Cộng		161,659,441,876		108,510,238,614	

(6); CHI PHÍ BÁN HÀNG (TK 641) VÀ CHI PHÍ (7) QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (TK 642)	Năm 2018	Năm 2017
6. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	127,176,029,129	149,074,662,387
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	-	-
• Chi phí xuất khẩu	67,230,587,281	39,520,948,108
• CP vận chuyển	47,448,593,023	44,763,184,156
Các khoản chi phí bán hàng khác	12,496,848,825	64,790,530,123
7. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	131,127,449,802	134,690,093,150
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí QLDN	-	-
• Chi phí nhân viên quản lý	84,833,038,771	89,453,847,138
Các khoản chi phí QLDN khác	46,294,411,031	45,236,246,012
8. THU NHẬP KHÁC (TK 711)	Năm 2018	Năm 2017
Văn phòng TP.HCM	<u>4,463,281,341</u>	<u>11,571,777,664</u>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	- 347,765,454	- 736,030,305
Các khoản khác	- 4,115,515,887	- 10,835,747,359
• Thu thập do bán hồ sơ mời thầu	-	121,909,975
• Khác	505,997,239	-
• Bán phế liệu	3,436,894,017	7,646,498,838
• Thu tiền thuê đất năm 2015, 2016 địa chỉ 180 Nguyễn thị Minh Khai, Q.3, TP.HCM của Tập đoàn CIENCO 4	-	3,067,338,546
• Chi phí bồi thường thiệt hại cốt hơi	9,893,390	-
• Cty Bảo Minh Chợ Lớn chuyển bồi thường HS C385711 PFA 947716	138,986,000	-
• Tiền điện tiêu thụ của Cty Hoàng Minh tại XN Bình Lợi	23,745,241	-
Xí nghiệp Đồng Nai	: <u>299,231,479</u>	: <u>392,900,049</u>
Bán phế liệu	299,231,479	392,900,049
Xí nghiệp Bình Lợi	: <u>451,103,391</u>	: <u>377,792,753</u>
Tiền đền bù sản phẩm phế do tụt áp tháng 3/2017 của Công ty Tín Thành	-	13,453,874
Bán phế liệu	451,103,391	364,338,879
Thu nhập khác	-	-
Cộng	5,213,616,211	12,342,470,466

9. CHI PHÍ KHÁC (TK 811)		Năm 2018		Năm 2017	
Văn phòng TP.HCM		420,433,396		539,268,524	
Phí xử lý thùng phuy đựng hóa chất các loại	183,000,000	183,000,000	385,500,000	-	
Nộp theo QĐ 2043/QĐ-CT-XP ngày 08/5/2017	-	-	6,000,000	-	
Nộp theo BBLV ngày 04/8/2017	-	-	147,768,524	-	
Tiền chậm nộp thuế theo QĐ 1090/CCT-TBA ngày 18/01/2018	237,433,396	-	-	-	
Xí nghiệp Bình Lợi	-	-	-	520,979,280	
Tiền thuê đất kỳ 10/2014 (tiền thuê đất BL đợt 2/2014)	-	-	520,979,280	-	
Cộng		420,433,396		1,060,247,804	

10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		Năm 2018		Năm 2017	
10.1.	Lợi nhuận kế toán trước thuế từ hoạt động kinh doanh của toàn công ty	16,510,086,892	-	-	
10.2.	Khoản thu nhập được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN	3,991,886,380	-	-	
	Lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ ngày 31/12/2018	3,780,591,740	-	-	
	Lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ ngày 31/12/2017	211,294,640	-	-	
10.3.	Chi phí không được trừ khi tính thu nhập chịu thuế	237,433,396	-	-	
	Tiền chậm nộp thuế theo QĐ 1090/CCT-TBA ngày 18/01/2018	237,433,396	-	-	
10.4.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế công khoán thu nhập không được trừ của toàn công ty (= (10.1) - (10.2) + (10.3))	12,755,633,908	-	-	
10.5.	Chi phí thuế TNDN hiện hành của toàn công ty (= (10.4) x 20%)	-	2,551,126,782	-	
Cộng		2,551,126,782		14,274,931,420	

11. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI		Năm 2018		Năm 2017	
11.1.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế năm 2018	-	756,118,348	-	
	Lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu có gốc ngoại tệ ngày 31/12/2018	3,780,591,740	-	-	
	Thuế suất thuế TNDN hoãn lại	20%	-	-	
11.2.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế năm 2017	-	42,258,928	-	
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		798,377,276		(524,671,640)	

12. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU		Năm 2018	Năm 2017
		91	533
12.1. Cổ phiếu phát hành đầu kỳ (cổ phiếu)	103,626,467	-	-
12.2. Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	1,205	-	-
12.3. Cổ phiếu lưu hành trên thị trường (=103.626.467 - 1.205)	-	103,625,262	-
12.4. Lợi nhuận sau thuế TNDN	13,160,582,834	-	-
Khoản lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ			
12.5. các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu có gốc ngoại tệ (không được chia lợi nhuận)	3,780,591,740	-	-
12.6. Lợi nhuận sau thuế TNDN đã ngoại trừ các khoản không được chia lợi nhuận (= (12.4) - (12.5))	-	9,379,991,094	-
12.7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (= (12.6)/103.625.262)	-	91	-

13. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ		Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		2,681,324,597,366	2,416,239,248,025
Chi phí nhân công		256,781,518,672	251,689,289,308
Chi phí khấu hao TSCĐ		185,106,433,581	172,273,655,710
Chi phí dịch vụ mua ngoài		175,691,569,958	192,330,930,505
Chi phí khác bằng tiền		249,178,594,309	277,599,895,157
Cộng		3,548,082,713,886	3,310,133,018,705

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai
- Mua tài sản và nhận nợ thông qua nghiệp vụ mua hàng trả sau, hoặc cho thuê tài chính : không phát sinh
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu : không phát sinh.
- Các giao dịch phi tiền tệ khác : không phát sinh.
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: không có.
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) (Mã số 11), bao gồm tăng giảm TK 131,331,138,333,335,338,344 : (49.895.543.870) VND
- Số tiền đi vay thực nhận trong kỳ (không bao gồm chênh lệch tỷ giá) : 3.859.863.625.032 VND
- Số tiền đã trả nợ gốc vay và tiền trả nợ gốc thuê tài chính trong kỳ : 3.918.515.044.759 VND

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Đến ngày 31/12/2018, Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam có khoản công nợ phải thu các đối tượng : Nguyễn Minh Phú giá trị 5.838.001.277 VND, CH Nông Cơ Tiến Hà giá trị 143.447.968 VNĐ, Nguyễn Thị Hoa giá trị 86.597.002 VNĐ, Cty TNHH SX TM DV Đò Tươi giá trị 911.712.842 VNĐ là khoản nợ phải thu khó đòi. Công ty đã chuyển nhóm khách hàng do ông Lê Thanh Bình chiếm đoạt ra ngoài bảng cân đối kế toán theo nghị quyết số 26/2016/NQ-CSM-HĐQT, ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: không có.

3. Thông tin về các bên liên quan

- Đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn hóa chất Việt Nam.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết trong nghị quyết đại hội cổ đông của doanh nghiệp, trong năm không phát sinh ảnh hưởng nào đến hoạt động của doanh nghiệp
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, trong năm không phát sinh các sự việc bất thường

a. Các bên liên quan

Mối quan hệ

Tập đoàn hóa chất Việt Nam	Công ty Mẹ
Công ty CP Cao Su Đà Nẵng	Chung Tập đoàn
Công ty CP Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	Chung Tập đoàn
Cty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	Chung Tập đoàn
Công ty CP Philips Carbon Black Việt Nam	Công ty nhận đầu tư

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan:

Tên Công ty	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Công ty CP Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	Chung Tập đoàn	Đến ngày 31/12/2018, Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	1,920,012,185
Tổng thu nhập của Hội đồng quản trị và ban Tổng Giám Đốc (8 người)			3,981,931,829
		Lương năm 2018	2,964,285,829
		Phụ cấp, thưởng năm 2018	42,840,000
		Thưởng năm 2017 chi trong năm 2018	638,806,000
		Thù lao năm 2018	336,000,000
<ul style="list-style-type: none"> Ông Nguyễn Xuân Bắc, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, đại diện vốn nhà nước, được bổ nhiệm ngày 26/04/2016. Ông Lê Tùng Quân, chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, đại diện vốn nhà nước, được bổ nhiệm ngày 19/04/2018. 	<ul style="list-style-type: none"> Ông Phạm Hồng Phú, chức vụ Tổng giám đốc điều hành, số cổ phiếu nắm giữ 218.185 cổ phiếu. Ông Nguyễn Minh Thiện, chức vụ Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng, số cổ phiếu nắm giữ 47.152 cổ phiếu Ông Nguyễn Ngọc Phương, chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, số cổ phiếu nắm giữ 6.940 cổ phiếu 		

c. Tại ngày 31/12/2018, Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn vay các bên có liên quan như sau:

Tên	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Ông Nguyễn Ngọc Phương	Thành viên HĐQT	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	1,017,500,000
Ông Nguyễn Song Thao	Phó Tổng Giám Đốc	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	350,000,000
Ông Nguyễn Đình Đông	Phó Tổng Giám Đốc	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	100,000,000
Ông Bùi Thọ Lưu Hiển	Giám Đốc Xí nghiệp Đồng Nai	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	80,000,000
Bà Nguyễn Thị Thi Thi	Người thân ông Nguyễn Song Thao (Phó Tổng Giám Đốc)	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	1,574,000,000
Bà Phùng Thị Ngọc Thúy	Người thân ông Nguyễn Minh Thiện (Phó Tổng Giám Đốc)	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	590,000,000

4. Thông tin về Báo cáo đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Báo cáo của Văn phòng công ty
- Báo cáo của Xí nghiệp Đồng Nai
- Báo cáo của Xí nghiệp Hóc Môn
- Báo cáo của Xí nghiệp Bình Lợi
- Báo cáo của Xí nghiệp Bình Dương
- Báo cáo của Xí nghiệp Lốp Radial

Các báo cáo trên là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị kinh doanh ở các khu vực khác nhau do đó báo cáo theo các khu vực như sau:

	Văn phòng Hồ Chí Minh		Xí nghiệp Đồng Nai		Xí nghiệp Hóc Môn		Xí nghiệp Bình Lợi		Tổng	
	2018	2017	2018	2017	2018	2017	2018	2017	2018	2017
Doanh thu thuần	3,885,088,719,246	3,509,256,459,579	930,301,811	908,731,535	5,132,845,404	5,941,524,251	832,122,445	1,311,017,751	3,891,983,988,906	3,517,417,733,116
Giá vốn	3,463,789,892,167	3,078,728,863,679	577,244,324	586,230,248	3,703,258,860	3,940,205,038	763,862,446	1,072,108,392	3,468,834,257,697	3,084,327,407,357
Lợi nhuận gộp	421,298,827,079	430,527,595,900	353,057,487	322,501,287	1,429,586,544	2,001,319,213	68,259,999	238,909,359	423,149,731,209	433,090,325,759

5. Tài sản và nợ phải trả tài chính:

Do chưa có hướng dẫn cụ thể thực hiện hạch toán, theo dõi về công cụ tài chính nên công ty chưa có sự chuẩn bị đầy đủ về hệ thống công nghệ thông tin, quy trình nghiệp vụ cơ sở dữ liệu, đào tạo nhân viên... để trình bày.

6. Điều chỉnh trong báo cáo tài chính năm trước do các thay đổi trong chính sách kế toán của năm nay:

Không có.

7. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty:

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

b. Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải

thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

c. Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp (xem thuyết minh V.1).

d. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

e. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Tại ngày 31/12/2018	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm
Phải trả cho người bán	327,729,735,807	-	-
Người mua trả tiền trước	15,509,566,771	-	-
Vay và nợ	1,659,955,784,075	540,415,105,677	-
Phải trả người lao động	39,851,988,936	-	-
Chi phí phải trả	22,464,518,437	-	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	56,764,804,411	-	-
Cộng	2,122,276,398,437	540,415,105,677	-

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

f. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền tệ trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro khác.

Các phân tích về độ nhạy dưới đây được trình bày trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

g. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Trong năm 2018, Công ty phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ và thực hiện theo chuẩn mực kiểm toán số 10, đơn vị đã điều chỉnh chênh lệch tỷ giá cuối kỳ phù hợp với Thông tư 179/2012/TT-BTC, ngày 24/10/2012.

h. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

i. Độ nhạy của ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính không đáng kể.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Đến ngày 31/12/2018, Công ty không có ý định hoặc yêu cầu phải giải thể, ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động, tìm kiếm sự bảo hộ từ các chủ nợ theo pháp luật và quy định hiện hành.

9. Thông tin về số liệu so sánh:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS).

TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu
Issued by



Nguyễn Thế Vinh

Kế toán trưởng
Chief Accountant



Vũ Quốc Anh



Trưởng Giám Đốc
General Director

Phạm Hồng Phú



CASUMINA
BẠN ĐƯƠNG TIN CÂY

TIỀN NỔI DẠM



COVERER



REAR

VEN

ĐUONG XA



VENTURER



DISCOVERER

VENTURER